Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TRƯỜNG CAO-ĐẲNG QUỐC-PHÒNG
KHÓA III

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO
TẠI
VIỆT NAM CỘNG HÒA
TRONG
CÔNG CUỘC CHỐNG CỘNG

THƯ VIỆN QUỐC GIA
VIỆT NAM
Số 1389

Đại Tá Nguyễn văn Chức

1971

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1389

MỤC-LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU.-	I
CHƯƠNG DẪN NHẬP.-	1
CHƯƠNG I.- HIỂM HỌA CỘNG SẢN TẠI VIỆT NAM	19
TIẾT I.- BỐI CẢNH LỊCH SỬ CẬN ĐẠI VỀ PHÍA VIỆT NAM CỘNG HÒA	20
MỤC I.- SỰ KẾT THÚC CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG	21
MỤC II.- THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA	22
MỤC III.- THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP	24
MỤC IV.- HẬU QUẢ LÃNH ĐẠO CỦA THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA VÀ THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP	28
MỤC V.- THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA	29
TIẾT II.- BỐI CẢNH CHIẾN TRANH DO CỘNG SẢN CHỦ XƯỚNG	35
MỤC I.- THỜI KỲ TRANH ĐẤU TRƯỚC NGÀY CƯỚP CHÁNH QUYỀN	35
MỤC II.- CHIẾN TRANH CHỐNG PHÁP	38
MỤC III.- SAU NGÀY ĐÌNH CHIẾN	40
TIẾT III.- BẢN CHẤT CUỘC CHIẾN TRANH VÀ CHIẾN LƯỢC XÂM LĂNG CỦA CỘNG SẢN BẮC VIỆT	44
MỤC I.- BẢN CHẤT CUỘC CHIẾN TRANH	44
MỤC II.- CHIẾN LƯỢC CỦA CỘNG SẢN	47
MỤC III.- VẤN ĐỀ CỘNG SẢN BẮC VIỆT PHẢI GIẢI QUYẾT	49

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Trang

CHƯƠNG II.- QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI VIỆT NAM 51

TIẾT I.- THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA 52

MỤC I.- QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO 52

MỤC II.- LƯỢNG GIÁ QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA 58

TIẾT II.- THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP 62

MỤC I.- QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO 62

MỤC II.- LƯỢNG GIÁ QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP 64

TIẾT III.- THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA 67

MỤC I.- THÀNH QUẢ LÃNH ĐẠO 67

MỤC II.- KIỂM ĐIỂM THÀNH QUẢ LÃNH ĐẠO CỦA THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA TỪ NĂM 1967 ĐẾN NAY 73

TỔNG HỢP 75

CHƯƠNG III.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG KHẢ DỤNG 77

TIẾT I.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI HY LẠP 78

MỤC I.- BỐI CẢNH LỊCH SỬ 78

MỤC II.- CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG 81

MỤC III.- LƯỢNG GIÁ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO 86

TIẾT II.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI MÃ LAI 89

MỤC I.- BỐI CẢNH LỊCH SỬ 89

MỤC II.- CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG 93

MỤC III.- LƯỢNG GIÁ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO 97

Trang

TIẾT III.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI PHI LUẬT TÂN 100
MỤC I.- BỐI CẢNH LỊCH SỬ 100
MỤC II.- CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG 104
MỤC III.- LƯỢNG GIÁ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO 106
TỔNG HỢP 108

CHƯƠNG IV.- THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TRONG TƯƠNG LAI 110

TIẾT I.- ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO 111
MỤC I.- ĐỨC TÁNH VÀ LẬP TRƯỜNG CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO 111
MỤC II.- KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO 112

TIẾT II.- TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO 113
MỤC I.- CÁCH MẠNG BẢN THÂN 113
MỤC II.- CÁCH MẠNG GIA ĐÌNH 114
MỤC III.- CÁCH MẠNG XÃ HỘI 114

TIẾT III.- VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG 123
MỤC I.- ỔN ĐỊNH CHÁNH TRỊ 124
MỤC II.- CẢI TỔ HÀNH CHÁNH 128
TỔNG HỢP 129

KẾT LUẬN 133

THƯ TỊCH 139

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

LỜI MỞ ĐẦU

Cuộc chiến tranh Việt Nam là một cuộc tranh chấp có tầm quan trọng quốc tế mà kết cuộc sẽ quyết định chiều hướng tương lai của chiến tranh Lạnh giữa hai phe Tư bản và Cộng sản.

Đối với nhơn dân Miền Nam thì mối quan tâm thường xuyên vẫn là : Cuộc chiến nầy đây sẽ kết thúc ra sao ? Tương lai Miền Nam sẽ như thế nào ?

Ngoài những yếu tố khách quan - có tánh cách quyết định đến cuộc chiến - như vai trò, ảnh hưởng và sự can thiệp công khai hoặc ngầm ngầm của các cường quốc đã và đang tiếp tục hỗ trợ hai phe lâm chiến, thiết tưởng có hai yếu tố chủ quan đáng kể, mà chúng tôi tin rằng sẽ quyết định tương lai của cuộc chiến, đó là: Yếu tố Nhơn dân và Yếu tố Lãnh đạo của cả hai Miền Nam Bắc.

Ý định của chúng tôi khi chọn đề tài cho tập Luận văn nầy chỉ có tánh cách hết sức khiêm nhượng tức là nhằm nghiên cứu và học hỏi về một yếu tố vô cùng phức tạp và hết sức tế nhị, đôi khi có vẻ "huyền bí", đó là "Vai Trò Lãnh Đạo Chống Cộng Tại Việt Nam Cộng Hòa".

Từ lâu nầy, dư luận quốc nội và quốc tế đã phải điên đầu trước những biến cố xảy ra tại Việt Nam Cộng Hòa. Thậm chí có dư luận dám quyết đoán cho rằng đó là hậu quả của sự can thiệp ngoại bang, của chế độ Thái thú tân thời, đòn phép của phù thủy hoặc những trò ma giáo v.v...

Chúng tôi không đồng ý với dư luận đầy ác ý nêu trên vì nó mang nặng tính chất "bị trị" của thời xa xưa, và chỉ tiêu cực, vô tình hay cố ý xuyên tạc chánh nghĩa của Việt Nam Cộng Hòa.

Chúng tôi tin tưởng sắt đá rằng tương lai Miền Nam phải do chính nhơn dân Miền Nam định đoạt và mọi sự can thiệp của ngoại bang phải được giải trừ đến mức tối đa!

Tuy nhiên niềm tin ấy chỉ có thể trở thành sự thật khi nào Miền Nam có được điều mà chúng tôi xem như là chủ điểm của tập Luận văn này, tức là "Lãnh đạo thích nghi".

Trong tập Luận văn này, chúng tôi không hề có ý định đả kích hay thách đố bất cứ nhơn vật hay đoàn thể nào cả. Sở dĩ có một vài nhận xét có vẻ khe khắc, chẳng qua là vì nhu cầu khe khắc của tình thế liên hệ đối với vai trò lãnh đạo. Tình thế càng khó khăn, càng nguy khốn bao nhiêu thì trách nhiệm của nhà Lãnh đạo càng nặng nề bấy nhiêu! Lãnh đạo theo ý nghĩa cao đẹp là một vinh dự và một trọng trách chớ không thể là một đặc quyền cho bất cứ cá nhơn hay bè phái nào để thủ lợi.

Trước viễn ảnh của cuộc chiến đến hồi kết thúc, Lãnh đạo được gắn liền với hai nhiệm vụ Cứu quốc và Kiến quốc. Tình thế đòi hỏi nơi nhà Lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa những thái độ đức tánh và khả năng tuyệt vời khả dĩ lèo lái con thuyền quốc gia vượt cơn phong ba bão táp có thể xảy ra trong những ngày sắp đến.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Thời kỳ vàng son của những tay "phù thủy chống Cộng" của những kẻ đầu thầu chống Cộng", của những "chánh khách xu thời", của những kẻ nhứt nhứt đều cầu vấn bóc khoa, đồng bóng, của những "kẻ giả nhơn giả nghĩa", của những "cô nhơn hay bè phái" lợi dụng chiêu bài chống Cộng để thủ lợi, của những kẻ "chống Cộng bằng mồm", của những "thần tượng cổ lỗ sĩ", của những "con nuôi khuấy nồi cỗ xe ngựa" v.v... bắt buộc phải cáo chung!

Hơn bao giờ hết, Miền Nam cần có "Lãnh đạo thích nghi" đó là điều kiện tất yếu mở đường cho sự chiến thắng của nhơn dân Miền Nam trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù Cộng Sản.

Tóm lại, chúng tôi xin mượn lời của nhà Lãnh tụ Phong Trào Tây Võ Trang Tinh Thần, để nói lên triết lý của chúng tôi về Vai trò Lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam Cộng Hòa :

> "Loài người hoặc được cai trị bởi những người chịu sự tể trị của Thượng Đế, bằng không thì họ bị thống trị bởi những bạo chúa" (1).
>
> FRANK BUCHMAN

Sau hết, trong khi soạn thảo tập Luận văn này chúng tôi đã gặp nhiều trở ngại và giới hạn trong công việc sưu tầm những tài liệu càng ý kiến chánh xác, khách quan và có giá trị thiết thực. Các sách nói về chiến tranh Việt Nam thì nhiều, nhưng mỗi tác giả lại có một nhận định khác nhau trước cùng một vấn đề.

---

(1) Nguyên văn : "Men are either governed by men governed by God, or otherwise they are ruled by tyrants".

Do đó, lẽ ra chúng tôi phải Liệt kê các sự kiện cùng nhận xét của nhiều tác giả khác nhau để nộng đường phê phán. Tuếc thay chúng tôi không thể thực hiện điều ấy vì thời giờ eo hẹp và sự bận nộn thường xuyên phát sanh từ chương trình giảng huấn nặt súc tích của Trường Cao Đẳng Quốc Phòng. Ngoài ra, phải kể đến sự vụng về của chúng tôi, vốn không phải sở trường về "nghệ-thuật viết văn". Mặc dầu đã được khai phóng nặt nhiều bởi công lao và thiện chí của Ban Giảng Huấn cùng quý vị Giáo sư, Chánh khách, Tướng lãnh Việt Nam và Đồng Minh v.v..., và được bổ túc bởi các sách có giá trị của Thơ viện Trường Cao Đẳng Quốc Phòng chúng tôi vẫn tự nhận thấy tập Luận văn này hãy còn nhiều khuyết điểm. Mục đích chánh của chúng tôi là qua tập Luận - văn này, chúng tôi thành khẩn đón nhận và học hỏi những sự chỉ giáo của các bực cao minh, thức giả.

Saigon, ngày 27 tháng 4 năm 1971

Đại Tá NGUYỄN VĂN CHỨC

CHƯƠNG DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Kể từ khi Đệ nhị thế chiến kết thúc cho đến nay, nhiều nước đã gặp phải bất hạnh trở thành mục tiêu tranh chấp giữa hai khối Cộng Sản và Thế giới Tự do trong một cuộc tranh chấp trường kỳ được gọi là "chiến tranh lạnh".

Các nước Hy Lạp, Phi Luật Tân, Mã Lai và Đại Hàn, mặc dầu đã từng là mục tiêu xâm lược của Cộng sản Quốc tế, nhưng lại được may mắn thoát nạn bằng cách đẩy lui được hiểm họa Cộng Sản với sự hỗ trợ hùng hậu và "không mặc cảm" của những quốc gia trong khối Tự do.

Trường hợp của Việt Nam lại rất phức tạp. Từ 1945 đến 1954, Pháp đã tìm cách lợi dụng chiêu bài chống Cộng để tái lập đô hộ tại Việt Nam, Cao Mên và Lào. Mặc dầu Pháp đã lần lần trao trả độc lập cho các phần tử quốc gia Việt Nam để tìm cách lôi cuốn họ tham gia vào cuộc chiến tranh chống Cộng nhưng kết quả đã không được như ý muốn vì sự chần chờ của phe thực dân Pháp vẫn cố duy trì những đặc quyền và vì Trung Hoa đại lục bị rơi vào tay Trung Cộng khiến cho Việt Cộng (Việt Minh) - lúc bấy giờ đang kiệt quệ vì các cuộc hành quân tấn công của Pháp vào chiến khu Việt Bắc và biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn - lại được cơ hội để hồi sanh. Kể từ 1950 trở đi, Trung Hoa đại lục biến thành một "thánh địa an toàn (SANCTUARY) vĩ đại khiến cho vận hội chiến thắng của Pháp mỗi ngày một lu mờ. Chiến tranh kết thúc bằng Hiệp-định Genève 1954 chia cắt Việt Nam thành hai miền, theo vĩ tuyến 17. Miền Bắc bị lọt vào tay Việt Cộng, miền Nam lần lần thuộc chủ quyền quốc gia, với sự triệt thoái miễn cưỡng của đạo binh viễn chinh và các cấp hành chánh cùng những phần tử tay sai của Pháp.

Sau khi thôn tính xong miền Bắc, Việt Cộng lại tìm cách thôn tính luôn miền Nam. Thất bại trong âm mưu hiệp thương bịp bợm năm 1956, Việt-Cộng đã áp dụng đường lối xử dụng bạo lực để thực hiện ý đồ đen tối của chúng bằng cách khai sanh Mặt trận Giải phóng Miền Nam kể từ cuối năm 1959, và đồng thời xâm nhập cán binh và chiến cụ vào Nam để tiến hành chiến tranh khuynh đảo mà mục đích cuối cùng là lật đổ chánh quyền hợp pháp của Việt Nam Cộng Hòa.

Chiến tranh do Cộng Sản Bắc Việt chủ xướng và theo đuổi cho đến nay đã kéo dài trên 12 năm trường, gây ra biết bao tàn phá, đổ vỡ, đau thương và tang tóc cho cả hai miền Nam Bắc. Cộng Sản Bắc Việt đã vấp phải sức phản ứng quyết liệt mà chúng không lường trước được từ phía Đồng Minh của Việt Nam là Huê Kỳ. Có thể nói là "hậu phương lớn" của địch tức là miền Bắc đã bị tan tành bởi những cuộc không tập ác liệt và kéo dài từ năm 1965 đến 1968, khiến cho công trình kiến thiết công kỹ nghệ nhờ sự viện trợ của khối Cộng Sản và biết bao xương máu của đồng bào miền Bắc đã không mấy chút trở thành mây khói! Điều này càng khiến cho Bắc Việt càng hung hẳn thêm lên nhứt là khi mà đàn anh Trung Cộng vẫn cứ tiếp tục chế dầu vào lửa, sẵn sàng hỗ trợ cho Việt Cộng để đánh cho đến người Bắc Việt cuối cùng.

Tuy nhiên sự điên rồ của Hồ Chí Minh, lãnh tụ hiếu chiến của Cộng Sản Bắc Việt, cũng đã phải kết thúc bằng chính cái chết của đương sự, một cái chết rất bi đát và chán chường. Di sản của Hồ Chí Minh là gì, nếu không phải là một miền Bắc dầy đầy đổ vỡ của chiến tranh; một cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân thất bại cùng cực đến độ đa số cán binh thiện chiến nhứt đều bị hy sanh tráng trợn một cách phi lý, cộng với tổng số thương vong kể từ 1959 cho đến khi họ Hồ nằm xuống, lên đến nửa triệu sanh mạng!

Giấc mộng vĩ đại của Hồ Chí Minh đã không thành!

Tuy nhiên con ma họ Hồ vẫn chưa chịu thôi. Họ Hồ còn di chúc cho các đàn em như sau :

"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là : Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhứt, độc lập dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới" (1).

Lời di chúc này đã mặc nhiên thú nhận âm mưu "thống nhứt" đất nước dưới ngọn cờ của đảng Cộng Sản miền Bắc (Đảng Lao Động Việt Nam) và do đó, có nghĩa là "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" cũng như cái gọi là "Chánh phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam" đều chỉ là những tổ chức bù nhìn làm bình phong che dậy âm mưu xâm lược của Cộng Sản Miền Bắc !

Như vậy chiến tranh vẫn cứ tiếp tục. Tuy nhiên Hồ Chí Minh đã quá coi nhẹ câu nói của tổ tiên truyền lại, đó là "Mưu sự tại nhơn, thành sự tại thiên".

Cái chết của họ Hồ tự nó đã là một thiệt thòi lớn lao cho hàng ngũ Cộng Sản Bắc Việt, vì đã gây ra cuộc khủng hoảng lãnh đạo rất trầm trọng mà chính họ Hồ cũng không có cách gì để ngăn chận ! Thay vì chỉ định người kế vị trong di chúc, Hồ Chí Minh không có cách gì hơn là nhắn nhủ đàn em một cách tổng quát như sau :

"Các đồng chí từ Trung ương đến các Chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết của đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình".

Trong lúc miền Bắc còn trong cảnh "tang gia bối rối" thì xảy ra cuộc hạ bệ Sihanouk tại Cao Miên rồi sau đó đến

(1) "Lời Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh", Hà Nội ngày 10.5.1969.

cuộc hành quân của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Huê Kỳ phá tan "thánh địa" an toàn của Việt Cộng tại đó. Có thể nói đây là một khúc quanh trong lịch sử cuộc chiến vì một trong những điều kiện tất thắng của loại chiến tranh cách mạng Cộng Sản là phải có "thánh địa" an toàn. Thế mà sào huyệt an toàn của Việt Cộng tại Cao Miên không còn nữa! Cuộc chiến tranh từ nay đã được di chuyển ra ngoài biên giới của Việt Nam Cộng Hòa, trong khi Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa càng ngày càng củng cố an ninh nội bộ, tái thiết và kiến tạo thêm các hạ tầng cơ sở kinh tế, phát-triển sanh hoạt dân chủ hợp pháp, hợp hiến v.v...

Gần đây cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tại Hạ Lào, đã đánh vào chỗ hiểm của Việt Cộng, khiến cho chúng phải liều chết để chống trả, dầu phải trả một giá quá đắt! Từ lâu rồi, các đơn vị Việt Cộng tham chiến tại Cao Miên và Miền Nam Việt Nam đã trở thành một thứ đạo quân viễn chinh ; hầu hết đều lệ thuộc vào nguồn tiếp vận từ Bắc Việt qua hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh, nhứt là sau khi chính phủ chống Cộng ở Cao Miên không cho Cộng Sản Bắc Việt xử dụng hải cảng Sihanoukville như trước.

Các sự kiện nêu trên nói lên sự thoái trào của hiểm họa quân sự Cộng Sản đối với Việt Nam Cộng Hòa. Tuy nhiên Cộng Sản Bắc Việt vẫn không từ bỏ chiến tranh xâm lược. Trái lại chúng tỏ ra cứng rắn hơn tại hội đàm Ba Lê chỉ vì lý do tâm lý gây nên bởi xu hướng phản chiến của dư luận quốc nội Huê Kỳ cộng với các cuộc biểu tình chống chiến tranh gần đây tại Hoa Thạnh Đốn và cuộc rút quân có vẻ hấp tấp hơn dự liệu của Mỹ và các quốc gia Đồng Minh khác của Việt Nam Cộng Hòa. Sự kiện này đã khiến cho Cộng Sản Bắc Việt nuôi hy vọng rằng nếu tiếp tục theo đuổi chiến tranh, không sớm thì chầy, Việt Nam Cộng Hòa sẽ sụp đổ và chúng sẽ đạt chiến thắng cuối cùng!

*
* *

Để có thể đánh bại các nỗ lực xâm lăng của Cộng Sản Bắc Việt trong giai đoạn chót của cuộc chiến, Việt Nam Cộng Hòa cần phải khắc phục các nhược điểm sau đây :

1.- Nhược điểm quân sự gây ra bởi chương trình "Việt Nam hóa". Liệu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa có đủ khả năng - về lượng cũng như phẩm - để đảm nhận trách nhiệm do sự triệt thoái mỗi ngày một gia tăng của Quân lực Đồng minh, nhứt là Quân lực Huê Kỳ? Thêm vào đó còn phải kể đến những bất trắc của chiến trường trong tương lai.

2.- Nhược điểm kinh tế, vì nạn lạm phát càng ngày càng trầm trọng thêm lên, sanh hoạt của dân chúng càng khó khăn, chật vật. Cũng vì chiến tranh cứ tiếp tục mà tư bản trong nước và nhứt là ngoài nước càng dè dặt trong vấn đề đầu tư, phát triển kinh tế. Ngoài ra, phải kể đến tình trạng mất mát ngoại tệ vì những dịch vụ chuyển ngân bất hợp pháp v.v...

3.- Nhược điểm chánh trị, vì tình trạng phân hóa của hàng ngũ chống Cộng vẫn chưa biết bao giờ chấm dứt! Đảng cầm quyền vẫn là hoài bão của giới lãnh đạo. Thế lực kim tiền vẫn là phương pháp thông dụng nhứt để tìm cách thay thế khoảng trống chánh trị!

4.- Nhược điểm tâm lý, vì cuộc khủng khoảng niềm tin vẫn trầm trọng thêm lên bởi sự ra đi của Quân lực Đồng minh, bởi phong trào phản chiến tại quốc nội và quốc ngoại, nhứt là ở Huê Kỳ. Thêm vào đó còn có nạn tham nhũng dầy đầy; tâm trạng cầu an, mỏi mệt vì chiến tranh, khao khát hòa bình v.v... Tệ hại hơn cả là sự cố tình khai thác những đề tài nêu trên của một thiểu số chánh khách hoặc lãnh tụ tôn giáo mị dân hoặc ngây thơ, hỗ trợ bởi một số báo chí tả khuynh, chủ bại, xuất bản ngay tại Thủ đô Saigon.

5.- Nhược điểm tinh thần, do nơi tình trạng khủng khoảng lãnh đạo mỗi ngày càng trầm trọng vì cuộc bầu cử Tổng Thống và Hạ Nghị Viện trước cuối năm 1971 này. Ngoài ra cũng phải kể đến hậu quả của nạn lạm phát kéo dài đối với tinh thần công chức, quân nhơn, cảnh sát quốc gia v.v... khiến cho kỷ luật quốc gia bị tổn thương và nhơn dân ta thán vì hành động tham nhũng hoặc sách nhiễu của một thiểu số quân cán chánh quốc gia bị dồn vào tình trạng "đói ăn vụng, tứng làm càn" v.v...

Sau hết còn có tình trạng đạo lý và phong hóa suy đồi thể hiện qua nạn cao bồi du đảng, nạn mãi dâm, cờ bạc, hút sách lan tràn ; nạn đào ngũ, trốn quân dịch ; nạn gian lận thi cử, nạn mua quan bán tước ; nạn mua chuộc lá phiếu của một số đại diện dân cử ; nạn chánh trị đội lốt tôn giáo, nạn bè phái ; nạn buôn lậu dủ thứ, thậm chí có một số Dân biểu Quốc Hội cũng bị bắt quả tang phạm pháp vì buôn lậu ma túy, vàng khối, tiền tệ v.v...

Tất cả những nhược điểm kể trên đều có xu hướng yểm trợ đắc lực lẫn nhau, khiến cho tình trạng miền Nam càng thêm phức tạp và khó khăn bội phần. Mặc dầu ai cũng biết "mía sâu có đốt, nhà dột có nơi", nhưng đối phương Cộng Sản không bỏ lỡ cơ hội để tuyên truyền xuyên tạc, quơ đủa cả năm, để bôi lọ chánh thể Việt Nam Cộng Hòa trước nhơn dân trong nước và dư luận quốc tế. Đó là một sự kiện rất đau lòng nếu không nói là đáng công phẫn đến tột độ ! Vì còn gì đau đớn và oan uổng cho bằng khi mà chánh nghĩa của miền Nam - chiến đấu vì Tự do Dân chủ, chống lại xâm lăng của Cộng Sản - lại bị kẻ thù là Cộng Sản bôi lọ quá dễ dàng chỉ vì một thiểu số, đã hoặc đang cố tình nói giáo cho giặc bằng cách gây ra biết bao tội ác nhơ nhớp, để cho đối phương mặc tình khai thác !

Tội ác vẫn là tội ác, dầu có xảy ra tại bất cứ nơi nào, lúc nào và bởi bất cứ ai, dầu có nhơn danh Cộng Sản

hay chống Cộng cũng không bao giờ được Thượng đế làm ngơ và không bao giờ được nhơn dân Việt Nam chấp nhận. Do đó, vấn đề "đạo đức của chiến tranh" là vấn đề rất quan trọng vì đó là yếu tố chánh yếu, khả dĩ có thể bảo đảm chánh nghĩa của phe Quốc gia chống Cộng tại miền Nam.

Đề cập đến vấn đề đạo đức trong việc trị nước, Quản Trọng xưa kia đã viết như sau :

> "Nước có bốn giềng mối ; một giềng mối đứt thì nghiêng, hai giềng mối đứt thì nguy, ba giềng mối đứt thì đổ, bốn giềng mối đứt thì diệt.
>
> Nghiêng thì có thể sửa cho ngay, nguy thì có thể làm cho yên đổ thì có thể dựng lên, nhưng diệt thì không còn có thể sắp đặt lại được.
>
> Bốn giềng mối đó là gì ? Một là lễ, hai là nghĩa, ba là liêm bốn là sỉ. Lễ giữ cho người không vượt phận, nghĩa làm cho người giữ lòng thành tín, liêm làm cho người không che cái ác, sỉ làm cho người không theo cái tà vậy" (1).

Trong phạm vi hạn chế của tập Luận văn này chúng tôi chỉ xin đề cập đến khía cạnh lãnh đạo, tức là "VAI TRÒ CHỐNG CỘNG TẠI VIỆT NAM CỘNG HÒA", vì theo thiển ý của chúng tôi, trước viễn ảnh của một cơn bão táp có thể xảy đến trong tương lai, qua một cuộc chạm trán quyết liệt và toàn diện, có tánh cách "một mất một còn" giữa hai phe "huynh đệ tương tàn", yếu tố chánh khả dĩ đem lại chiến thắng cho Việt Nam Cộng Hòa là <u>yếu tố lãnh đạo</u>. Các yếu tố khác tuy quan trọng thật nhưng không có tầm quan trọng quyết định như yếu tố lãnh đạo. Và chỉ khi nào Việt Nam Cộng Hòa giải quyết xong cuộc khủng hoảng lãnh đạo

(1) Trích theo quyển "Đề tài người ưu tú trong tư tưởng chánh trị Trung Quốc cổ thời" của Hùng Nguyên Nguyễn Ngọc Huy, trang 201.

thì chừng ấy mới có thể khắc phục được lần lần những nhược điểm khác về chánh trị, tâm lý, quân sự, kinh tế v.v...

Nếu người ta có thể ví Việt Nam Cộng Hòa như một con thuyền cũ kỹ, bị khá nhiều hư hại vì các trận bão đã qua, hiện đang linh đinh trên mặt biển, trước cơn phong ba bão táp sắp kéo đến, trong khi hành khách và thủy thủ đang giao động, hoang mang, lương thực và nước uống bị hạn chế và lệ thuộc vào sự tiếp tế từ bên ngoài thì trong tình thế ấy, vai trò của vị thuyền trưởng là vai trò có tánh cách quyết định.

Không ai có thể phỏng đoán chính xác tương lai của miền Nam này. Tuy nhiên có điều chắc chắn là hòa bình không thể van xin mà có được! Trước triển vọng rút quân gia tăng của Huê Kỳ và Đồng minh khác, trước phong trào phản chiến đang lên tại Mỹ, cộng với những nhược điểm cố hữu của miền Nam, rất có thể Cộng Sản Bắc Việt sẽ dốc sức để tìm chiến thắng, do đó miền Nam bắt buộc phải dốc sức chiến đấu để bảo vệ sự sống còn của chính mình. Một sự dốc sức như vậy thiết tưởng đối với chế độ độc đài đảng trị và phi nhơn của Cộng Sản Bắc Việt là một lẽ tất nhiên và không có gì khó lắm với điều kiện các nước Cộng Sản đàn anh như Nga Sô và Trung Cộng vẫn tiếp tục viện trợ chiến cụ và quân nhu với nhịp độ đều đặn. Đối với Cộng Sản Bắc Việt thì con người chỉ là công cụ của Đảng cho nên rất có thể chúng cứ tiếp tục gây nên cảnh "máu sông xương núi" để mưu tìm thắng lợi cuối cùng.

Trái lại đối với miền Nam, theo đường lối Tự do Dân chủ ấn định bởi Hiến pháp nhơn bản của Đệ Nhị Cộng Hòa và phải đối phó với năm nhược điểm mà chúng tôi đã liệt kê ở trên, một sự dốc sức như vậy không phải là dễ!

Có thể nói, một sự dốc toàn lực để kết thúc chiến tranh trong thắng lợi chỉ có thể trở thành sự thật khi nào

Miền Nam này có được điều mà một tác giả nổi tiếng về chiến tranh Việt Nam gọi là "Lãnh đạo thích nghi" (1).

Bản chất của chủ thuyết Nixon (2) là Huê Kỳ chủ trương không còn đánh giặc thay cho bất cứ quốc gia nào. Trái lại Huê Kỳ chỉ giúp phương tiện để các quốc gia tự bảo vệ lấy, chống lại xâm lăng Cộng Sản.

Gần đây nhứt, trong thông điệp ngày 7.4.1971 về việc "Triệt hồi thêm quân đội Huê Kỳ khỏi Việt Nam" (3), Tổng Thống Richard Nixon đã tuyên bố :

> "Giờ đây chúng ta hãy nhìn về tương lai. Như quý vị có thể thấy tiến bộ chúng ta đã đạt được cho đến nay và qua lời tuyên bố đêm nay, sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam đang đi đến chỗ kết thúc. Cái ngày người Nam Việt Nam có thể đảm nhận công cuộc phòng thủ của chính họ đã gần kề. Mục tiêu của chúng ta là triệt thoái hoàn toàn khỏi Việt - Nam . Chúng ta có thể và sẽ đạt mục tiêu đó qua kế hoạch Việt hóa của chúng ta" (4).

Trước khi kết thúc Thông điệp nêu trên, Tổng Thống Nixon lập lại như sau :

> "Tôi có thể đoan chắc với quý vị đêm nay với một niềm tin tưởng vững chắc rằng sự dính líu của Huê Kỳ vào chiến cuộc này đang đi tới chỗ kết thúc"...

---

(1) Herman Kahn "Can we win in Việt Nam?" trang 217.
(2) Công bố tại Guam ngày 25.7.1969.
(3) Bản tin hàng ngày của Sở Thông tin hỗn hợp Huê Kỳ ngày thứ năm 8.4.1971, trang 4.
(4) Do chính chúng tôi gạch thêm.

"Trong cuộc vận động tranh cử Tổng Thống, tôi đã cam kết chấm dứt sự can dự của Hoa Kỳ vào cuộc chiến tranh này. Tôi đang giữ lời cam kết đó. Tôi sẽ chịu trách nhiệm nếu tôi không giữ lời hứa".

Qua các sự kiện và diễn biến của thời cuộc quốc nội và quốc ngoại, Miền Nam không thể điềm nhiên tọa thị, mong chờ chiến tranh tàn lụn lần lần ! Giả sử đối phương có hòa đàm nghiêm chỉnh tại cuộc Hòa Đàm Ba Lê và giả sử hai bên có đi đến ngưng bắn để tiến đến một giải pháp chánh trị cho cuộc chiến thì các khó khăn về thử thách của Miền Nam lại càng gia tăng hơn nữa ! Trong trường hợp đó có khác nào miền Nam từ bỏ sở trường để đổi lấy sở đoản của mình. Còn địch thì lại tạm gát sở đoản để khai thác sở trường của chúng ! Cho đến nay, ưu thế của Miền Nam được xây dựng trên tiềm lực quân sự của quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Quân viện Thế giới Tự do. Biến số đáng kể nhứt là Quân viện Thế giới Tự do vì khi tiếng súng đã im bặt thì nhịp độ triệt hồi của Quân lực Đồng Minh sẽ gia tốc trong khi bộ đội Cộng Sản Bắc Việt vẫn cứ mai phục và bồi dưỡng chờ cơ hội thuận tiện để tổng công kích. Nhược điểm của Miền Nam nói chung là trong lãnh vực chánh trị và tinh thần. Sau khi ngưng bắn, cuộc đấu tranh sẽ chuyển từ mặt trận quân sự hữu hình sang mặt trận vô hình : chánh trị, tâm lý, tinh thần.

Tóm lại, Miền Nam không có cách nào khác hơn là phải <u>dốc toàn lực</u> để kết thúc chiến tranh trong thắng lợi.

Về vấn đề kết thúc chiến tranh trong thắng lợi, một triết gia nổi tiếng của Pháp là ông ALAIN đã viết như sau :

"Chiến tranh luôn luôn vượt quá các sự tiên đoán và sự khả hữu. Trong khi sức lực của con người đã kiệt quệ, vẫn phải tiến bước, trong khi vị trí không thể cố thủ nổi, vẫn phải cố thủ cho kỳ được.

"Nghệ thuật chiến tranh vượt quá khả năng ước muốn của con người. Trong con người bị đè bẹp bởi những sức mạnh ác liệt, vẫn còn những cơn chuyển mình mãnh liệt, phát sanh từ tia chớp cuối cùng của nghị lực.

"Cũng một thể ấy, chiến tranh kết thúc bởi những cơn chuyển mình tương tợ, được liên kết, phối hợp, võ trang ; một sự vẫy mình (quật khởi) cuối cùng của con thú tập thể mới tạo nổi chiến thắng" (1).

Nếu chúng ta không dám coi thường sự hiếu chiến, sự hung hản, sự độc ác và sự cuồng tín của Cộng Sản Bắc Việt, đã từng dám liều lĩnh đương đầu với một siêu cường quốc như Huê Kỳ trong cuộc chiến tranh này, thì thiết tưởng nhận xét nêu trên của Alain là điều đáng quan tâm, trước viễn ảnh kết thúc của cuộc chiến. Do đó, sự dốc sức của Miền Nam là nhu cầu bất khả kháng của lịch sử, để chứng tỏ rằng tại Miền Nam này hãy còn những người thà "chết vinh hơn sống nhục", không chạy trốn, không chịu khuất phục bạo lực, không phản bội tổ tiên, giống nòi, tức là những người dám hy sanh, chiến đấu quả cảm để tranh thủ tự do cho quốc gia dân tộc.

Tuy nhiên, một sự dốc sức như vậy, - mà ông Alain gọi là "một cơn chuyển mình được liên kết, phối hợp, võ trang ; một sự vẫy mình cuối cùng của con thú tập thể mới tạo nổi chiến thắng" - khó có thể quan niệm được trong tình thế "bệ rạc" của Miền Nam này, ngoại ngừ trường hợp Miền Nam có được yếu tố quyết định mà chúng tôi đã đề cập ở trên, tức là "Lãnh đạo thích nghi".

Trước đây Pháp đã thất trận Điện Biên Phủ và kết thúc chiến tranh Đông Dương trong thảm bại cũng vì thiếu yếu tố "Lãnh đạo thích nghi".

(1) Alain, "Mars ou la guerre jugée", trang 27.

Một tác giả nổi tiếng của Pháp đã nhận định như sau :

"Lỗi tại ai ? Trước hết là vì bản lãnh của đối thủ chúng ta ! Một bầy kiến tận bạo, những đồ đệ xuất sắc và những kẻ biết bắt chước khéo léo ? Có thể lắm...".

"Kế đến, là vì sự yếu kém của những nhà lãnh đạo của chúng ta ..." (1).

* * *

Sau đây là ba <u>định nghĩa</u> bao quát về <u>lãnh đạo</u> và hai nhận xét liên hệ đến lãnh đạo mà chúng tôi xin nêu lên để minh xác một cách gián tiếp quan niệm về lãnh đạo của tập Luận văn này.

"<u>Lãnh đạo</u> là nghệ thuật và sự hành xử nhằm ảnh hưởng một tập thể suy tưởng và hành động theo đường lối mà nhờ nỗ lực của người lãnh đạo, tập thể ấy tin tưởng rằng có lợi cho họ trong lâu dài"(2)

"<u>Lãnh đạo</u> là khả năng và ý chí để quy tụ quần chúng vào một nguyện vọng chung và cương nghị khả dĩ gợi lên được sự tín nhiệm" (của quần chúng) (3).

"<u>Lãnh đạo</u> là một danh từ và một ý niệm đã bị tranh luận quá nhiều... Tôi thà tránh xa những sự tranh luận vô bổ để chấp nhận sự mỹ yếu duối và những nhu cầu của bản chất con người,để rồi tìm cách thuyết phục họ theo tôi, vì một khi tôi thuyết phục được họ thì họ sẽ theo đính. Nếu tôi dùng áp lực để khuất phục họ, thì họ sẽ chỉ theo tôi khi nào áp lực còn tồn tại ; sau đó, tôi sẽ mất họ" (4).

---

(1) Jules Roy, "The battle of Điện Biên Phủ", trang 504.
(2) Encyclopedia Britanica.
(3) Field Marshal Montgomery "The Path to Leadership", trang 10.
(4) Tổng Thống Eisenhower, trong cuộc tiếp xúc với Quốc Hội Hoa Kỳ ngày 15.11.1956.

"Chỉ có chánh quyền là ngu xuẩn, chớ không phải quần chúng" (1).

"Người lãnh tụ là người đã tiếp nhận hoặc đảm nhận một khu vực của nhơn loại và của vũ trụ để định hướng theo kế hoạch của Thượng Đế" (2).

***

Về định nghĩa của <u>chiến thắng</u> trong tập luận văn nầy, chúng tôi tán đồng quan niệm của một chiến lược gia nổi tiếng của Tây phương :

"Chiến thắng theo nghĩa xác thật bao hàm rằng tình trạng hòa bình và tình trạng của dân tộc sẽ tốt đẹp hơn sau khi chiến tranh chấm dứt" (Victory in the true sense implies that the state of peace and of one's people, is better after the war than before)(3).

***

Để có thể lượng giá công cuộc lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam cũng như tại các quốc gia đã từng chiến thắng Cộng Sản như Hy Lạp, Mã Lai, Phi Luật Tân, trong tinh thần khách quan và vô tư, chúng tôi đã căn cứ trên năm nguyên tắc lãnh đạo chống Chiến tranh dấy loạn Cộng Sản, của Sir Robert Thompson (4), kể sau :

<u>Nguyên tắc thứ nhứt</u> :

Chánh phủ phải có chủ trương chánh trị rõ rệt : "Xây dựng và củng cố một quốc gia tự do, độc lập và đoàn kết ; ổn định và tự tồn về chánh trị và kinh tế".

(1) Tổng Thống Eisenhower, 25.7.1954.
(2) L.J. Lebret, "Principes pour l'Action", trang 32.
(3) B.H. Liddell Hart, "Strategy", trang 370.
(4) Sir Robert Thompson "Defeating communist insurgency" t. 50-62

Nguyên tắc thứ nhì :

Chánh phủ phải hoạt động phù hợp với luật pháp.

Nguyên tắc thứ ba :

Chánh phủ phải có kế hoạch toàn diện bao gồm mọi lãnh vực : chánh trị, quân sự, hành chánh, xã hội, kinh tế và tất cả mọi lãnh vực khác liên quan đến việc chống chiến tranh khuynh đảo của Cộng Sản.

Nguyên tắc thứ tư :

Chánh phủ phải dành ưu tiên chánh yếu cho công cuộc diệt trừ cơ sở hạ từng Cộng Sản và thứ yếu vào công cuộc tiễu trừ du kích Cộng Sản.

Nguyên tắc thứ năm :

Trong giai đoạn chiến tranh du kích, chánh phủ phải bảo vệ các căn cứ địa và các trung tâm đầu não của quốc gia.

Ngoài năm nguyên tắc nêu trên, chúng tôi xin đề ra hai nguyên tắc kể sau để bổ túc cho công cuộc lượng giá :

Nguyên tắc thứ sáu :

Chánh phủ phải biết tranh thủ ngoại viện về ba mặt : Ngoại giao, quân sự và kinh tế.

Nguyên tắc thứ bảy :

Nhóm lãnh đạo phải có lập trường chống Cộng rõ rệt và vững chắc. Phải gồm những người có tài lãnh đạo, có đạo đức cách mạng, và phải luôn luôn đặt quyền lợi tổ quốc lên trên hết.

Ngoài ra, trong tập Luận văn này, chúng tôi cũng đề cập đến sáu cuộc khủng hoảng chánh trị tại các tân quốc gia, (các nước chậm tiến) mà một giáo sư nổi tiếng về chánh trị học đã nêu ra cách đây không lâu (1) :

1.- Khủng hoảng bản ngã (The Identity Crisis)

Ở hầu hết các tân quốc gia, những hình thức thống nhứt cổ truyền trong phạm vi bộ lạc, đẳng cấp, sắc tộc, thường xung khắc với tinh thần thống nhứt ý chí dân tộc theo bản ngã quốc gia.

2.- Khủng hoảng chánh danh (The Legitimacy Crisis)

Cuộc khủng khoảng này liên hệ mật thiết với cuộc khủng hoảng bản ngã nêu trên vì các mâu thuẫn về giá trị, về chánh kiến, về chủng tộc v.v..., khiến cho các thành phần trong nước khó mà đồng ý thế nào là bản chất chánh đáng (hợp pháp) của quyền hành Trung ương và trách nhiệm của chánh quyền.

3.- Khủng hoảng thâm dân (The Penetration Crisis)

Để có thể hoạt động hữu hiệu, chánh quyền phải có khả năng phổ biến đường lối, chánh sách của mình tới tận thôn xóm và tiếp xúc mật thiết với dân chúng trong cuộc sống hằng ngày. Muốn được vậy, giới lãnh đạo cần phải san bằng hố cách biệt giữa thiểu số cầm quyền và quần chúng.

4.- Khủng hoảng tham dự (The Participation Crisis)

Vì càng ngày càng thêm nhiều thành phần dân chúng tham dự vào sanh hoạt chánh trị, nên có những quyền lợi và vấn đề mới xuất hiện và chánh sách mà nhà cầm quyền đang theo đuổi có thể bị gián đoạn. Do đó phát sanh nhu cầu duyệt xét lại cơ cấu chánh trị trong nước.

(1) Lucian W. Pye, "The Concept of Political Development", trang 285-288.

5.- Khủng hoảng hòa đồng (The Integration Crisis)

Trong các nước chậm tiến, có quá nhiều nhóm yêu sách quyền lợi. Những nhóm đó không chịu chia xẻ quyền lợi chung và cố đòi hỏi chánh quyền phải thỏa mãn ngay các yêu sách riêng của họ. Điều này khiến cho các chánh quyền yếu kém dễ bị lúng túng, bị động, phải áp dụng những biện pháp vá víu, tạm bợ.

6.- Khủng hoảng chia phần (The Distribution Crisis)

Chánh quyền các nước thường bị bó buộc vì tài nguyên nghèo nàn của quốc gia. Vấn đề được đặt ra là phải dành ưu tiên cho các khu vực cạnh tranh lẫn nhau như an ninh, quốc phòng, phát triển kinh tế, giáo dục, xã hội v.v... Phải chia phần cho các thành phần khác nhau trong xã hội để tránh gây bất mãn, ly khai v.v...

*
* *

Tóm lại, muốn chiến thắng loại chiến tranh cách mạng của Cộng Sản, giới lãnh đạo Miền Nam phải nhận chân vấn đề trước đã rồi mới hòng đề ra giải pháp thích ứng!

Người ta vẫn thường cho rằng kẻ thù hay đối phương của Việt Nam Cộng Hòa là Cộng Sản Bắc Việt, vậy thì Cộng Sản là vấn đề đối với Việt Nam Cộng Hòa.

Phải chăng đó là một trong những lý do đã khiến cho bài toán Việt Nam trở thành nan giải và như thế cuộc chiến cứ tiếp tục cho đến khi nào một phe bên này đánh gục phe bên kia?

Theo thiển ý của chúng tôi thì vấn đề chánh của Việt Nam là : tình trạng chậm tiến của một quốc gia vốn

là cựu thuộc địa của thực dân Pháp, một xã hội hũ hóa đang ở trong thời kỳ chuyển tiếp gia tốc vì ảnh hưởng của chiến tranh và sự va chạm của các nền văn minh khác nhau khiến cho các giá trị đạo đức cổ truyền bị phá sản, nhơn tâm ly tán, mỏi mệt vì chiến tranh kéo dài, đồng thời bị ám ảnh bởi những khát vọng đang lên theo chiều hướng và áp lực canh tân hóa!

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Trong bối cảnh lịch sử, và môi trường đó, Cộng Sản xuất hiện như là một giải pháp, một sự thách đố đối với phe quốc gia.

Sự tất yếu của lịch sử (nécessité historique), bắt buộc giới lãnh đạo cùng nhơn dân Miền Nam phải chấp nhận sự thách đố của Cộng Sản. Chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa phải giải quyết thỏa đáng các ước vọng của nhơn dân về nhu cầu an sinh, tự quyết, công bằng xã hội, canh tân xứ sở, phục hồi và phát triển văn hóa dân tộc, chấn hưng đạo đức v.v...

Miền Nam không thể chống Cộng hữu hiệu bằng cách vô tình hay cố ý tạo thêm nguyên nhơn bất mãn trong quần chúng để bồi bổ cho vi trùng Cộng Sản phát triển mãi mãi!

Nhơn dân Miền Nam chỉ hy sanh để bảo vệ cái gì cao đẹp mà họ quý chuộng! Họ không thể bị cưỡng bách để chấp nhận những sự bất công, tham nhũng, bất trung, bất nghĩa, bất tín của một thiểu số "ăn trên ngồi trước!".

Một học giả Tây Phương về vấn đề Việt Nam, Giáo sư Paul Mus, đã nhận định như sau :

> "Khi người Tây Phương chúng ta nói rằng nhơn dân là tai và mắt của trời, chúng ta hiểu rằng nhơn dân có trình độ thông minh rất cao. Nhưng đối với người Trung Hoa và người Việt Nam, điều ấy có nghĩa là nhơn dân có khả năng để khám phá ai là chánh, ai là ngụy, ai là kẻ cuối cùng sẽ

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1389

đắc thắng, ai là kẻ mà cuối cùng sẽ thảm bại. Cơ năng của nhơn dân là lựa chọn người nào được Thiên Mạng chiếu cố"...

..."Vì thiếu sự chuẩn bị và giáo dục về công dân cho nên họ thiếu ý niệm về giá trị của thùng phiếu. Nếu một chánh phủ nào thành công, thì đối với người Việt Nam, chánh phủ ấy tốt. Tôi biết rằng đó không phải là cách tốt nhứt, và tôi cũng biết rằng trong hiện tình thế-giới, chúng ta cần phải sửa đổi thái độ ấy. Nhưng tôi muốn nói rằng chúng ta không nên đòi hỏi họ phải hiểu biết trước đã. Họ rất thông minh, nhưng họ cần phải thay đổi hoàn toàn góc cạnh (quan điểm) của họ" (1).

Theo thiển ý của chúng tôi thì chỉ có "Lãnh đạo thích nghi" mới có thể chinh phục được óc tưởng tượng của nhơn dân và tạo nên sự thay đổi quan điểm của người Việt Nam theo tiến trình canh tân hóa xứ sở, lật tẩy sự thách đố giả ngụy và tàn bạo của Cộng Sản Bắc Việt, tay sai của Cộng Sản Quốc Tế.

(1) Paul Mus, "Cultural Backgrounds of Present Problems", ASIA, N°4, Winter 1966.

CHƯƠNG I

HIỂM HỌA CỘNG SẢN TẠI VIỆT NAM

Việc kiểm điểm lịch sử cận đại rất cần thiết để có thể đi đến nhận xét về các vấn đề đã và đang đối diện giới lãnh đạo của hai phe Quốc, Cộng. Do đó các sự kiện lịch sử sẽ làm nổi bật những yếu tố liên hệ đến sáu khủng khoảng về chính danh, hòa đồng, thân dân, tham dự, bản ngã, chia phần.

Trong chương này các sự kiện lịch sử và các vấn đề sau đây sẽ được đề cập đến :

TIẾT 1.- BỐI CẢNH LỊCH SỬ CẬN ĐẠI VỀ PHÍA VIỆT-NAM CỘNG-HÒA.

TIẾT 2.- BỐI CẢNH CHIẾN-TRANH DO CỘNG-SẢN CHỦ-TRƯƠNG.

TIẾT 3.- BẢN CHẤT CUỘC CHIẾN-TRANH VÀ CHIẾN LƯỢC XÂM-LĂNG CỦA CỘNG-SẢN.

TIẾT I

BỐI CẢNH LỊCH SỬ CẬN ĐẠI VỀ PHÍA VIỆT NAM CỘNG HÒA

Sau ngày Nhựt đầu hàng Đồng-minh, quân đội Pháp trở lại Việt Nam, định tái lập nền đô hộ. Toàn dân Việt Nam đã đứng lên nhứt tề chống Pháp và cuộc chiến đã bùng nổ tại miền Nam từ ngày 23.9 năm 1945 và tại miền Bắc kể từ 19.12.1946. Lần lần phe Cộng sản đã để lộ bộ mặt thật khiến cho một số lớn chiến sĩ Quốc-gia bất mãn trở về thành và ẩn nhẫn hợp-tác với Pháp để đánh bại Cộng sản, từ từ thâu hồi nền độc lập trong tay Pháp dưới hình thức ôn hòa.

Các chánh phủ Nguyễn văn Thinh, Lê văn Hoạch lần lượt chấp chánh nhưng chẳng thâu hoạch được quyền hành gì. Mãi cho đến ngày 8.3.1949 thỏa ước Việt-Pháp được ký kết tại điện Elysée giữa Bảo-Đại và Tổng Thống Pháp giao trả chủ quyền cho Việt-Nam.

Nội các Nguyễn văn Xuân được thành lập trước đó vào ngày 2.6.1948 chọn Quốc kỳ nền vàng 3 sọc đỏ và Quốc thiều là bản Thanh niên hành khúc của Lưu Hữu Phước.

Với Hiệp ước 8.3.1949, Pháp phải phủ nhận Mặt trận Việt-Minh Cộng-Sản, giúp nhóm người Quốc-gia có thể đứng chánh trị, sát cánh với Pháp trong cuộc chiến với Cộng-sản và từ đó, công cuộc lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam vẫn tiếp tục, lướt qua nhiều giai đoạn thăng trầm và tồn tại cho đến ngày nay.

MỤC I

SỰ KẾT THÚC CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG

Trong khi chiến tranh Đông-Dương đang tiếp diễn mạnh ở chiến trường Bắc-Việt, đặc-biệt nhất là cuộc bao vây Điện Biên Phủ, đã đưa Pháp đến chỗ kiệt quệ về tài nguyên và nhơn lực, đã cầu cứu các đại cường quốc giúp đỡ để chấm dứt chiến-tranh Đông-Dương.

Hòa hội Genève khai mạc ngày 26.4.1954 qui tụ các phái đoàn Anh, Pháp, Nga, Mỹ, Trung cộng, Việt minh và phái đoàn quốc gia Việt-Nam. Cứ điểm Điện Biên Phủ thất thủ ngày 07.5.1954, đặt Pháp và phe quốc-gia vào vào tình trạng bất lợi. Sau đó, Thủ tướng Pháp Mendès France và phe Cộng sản đồng ý chia đôi Việt Nam vào đêm 20 rạng 21.7.1954, bất chấp lời phản kháng của phái đoàn Quốc Gia Việt Nam.

Các điều khoản của hiệp định Genève gồm có :

a) Lãnh thổ được chia đôi ở vĩ tuyến 17. Phía Bắc giao cho Việt minh và phía Nam phe Quốc Gia Việt Nam.

b) Quân lực Pháp rút vào Nam và quân đội hai phía phải rút về phần đất đã giao phó.

c) Một Ủy hội quốc tế được thành lập gồm có các đại diện của ba quốc gia, Gia Nã Đại, Ba Lan, và Ấn Độ, để kiểm soát việc rút quân của đôi bên.

d) Hai miền sẽ tổ chức tổng tuyển cử vào ngày 20.7.1956 để thống nhứt quốc-gia.

Tuy không ký vào các văn kiện của Hiệp định Genève, chánh quyền miền Nam cũng đã cố gắng thi hành đúng đắn việc rút quân. Phía Việt-minh với chủ-trương xâm-lăng, đã để lại trên 5.000 cán bộ nằm vùng, chôn dấu võ khí ở nhiều nơi,chờ ngày nổi dậy cướp chánh quyền miền Nam.

MỤC II

THỜI ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA

Trong lúc hội nghị Genève đang bàn chuyện chấm dứt chiến tranh Đông Dương, dưới áp lực của Mỹ, ông Ngô Đình Diệm được Quốc Trưởng Bảo Đại tấn phong Thủ tướng, và được ủy nhiệm toàn quyền hành động. Ông Diệm nhận một nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Nền kinh tế bị suy sụp, vùng quê bị chiến tranh tàn phá, chánh quyền địa phương không có ở những nơi trước kia có Việt minh, các giáo phái võ trang hầu như tự trị ở địa phương, các đảng phái quốc gia đang trong tình trạng phân hóa. Quân đội do Tướng Hinh chỉ huy, chống đối ông Diệm. Nhờ vào sự viện trợ và hậu thuẫn mạnh của Hoa Kỳ, ông Diệm đã dẹp tan các nhóm phản loạn, dàn xếp với các giáo phái, kiểm soát được khắp nơi. Trong thời gian này, chánh phủ Diệm cũng đã định cư được hơn 900.000 đồng bào di cư từ miền Bắc đến.

Sau cuộc trưng cầu dân ý ngày 23.10.1955, ông Diệm tuyên cáo thành lập nền Đệ Nhứt Cộng Hòa và ông đảm nhận chức vụ Tổng Thống. Trong thời gian này, Ông Ngô Đình Nhu, em Ông Diệm, thành lập đảng Cần lao Nhơn vị vào năm 1956, đảng viên được lựa chọn trong số quyến thuộc và các viên chức tin cậy, hoạt động bí mật. Hai tổ chức chánh trị do ông Nhu thành lập là Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Hệ thống chánh trị nằm trong tay, ông Nhu tổ chức các cuộc biểu tình ủng hộ chánh phủ và thao túng các cuộc bầu cử, ông cũng thẳng tay

đàn áp các đảng phái đối lập, cho an trí hoặc giết chết nhiều chiến sĩ quốc gia. Chánh sách cai trị cứng rắn này đã xô đẩy các đảng phái đối lập phải mưu đồ bí mật lật đổ chánh quyền.

Cuộc đảo chánh năm 1960 do một nhóm nhơn vật dân sự và quân sự lãnh đạo, trong số có Đại Tá Nguyễn Chánh Thi. Cuộc đảo chánh không thành công nhưng đã cảnh cáo anh em ông Diệm về tánh chất cai-trị độc tài. Sau đó hai ông bằng lòng cho đối lập được hoạt động công khai. Mặt trận Doàn kết Quốc gia do Bác sĩ Phan Huy Quát lãnh đạo được thành lập nhưng sau đó biến dạng vì các lời khuyến cáo chơn thành không được Tổng Thống Diệm chấp nhận.

Cuộc tuyển cử năm 1959 mang một Tân Quốc Hội khác thân chánh quyền. Ông Diệm được tái đắc cử Tổng Thống tháng 4.1961. Trong hai cuộc tuyển cử nầy, Phong trào Cách mạng Quốc gia và Liên đoàn Công chức Cách Mạng Quốc gia nhiệt liệt ủng hộ và vận động cho ứng cử viên thân chánh quyền. Nhiều cuộc gian lận đã được phát giác nhưng chánh quyền dẹp tan ngay dư luận.

Từ năm 1961 đến 1963, dân chúng càng ngày càng chán ghét chánh quyền qua chánh sách độc tài, gia đình trị của ông Diệm. Thêm vào đó, tình trạng bất an do Việt cộng gây ra, khiến cho cuộc sống càng ngày càng chật vật. Nạn bè phái, tham nhũng phát triển mạnh ở mọi cấp trong chánh quyền, khiến cho quần chúng càng thêm bất mãn chế độ. Vào giữa năm 1963, các đoàn thể chánh trị và tôn giáo lại nổi dậy chống chánh quyền, đòi được tự do phát triển tôn giáo và cách mạng xã hội. Cuộc đàn áp Phật giáo, việc ruồng xét và bắt giam giữ tăng ni cùng một số trí thức, khiến công luận trong và ngoài nước không còn ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm.

Ngày 1.11.1963, quân đội chiếm đóng Saigon và tấn công vào dinh Gia-Long do Lữ đoàn Liên binh Phòng vệ trấn giữ. Không được quân ở ngoài vào tiếp viện, hai ông Diệm, Nhu trốn thoát nhưng ngày hôm sau ra hàng tại một nhà thờ ở Chợ lớn. Hai ông được đưa về Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng bị giết ở dọc đường. Chế độ Diệm xụp đổ, kéo theo nền Đệ nhứt Cộng Hòa.

MỤC III

THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Trong suốt thời kỳ chuyển tiếp, nhiều chánh phủ thay nhau lên cầm quyền. Đầu tiên là Chánh phủ quân nhơn, kế tiếp đến chánh phủ dân sự và cường độ chiến tranh gia tăng.

1.- Chánh phủ Quân nhơn.-

Các Tướng lãnh mở đầu tân chế độ trong niềm hy vọng cao độ và được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của nhơn dân. Hứa hẹn tuyển cử và đặt chế độ dân sự trong vòng 12 tháng, các Tướng lãnh giải tán Quốc Hội, thành lập Hội Đồng Quân Nhơn Cách Mạng. Trung Tướng Dương văn Minh giữ chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng. Ông Nguyễn Ngọc Thơ được Hội Đồng chỉ định thành lập nội các với đa số các bộ then chốt do các Tướng lãnh nắm giữ. Các đoàn thể chánh trị và mật vụ của ông Nhu lập ra đều bị giải tán. Hội Đồng Nhân Sĩ được thành lập thảo tân Hiến Pháp và hợp nhứt trên 30 hệ phái chánh đảng, nhưng không đi đến kết quả nào.

Việt Cộng gia tăng hoạt động trong thời gian nầy. Năm 1963 Việt Cộng chiếm 18 phần trăm xã ấp ở Long An và Gia Định. Hoạt động Cộng Sản gia tăng từ 350 vụ mỗi tháng vào tháng 9.1963 lên đến 4.000 vụ vào tháng 1.1964. Trong số 8.600 ấp chiến lược trên toàn quốc chỉ có lối 2.000 ấp là còn duy trì được an ninh.

Ngày 30.1.1964, Tướng Nguyễn Khánh viện cớ một số Tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Nhân ngã theo phe Trung Lập nên đã chỉnh lý Trung Tướng Dương Văn Minh, giải tán nội các Nguyễn Ngọc Thơ. Các Tướng Đôn, Đính, Kim, Xuân bị đưa đi an trí tại Đà-Lạt. Nội các mới do Tướng Khánh điều khiển với chức vụ Thủ Tướng Trung Tướng Dương Văn Minh giữ chức vụ Quốc Trưởng.

Lợi dụng tình thế, Việt Cộng gia tăng hoạt động. Hàng tháng 2.000 cán binh Cộng Sản xâm nhập miền Nam, điền khuyết vào chỗ thiếu hụt của các cơ quan và đơn vị địa phương Việt Cộng. Võ khí của khối Cộng mỗi ngày một đưa nhiều vào miền Nam bằng đường biển và đường bộ. Hoa Kỳ trong giai đoạn này, đã tăng số cố vấn lên đến 22.000 người, đồng thời viện cớ Bắc-Việt tấn công hai Diệt lôi hạm Hoa Kỳ tại Vịnh Bắc Việt, tháng 8.1964, đã bắt đầu oanh tạc các căn cứ quân sự miền Bắc.

Lợi dụng cơ hội, Tướng Khánh tuyên bố tình trạng khẩn cấp và tiến đến việc thiết lập chế độ độc tài. Hiến chương Vũng Tàu được ban hành ngày 16.8.1964, đặt tất cả mọi quyền hành vào tay Tướng Khánh được bầu giữ chức vụ Chủ Tịch Việt-Nam Cộng-Hòa. Dân chúng phản đối mạnh, Tướng Khánh từ chức và Hiến chương Vũng Tàu được bãi bỏ. Chánh phủ lâm thời được giao cho một tam đầu chế gồm các Tướng Minh, Khiêm, Khánh. Ngày 13.9.1964, một nhóm sĩ quan tổ chức cuộc lật đổ Tướng Khánh nhưng không thành công, vì Tướng Khánh được Thiếu tướng Kỳ ủng hộ(1).

2.- Chánh phủ dân sự.-

Thượng Hội Đồng Quốc Gia do Trung Tướng Dương Văn Minh bổ nhậm hoàn tất việc chuyển quyền cho dân sự. Ngày

(1) Da Pam No 550.55 "Area handbook for South VN" April 1967 trang 227.

26.10.1964 cụ Phan Khắc Sửu, Chủ Tịch Thượng Hội Đồng thay Trung Tướng Minh làm Quốc Trưởng. Cụ Trần Văn Hương lập tân nội các dân sự, đa số là chuyên viên. Tướng Khánh giữ chức vụ Tổng Tư lệnh Quân đội kiêm Chủ tịch Hội đồng Quân lực. Hai tướng Minh và Khiêm được cử đi công cán ở hải ngoại.

Phật giáo phát động phong trào chống Chánh phủ Hương, Bác sĩ Phan Huy Quát thành lập chánh phủ mới vào ngày 16.2.1965 gồm có 17 Tổng Bộ Trưởng, trong đó có hai quân nhơn. Một nhóm Công giáo do Đại tá Phạm Ngọc Thảo cầm đầu lại nổi dậy chống Tướng Nguyễn Khánh. Cuộc binh biến thất bại nhưng Tướng Khánh, người đã sui nguyên dục bị trong vòng 15 tháng, lại bị lật đổ. Ngày 25.2.1965 Tướng Khánh rời Saigon với chức vụ Đại sứ lưu động.

Tình hình chánh trị trở nên nghiêm trọng vì các biến chuyển quân sự. Đầu tháng 2.1965 Việt cộng tấn công các cơ sở Mỹ tại Pleiku và Qui Nhơn. Đáp lại, không quân Mỹ leo thang oanh tạc Bắc Việt, kiều dân Mỹ được lệnh di tản gia đình ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Thành tích đáng kể của Chánh phủ Quát là tổ chức được cuộc bầu cử Hội đồng hàng tỉnh và thị xã trong tháng 5.1965. Cuộc tuyển cử được xem là ngay thật và tự do nhứt từ trước đến giờ; 3,5 triệu trong số 4,5 triệu cử tri đã đi đầu phiếu mặc dầu Cộng Sản hăm dọa và khủng bố.

Khủng hoảng chánh trị lại xảy ra vì Công giáo phản đối chánh phủ Quát. Trong nội bộ, sự bất đồng ý kiến giữa Thủ Tướng Quát và Quốc Trưởng Sửu càng ngày càng trầm trọng. Cuối cùng Quốc Trưởng và Thủ Tướng cùng rút lui, trao quyền lại cho Quân đội và Nội các chiến tranh ra đời ngày 11.6.1965.

3.- Chiến tranh leo thang.-

Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (UBLĐQG) được thành lập gồm 10 vị Tướng lãnh. Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu được bầu vào chức vụ Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ được chỉ định lập Nội các Chiến tranh với danh hiệu Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương. Sau ngày Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương được thành lập, ông Henry Cabot Lodge trở lại Saigon tái nhậm chức Đại sứ Hoa Kỳ.

Thiếu Tướng Kỳ thành lập xong Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương đúng vào lúc Cộng Sản thúc đẩy cuộc dấy loạn lên giai đoạn 3, giai đoạn tổng phản công như Tướng Võ Nguyên Giáp dự liệu. Đối phó với sự leo thang của Cộng Sản Quân lực Mỹ thật sự tham chiếm tại Việt Nam vào tháng 6.1965. Đầu năm 1967 quân số Huê Kỳ tại Việt Nam lên đến 400.000, chưa kể hạm đội 7 hoạt động ngoài biển Nam Hải. Ngoài ra Đồng minh cũng gởi quân đến tham chiến giúp Việt Nam Cộng Hòa: Đại Hàn, 44.000 quân, Úc 4.000, một số đơn vị chuyên môn của Tân Tây Lan, Phi Luật Tân và một trung đoàn Thái Lan. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũng tăng lên 325.000 quân chánh qui và 420.000 Địa phương quân và Nghĩa quân. Lực lượng chủ yếu của địch gồm có 50.000 quân chánh qui Bắc Việt, 70.000 quân chánh qui Việt Cộng, một số lớn du kích và cán chánh.

Nhằm vào việc giao trả chánh quyền cho dân sự, Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ủy quyền Trung Tướng Thiệu ký sắc lệnh 14/66 đề ngày 14.4.1966 ấn định việc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Năm tháng sau, Quốc Hội Lập Hiến được bầu ra và đã hoàn thất dự án Hiến Pháp vào ngày 9.1.1967 và được ban hành ngày 01.4.1967. Sau đó, luật bầu cử Tổng Thống và Thượng Viện được ban hành ngày 15.6.1967 Luật bầu cử Hạ Viện được ban hành ngày 8.8.1967.

MỤC IV

H Ậ U - Q U Ả

1.- Thời kỳ Đệ Nhứt Cộng Hòa đã giải quyết các khủng hoảng về chánh danh, hòa đồng, thân dân, tham dự, bản ngã và chia phần như thế nào?

Tổng Thống Diệm đã bắt đầu thâu gặt những kết quả đầu tiên của công cuộc thanh toán khủng hoảng về chánh danh, nhứt là trong lãnh vực ngoại giao, trên 50 quốc gia nhìn nhận Việt-Nam Cộng Hòa như là một quốc gia riêng biệt Với Hiến Pháp đầu tiên một hình thức dân chủ đã ra đời, đối chọi lại chế độ độc tài đảng trị của miền Bắc và góp phần giải quyết khủng hoảng về hòa đồng trong miền Nam, cũng như đối với một số dân miền Bắc vượt tuyến tìm tự do tại miền Nam.

Những sự khó khăn của những năm đầu lập quốc giải thích những kết quả hạn chế thu lượm được. Tuy nhiên con đường phát triển quốc gia, với những thành quả về phương diện kinh tế, xây dựng hạ tầng cơ sở giao thông, các địa điểm phát triển canh nông bằng dinh điền, đã chứng tỏ có nhiều triển vọng nếu an ninh được bảo đảm. Và đến đây, ta thấy xuất hiện nhược điểm của chế độ ; không bảo đảm được an ninh cho dân chúng.

2.- Sự thiếu thốn an ninh chỉ là dấu hiệu của một tình trạng suy kém và bất ổn lớn lao hơn nhiều, đó là sự tranh chấp của những nhóm quyền lợi (khủng hoảng, hội nhập), sự vùng dậy của nông thôn dưới sự xúi dục của Cộng Sản kích thích giai cấp đấu tranh giữa thành thị, thôn quê (khủng hoảng chia phần), đồng thời người ta thấy càng ngày dân chúng càng bất mãn và càng ngày càng nhiều dân chúng tham gia chánh trị, yêu sách quyền lợi (khủng hoảng tham chánh)

mà chánh quyền thì cố tâm đàn áp mà không đủ sáng suốt nhận chân được một hiện tượng tự nhiên của một xã hội chuyển tiếp, bắt đầu có ý thức sanh hoạt chánh trị, dưới sự khích động của những mầm móng cách mạng đang lên.

3.- Chính sự kiện Bắc Việt Cộng Sản cuối cùng ra phải đặt vấn đề thôn tính miền Nam bằng khủng bố và võ lực, qua tay sai Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, đã nói lên sự thất bại trong mưu đồ chiếu cố miền Nam bằng chánh trị, hiểu theo nghĩa, là thuần túy khai thác những mâu thuẫn nội tại miền Nam để dân chúng vùng lên như trận tổng công kích thất bại Tết Mậu Thân đã chứng tỏ.

Và chỉ nói đến dùng công thức võ lực để thanh toán miền Nam, nhà lãnh đạo Hà Nội đã phạm lỗi lầm về thiết kế vì đặt những mục tiêu quá cao ước tính sai lầm khả năng địch và xử dụng những phương tiện không tương xứng. Kết quả là chiến tranh kéo dài không ngả ngũ mà miền Bắc mất lần chủ quyền vì phải lệ thuộc nhiều vào ngoại viện.

MỤC V

THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

Ngày 3.9.1967 trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống Liên danh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ đắc cử. Ngày 31.10.1967 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ làm lễ nhậm chức trước Quốc Hội và tuyên bố thành lập nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Cùng ngày, Nội các Nguyễn Cao Kỳ đệ đơn từ chức, Tổng Thống chỉ định ông Nguyễn Văn Lộc lập nội các. Ngày 9.11.1967 Tân Nội Các trình diện và làm lễ nhậm chức.

Sau ngày ban hành Hiến-Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa và bầu cử Quốc Hội Lưỡng viện, tình hình chánh trị bắt đầu lắng dần và các đoàn thể tôn giáo đều trở lại cương vị cũ. Vào những ngày đầu năm Mậu-Thân, tức là ngày 31.1.68 và các ngày kế tiếp Việt Cộng tổng công kích cùng khắp nơi trên lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa, nặng nhất là vùng Saigon, Chợ lớn, chánh phủ Nguyễn Văn Lộc ban bố tình trạng giới nghiêm. Cuộc tổng công kích của Việt Cộng kéo dài trong vài tuần, bị đè bẹp rồi lại bộc phát, dai dẳng cho đến cuối tháng 7 mới dẹp tan hẳn và tàn quân Việt Cộng phải rút về các miền rừng núi.

Đoạn 1

HỘI ĐÀM BA LÊ

Chánh phủ Nguyễn Văn Lộc sau 7 tháng cầm quyền không giải quyết nổi các khó khăn về chánh trị, phải đệ đơn xin từ chức. Ông Trần Văn Hương được Tổng Thống ủy nhiệm thành lập Tân Nội các và trình diện nhậm chức ngày 25.5.1968. Ngày 2.11.1968 tại Hội trường Diên Hồng trước Lưỡng viện Quốc Hội, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chánh thức loan báo Huê Kỳ đơn phương ngưng oanh tạc Bắc Việt và tuyên bố Việt Nam Cộng Hòa không tham dự hòa đàm Ba Lê, trong lúc Huê Kỳ vận động với Nga Sô và Anh Quốc, yêu cầu Bắc Việt tham dự cuộc hòa đàm. Địa điểm chọn lựa : Ba Lê. Sau bao nhiêu ngày bàn cãi về thủ tục, cuối cùng Hòa đàm Ba Lê được tổ chức với hai phía. Phía tự do có Việt Nam Cộng Hòa và Huê Kỳ, phía Cộng Sản có Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Hòa đàm chánh thức khai mạc phiên họp đầu tiên vào ngày 25.1.1969. Các phiên họp kế tiếp được tổ chức vào ngày thứ năm mỗi tuần nhưng kết quả không có gì. Mãi cho đến ngày 8.5.1969 phái đoàn Cộng Sản do Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đưa ra đề nghị 10 điểm. Phía Tự do không chấp thuận. Ngày 14.5.1969 Tổng Thống Nixon tuyên bố trên đài truyền hình Mỹ, kêu gọi cả Mỹ và

Bắc Việt cùng rút quân ra khỏi lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Ngày 27.5.1969 Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu xuất hiện trên đài Vô tuyến truyền hình tuyên bố không bao giờ Việt Nam Cộng Hòa chịu liên hiệp với Cộng Sản. Về phía Cộng Sản để có thể đứng trong lá bài chánh trị về sau, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thành lập chánh phủ lâm thời vào ngày 10.6.1969. Ngày 11.7.1969 sau khi bàn cãi với Quốc Hội, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa với ý niệm muốn sớm chấm dứt chiến tranh đã bước thêm một bước nữa với lời tuyên bố : "Sẽ tổ chức tổng tuyển cử có Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tham dự dưới sự kiểm soát Quốc Tế". Phái Đoàn Cộng Sản vẫn ngoan cố, đã bác bỏ lời đề nghị đầy thiện chí này vào phiên họp thứ 26 của Hòa đàm Ba Lê vào ngày 17.7.1969.

Sau 17 tháng cầm quyền nhưng không đạt được mục tiêu đề ra :

1.- Tái lập uy quyền Quốc gia,

2.- Bài trừ tham nhũng,

Nội các Trần Văn Hương xin từ chức ngày 22.8.1969. Ngày 23.8.1969 Tổng Thống chỉ định Đại Tướng Trần Thiện Khiêm thành lập Nội các mới. Ngày 01.9.1969 Tân Nội các của Đại Tướng Trần Thiện Khiêm trình diện Tổng Thống với thành phần 20 Tổng Bộ Trưởng gồm 3 quân nhơn và 17 dân sự.

Kể từ khi Tổng Thống Johnson tuyên bố ngưng oanh tạc Bắc Việt (1.11.1968) Mỹ vẫn cho phi cơ không thám chụp ảnh trên lãnh thổ Bắc Việt. Ngày 28.1.1970 Bắc Việt bắn rơi một phi cơ không thám tại 90km Tây Nam Hà Nội, Tổng Thống Nixon ra lệnh tái oanh tạc Bắc Việt để tiêu diệt các dàn hỏa tiễn địa không và các ổ súng cao xạ phòng không mở màn cho những trận oanh kích về sau này mỗi khi có phi cơ không thám Mỹ bị Bắc Việt bắn rơi. Đồng thời các pháo đài bay B.52 cũng được xử dụng để oanh tạc đường mòn Hồ Chí Minh.

Đoạn 2

NỐI LẠI BANG GIAO VỚI KAMPUCHEA

Tình thế biến chuyển mạnh, thuận lợi cho Việt Nam Cộng Hòa khi chánh phủ Kampuchea, ngày 16.3.1970 chánh thức yêu cầu các Tòa Đại sứ Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cho triệt thoái 60.000 quân đồn trú trên lãnh thổ Kampuchea. Thái độ cứng rắn của chánh phủ Kampuchea sau bao nhiêu năm mềm dẻo với Bắc Việt đã giúp Việt Nam Cộng Hòa có cơ hội tấn công sang các căn cứ địa của Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đặt dọc theo biên giới trên lãnh thổ Kampuchea sau này. Ngày 18.3.1970 một cuộc đảo chánh Sihanuk, Quốc Trưởng Kampuchea, do nhóm Tướng lãnh cực hữu chủ động đã thành công mỹ mãn. Ngày 20.3.1970 Kampuchea có chánh phủ mới với Tướng Lon-Nol giữ chức vụ Thủ Tướng.

Vì Kampuchea trở nên cứng rắn với Bắc Việt, quân Cộng sản bèn trở mặt tấn công bất thần, chiếm đóng nhiều nơi trên lãnh thổ Kampuchea. Chánh phủ Lon-Nol kêu gọi Việt Nam Cộng Hòa và Đồng minh giúp đỡ. Nhân cơ hội, Đồng minh và Việt Nam Cộng Hòa mở cuộc hành quân đầu tiên vào tỉnh Kandal ngày 27.3.1970, đánh ngay vào các kho dự trữ võ khí, quân dụng của Cộng Sản Bắc Việt. Trận đánh mở màn cho một số các cuộc hành quân đại qui mô của Việt Nam Cộng Hòa nhằm phá vỡ hệ thống tiếp vận của địch đồng thời giúp chánh phủ Kampuchea tái chiếm các thành phố bị địch chiếm đóng.

Đêm 21 rạng 22.11.1970 Hoa Kỳ oanh tạc Bắc Việt đồng thời trực thăng vận một Đơn vị Biệt kích cấp Đại đội, đổ bộ xuống trại tù binh tại Sơn Tây (Bắc Việt) để cứu tù binh Mỹ đồng thời gián tiếp cảnh cáo Bắc Việt.

Đầu năm 1971 chiến trường trở nên sôi động trên lãnh thổ Kampuchea. Tổng Thống Nixon được Quốc Hội Mỹ cho phép xử dụng không quân trên lãnh thổ Kampuchea kể từ ngày 19.1.1971 để yểm trợ hành quân cho Kampuchea và Việt Nam Cộng Hòa. Trong lúc đó ở Hạ Lào, Bắc Việt gia tăng cường độ xâm nhập người và võ khí qua đường mòn Hồ Chí Minh bất chấp mọi khuyến cáo của Huê Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa. Huê Kỳ gia tăng oanh tạc đường mòn Hồ Chí Minh và các vị trí Hỏa tiển Sam dọc theo biên giới Lào, Bắc Việt.

Để giải quyết sớm chiến tranh tại Việt Nam Cộng Hòa, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, sau khi tham khảo ý kiến của Đồng minh và Huê Kỳ, đã chỉ thị cho quân đội Việt Nam Cộng Hòa mang quân sang Hạ Lào ngày 8.2.1971 để cắt đứt đường tiếp vận và phá vỡ các hậu cần tiếp liệu của Bắc Việt, đồng thời tiêu diệt các lực lượng Cộng Sản tại vùng Hạ Lào. Cuộc tiến quân sang Hạ Lào đã mang lại những thành quả lớn, phá tan các khu hậu cần địch đồng thời tạo thêm quyền lực cho Việt Nam Cộng Hòa.

Đoạn 3

H Ậ U - Q U Ả

Chánh danh đã sáng tỏ hơn, sự hòa đồng dân tộc, tuy còn đặt thành vấn đề phải thanh toán, nhưng đã có chánh nghĩa và chánh danh, qua các cuộc bầu cử từ hạ tầng xã ấp trở lên, thì những ai còn đặt ra những trở ngại về địa phương tánh, về quyền lợi tôn giáo, về phe nhóm bè đảng lần hồi sẽ tự đào thải ra khỏi sanh hoạt chánh trị với thế hệ trẻ trung đang lên.

Một hiện tượng mới về hội nhập là tiến trình thị dân hóa nông thôn do dân chúng các vùng thiếu an ninh đưa nhau tập trung tại các tỉnh, quận lỵ. Trong những điều kiện ấy, một hạ tầng cơ sở chánh trị và kinh tế với 400

dự án tự túc trị giá 2,5 tỷ bạc năm 1970 được thành hình, cộng thêm một hạ tầng cơ sở giao thông phát triển nhờ nhu cầu chiến tranh đã bắt đầu giải quyết thỏa đáng sự phân phối các tài nguyên, tiện nghi dịch vụ giữa các vùng còn nông thôn và thành thị.

Nhìn lại những vấn đề mà nhà lãnh đạo miền Nam còn phải giải quyết, những khó khăn tuy còn lớn lao, nhưng không phải là nan giải với điều kiện thời gian có lợi cho Việt Nam Cộng Hòa.

Tuy nhiên thời gian chỉ có lợi cho Việt Nam Cộng Hòa nếu nhà lãnh đạo quan niệm đúng mức thực chất chiến tranh hiện nay vốn không phải về tranh chấp quân sự mà thực hiện một xã hội mới. Hai bên đồng tranh nhau trình bày một mô thức phục vụ các nhu cầu chung của dân chúng, các mục tiêu chung của xã hội, khung cảnh chung trong đó con người đang sống. Về sau dân chúng sẽ là trọng tài để so sánh và đánh giá lãnh đạo của hai miền.

TIẾT II

BỐI CẢNH CHIẾN TRANH DO CỘNG SẢN CHỦ XƯỚNG

Âm mưu cướp chánh quyền của đảng Cộng Sản tại Việt Nam có thể chia làm ba thời kỳ, lịch sử như sau :

- Thời kỳ tranh đấu trước ngày cướp Chánh quyền (1920 - 1945).
- Thời kỳ chiến tranh chống Pháp (1945 - 1954).
- Thời kỳ sau đình chiến (1954 đến nay).

Trong ba thời kỳ kể trên, nhiều thay đổi nhỏ về đường lối đã diễn ra, nhưng trạng thái của những hoạt động Cộng Sản tại nội địa Việt Nam đã theo một mẫu mực đại cương như sẽ bày tỏ dưới đây :

MỤC I

THỜI KỲ TRANH ĐẤU TRƯỚC NGÀY CƯỚP CHÁNH QUYỀN

Trước khi quyền hành của thực dân Pháp chấm dứt tại Đông Dương đảng Cộng sản Việt Nam đã theo đuổi một chánh sách đại cương là thực hiện những cuộc liên minh tạm thời với những đảng Quốc gia Tư-sản, một chánh sách đã trở thành thủ tục hoạt động phổ cập từ Cuba tới Trung Cộng. Tiểu sử của ông Hồ Chí Minh và quá khứ đã hiến nhiều thí dụ cụ thể về điều vừa kể. Là một đảng viên của đảng Xã hội Pháp, Ông Hồ đã nhảy sang Đệ tam Quốc Tế khi đảng Cộng Sản Pháp được thành lập, rồi đi Mạc Tư Khoa năm 1924.

Sau đó sang Quảng Châu (Trung Hoa) làm việc với Borodine trong thời kỳ trăng mật giữa Quốc dân đảng Trung Hoa và Nga Sô, rồi gia nhập đảng Cộng Sản Trung Hoa trong một thời gian trước khi bắt đầu đứng ra tổ chức đảng Cộng Sản Đông Dương vào năm 1925.

Từ ngày thành lập cho đến năm 1942, đảng Cộng-Sản Đông Dương chỉ tranh đấu để giữ lấy tổ chức của mình, khai thác những cuộc nổi dậy của các phe nhóm Quốc gia, đưa vào thành tích của đảng. Kể từ năm 1942 đảng Cộng Sản Đông Dương hoạt động theo hình thức của một liên minh đảng phái yêu nước, thành lập mặt trận "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh" gọi tắc là Việt Minh. Ngày 28.3.1944 một chánh phủ Cộng Hòa Việt Nam lâm thời được thành lập tại Liễu Châu dưới sự bảo trợ của Trung Hoa, qui tụ các lãnh tụ đảng phái Quốc gia và nhóm Việt Minh. Sau đó, nhóm Việt Minh tình nguyện trở về Việt Nam hoạt động, trong khi đó phần còn lại của chánh phủ lâm thời vẫn ở lại Trung Hoa, chờ ngày Nhựt bại trận. Như thế chính Việt Minh đã thành lập lực lượng du kích đầu tiên tại Việt Nam, đã cung cấp tin tức tình báo cho Đồng Minh, đã tuyên truyền sâu rộng trong nhơn dân và hưởng trọn tiếng tốt về những hoạt động chống Nhựt trong thời kỳ chiến tranh.

Ngày 13.8.1945, vừa lúc Nhựt đầu hàng Đồng minh, đảng Cộng Sản Đông Dương mở hội nghị toàn quốc tại làng Tân trào thuộc tỉnh Tuyên Quang. Trong cuộc hội nghị này, họ đã quyết định nỗ lực chiếm chánh quyền, trước khi Đồng minh có thể đổ bộ lên Việt Nam để đặt Đồng minh trước sự đã rồi là chánh quyền đã nằm trong tay Cộng Sản. Trường Chinh, Tổng Bí thơ đảng Cộng Sản Đông Dương lúc bấy giờ, trong một quyển sách nhỏ xuất bản sau ngày nắm chánh quyền một năm, tả sự việc đã diễn ra như sau :

"Trong cuộc Hội nghị lịch sử này, đảng Cộng Sản Đông Dương đã đề nghị một chương trình rõ rệt : hướng dẫn các phần tử cách mạng trước khi giới quân đội Nhựt trước khi Đồng minh tới Đông Dương, tiếp nhận chánh quyền trong tay quân đội Nhựt và bọn bù nhìn ; đứng trên cương vị của một quyền lực đương nắm trọn quyền kiểm soát đất nước trong tay, để đón tiếp lực lượng Đồng minh đến giải giới quân đội Nhựt".

Đoạn văn trên đây phù hợp với mẫu mực Cộng sản được áp dụng lúc bấy giờ, từ Lublin qua Athènes tới Tân Gia Ba. Tại Téhéran và Postdam, Đồng Minh đã quyết định Đông Dương sẽ do lực lượng Trung Hoa Quốc Gia chiếm đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra còn lực lượng Liên Hiệp Anh thì một nửa bán đảo phía Nam. Cả hai cuộc chiếm đóng đã làm lợi cho mưu đồ mà hiện nay Việt Minh và đảng Cộng Sản Đông Dương đương lo thực hiện. Cuộc chiếm đóng của người Anh do các đơn vị thuộc Sư đoàn Ấn Độ của Tướng D.D. Gracey diễn ra nhanh chóng nhưng vì dàn quân ra quá mỏng, nên không có hiệu lực nào đối với tổ chức mà Việt Minh đã kiểm soát trên toàn lãnh thổ. Lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tuy rất đông nhưng phải mất hơn ba tháng mới đến Hà Nội, chỉ vì tiến chậm để cướp bóc dọc đường, do đó đã làm cho nhơn dân Việt Nam chán ghét, đồng thời làm mất cả uy tín của những người Việt quốc gia, đồng minh của họ.

Chánh phủ lâm thời được thành lập năm 1944, tại Trung Hoa bị bỏ quên khi Việt Minh tuyên cáo thành lập "Ủy Ban Cứu Quốc" ngày 18.8.1945. Thủ đoạn ở Lublin đã được tái diễn ở Việt Nam, chỉ khác là không có sự hiện diện của một lực lượng quân sự Cộng Sản hùng hậu. Việt Minh vào Hà Nội vào ngày 19.8.1945 và vị đại diện của Việt Minh nhận ấn tín của Hoàng Đế Bảo Đại ngày 23.8.1945.

Ủy ban Cứu quốc Nam Bộ của Việt Minh nắm quyền tại Saigon ngày 25.8.1945 và đến ngày 29.8.1945 một chánh phủ

lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được ông Hồ Chí Minh thành lập tại Hà Nội. Việt Minh nắm giữ các địa vị trọng yếu, mặc dầu trong chánh phủ có một số nhơn vật không Cộng Sản.

Sau cái vẻ khả kính ngoài mặt, cuộc tranh đấu để củng cố chánh quyền Việt Minh vẫn tiếp tục diễn ra một cách tàn nhẫn. Họ giết những quan lại địa phương, họ tổ chức các cuộc lùng bắt các phần tử Đệ tứ có căn bản vững chắc tại Việt Nam, âm mưu phá tan các giáo phái bằng cách thủ tiêu một số lãnh tụ của các giáo phái đó.

Về lãnh vực chánh trị Việt Minh đã tạo ra một bộ mặt Quốc Gia không Cộng Sản bằng cách tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương ngày 11.11.1945. Sự kiện này đã khiến cho chánh phủ Việt Minh trở thành chánh phủ Dân chủ Nhơn dân. Sau đó họ đã tổ chức bầu cử Quốc Hội vào tháng Giêng 1946 có 70 ghế của các đảng phái Quốc gia trong số 400 ghế, bằng một cuộc bầu cử bịp bợm.

Như thế, hoàn toàn nhờ vào nghị lực và tài ba của giới lãnh đạo Cộng Sản, Việt Nam đã trở thành một nước "Dân Chủ Nhơn Dân" mặc dầu trong lúc đó lãnh thổ vẫn còn bị quân đội Trung Hoa, Anh, Pháp chiếm đóng. Quả là một đường lối hành động hữu hiệu của Cộng sản trong mưu đồ cầm quyền tại Việt Nam.

MỤC II

THỜI KỲ CHIẾN TRANH CHỐNG PHÁP

Cuộc chiến tranh công khai với Pháp bùng nổ ngày 19.12.1946 vừa gây khó khăn, vừa giản dị hóa công cuộc lãnh đạo của chánh phủ Việt Minh. Khó khăn ở chỗ chánh phủ phải hoạt động ở một địa điểm mật trong rừng ; còn

giản dị ở chỗ chánh phủ đó có thể xây dựng các cơ quan hành chánh, quân sự, chánh trị của mình mà không cần theo đúng thể thức dân chủ. Việt Minh cho thay nền cai trị dân sự cũ bằng thể chế Ủy ban Kháng chiến Hành chánh từ cấp xã đến cấp Trung ương, do đảng kiểm soát. Thể chế Tư pháp cũng được giản dị hóa đến cùng tột. Quốc Hội trao quyền cho một Ủy ban Thường vụ mà quyền lực còn vượt cả quyền hành của Hội Đồng chánh phủ Việt Minh. Con số 70 dân biểu thuộc các đảng phái Quốc Gia chỉ thấy được một lần trong ngày trình diện Quốc Hội rồi biến dạng hẳn, hoặc lưu vong hoặc bị thủ tiêu. Quốc hội đó chỉ họp một lần rồi sau đó (từ 1946 đến 1953) không họp nữa.

Núp dưới chiêu bài Quốc gia kháng chiến chống thực dân Pháp, Việt Minh lôi cuốn được một số lớn thanh niên yêu nước tham gia. Tuy nhiên trong hàng ngũ kháng chiến, kể từ năm 1947 trở đi, đảng Cộng Sản tổ chức học tập tư tưởng và chủ thuyết Mác-Lê, chọn người có khả năng kết nạp vào đảng, ngấm ngầm thủ tiêu, khủng bố các chiến sĩ kháng chiến thuộc thành phần có tinh thần Quốc gia không chịu học tập chủ thuyết Mác-Lê. Bộ mặt thật của Cộng sản càng lộ liễu ra kể từ năm 1949, khi Trung Cộng thật sự viện trợ trực tiếp cho Việt Minh. Thấy không còn mục đích gì xa xôi nữa mà phải giấu giếm bản chất Cộng Sản của Chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, đảng Cộng Sản Đông Dương sau bao nhiêu năm ẩn tàng đã tái sanh dưới danh hiệu "Đảng Lao Động Việt Nam" vào năm 1951. Trong năm này, cơ sở của đảng tại miền Nam được tổ chức lại, thống thuộc Trung Ương Cục miền Nam và lãnh thổ được cải tổ. Toàn thể Nam Việt thuộc Liên khu 6. Các tỉnh miền Nam Trung Việt thuộc Liên khu 5 và hai tỉnh Quảng Trị - Thừa Thiên thuộc Liên khu 4. Trung Ương Cục miền Nam gồm 6 Ủy viên và Ban Thường vụ. Ngoại trừ Ban Thường vụ, tất cả 6 Ủy viên đều là Ủy viên ban Chấp hành Trung ương của đảng Lao Động Miền Bắc.

Vào lúc chiến tranh Đông Dương chấm dứt ngày 20.7.1954, nước Việt Nam bị chia đôi, miền Bắc vĩ tuyến 17 thuộc quyền kiểm soát của Bắc Việt đã thật sự trở thành một nước "Dân Chủ Cộng Hòa" rập theo khuôn mẫu Cộng sản quốc tế. Ngày 15.7.1954, đảng Lao Động Việt Nam mở cuộc họp Đại hội Đảng lần thứ sáu. Trong cuộc họp này, đảng kiểm điểm tình thế toàn bộ theo đường lối của cuộc tranh đấu thuộc phạm vi Quốc Tế, tạo cơ sở tại miền Nam, mưu đồ thống nhứt Quốc gia bằng võ lực.

Việc chiếm giữ miền Bắc Việt Nam, theo quan điểm của đảng và chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ là việc trở lại hiện trạng của năm 1946 với kẻ cừu địch chánh là Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ, còn Đồng minh quan trọng là khối Cộng Sản Quốc Tế.

MỤC III

THỜI KỲ SAU NGÀY ĐÌNH CHIẾN

Trong kỳ Đại Hội đảng lần thứ sáu (15.7.1954), đảng đã dự trù kế hoạch thôn tính miền Nam về sau này bằng võ lực. Đảng cũng tiên đoán rằng Việt Nam Cộng Hòa sẽ không bao giờ chịu hiệp thương vào năm 1956. Trước ngày rút quân về Bắc Việt vào năm 1954, đảng đã ngầm để lại nằm vùng miền Nam trên 5.000 cán bộ nòng cốt và rất nhiều hầm võ khí chôn giấu ở thôn quê và các mật khu trong rừng rậm.

Trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1958, Việt Cộng chưa công khai phát động chiến tranh du kích nhưng đã cho thi hành các vụ khủng bố, ám sát các phần tử trong chánh quyền địa phương hoặc thân chánh quyền. Đồng thời Việt Cộng cũng lo tổ chức cơ sở hạ từng ở các xã ấp xa xôi, thành lập căn cứ địa ở vùng đồng quê và rừng núi.

Năm 1957 Lê Duẩn, bí thư Xứ Ủy Nam Bộ ra Hà Nội. Ông ta trở lại thanh sat miền Nam năm 1958 và khi về đến Hà Nội, đề nghị thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam và được hỗ trợ bởi một quân đội Giải Phóng Miền Nam. Các đề nghị này được Ban chấp hành Trung ương đảng Lao Động chấp thuận vào khoảng tháng 5 năm 1959.

Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng được thành lập ngày 20.12.1960. Nguyễn Hữu Thọ, Chủ Tịch Ủy Ban Trung Ương của Mặt Trận từ ngày sáng lập đã tuyên bố rằng Mặt trận là thối thân của Ủy Ban Vận Động Hòa Bình Saigon, Chợ Lớn hoạt động từ năm 1954 Nguyễn Hữu Thọ cố tình che dấu Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam dưới nhãn hiệu một phong trào do dân miền Nam vì bất mãn với chế độ của Tổng Thống Diệm nên đứng lên tranh đấu. Trên thực tế đó chỉ là một Mặt Trận do Cộng Sản dựng lên trong mưu đồ thôn tính miền Nam do đảng Cộng Sản miền Bắc chủ động.

HẬU QUẢ.-

1.- Lúc đầu Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tin rằng có thể lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm bằng phương pháp đấu tranh chánh trị vì biết rằng chế độ độc tài, gia đình trị bị dân chúng chán ghét. Đấu tranh chánh trị sẽ được vận dụng để đưa đến tổng khởi nghĩa. Dưới hình thức nầy Cộng Sản đã sách động dân chúng biểu tình, đấu tranh chống mọi chính sách của chế độ đưa ra với mục tiêu chánh là làm cho dân chúng tham gia phong trào tranh đấu, càng ngày càng đi sâu vào cuộc tổng khởi nghĩa. Hai yếu tố: bất mãn của dân chúng đối với chánh phủ và mâu thuẫn nội bộ tại miền Nam là điều đáng lưu ý.

2.- Từ năm 1961 đến 1963, mọi hy vọng mà Cộng Sản đặt vào cuộc tổng khởi nghĩa bị tan vỡ vì sự viện trợ mạnh mẽ của Hoa Kỳ và chương trình ấp Chiến lược của

Việt Nam Cộng Hòa. Kể từ tháng 10.1963, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chuyển hướng cấp tốc huấn luyện các đơn vị du kích về chiến tranh qui ước, cho các Đơn vị Bộ binh cấp Tiểu đoàn về các kỹ thuật phòng không.

Sau ngày cách mạng 1.11.1963 chánh thể quân nhơn lên cầm quyền không chú ý đến chương trình Ấp Chiến lược ở thôn quê, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thừa cơ phá vỡ tổ chức của ta tại một số lớn Ấp Chiến lược và đồng thời quyết định quân sự hóa cuộc đấu tranh. Hà Nội cũng bắt đầu cho người và võ khí xâm nhập mạnh mẽ vào miền Nam. Trong năm 1964 các hoạt động quân sự của Việt Cộng được tăng gia theo đà phát triển của lực lượng chiến đấu Cộng sản, nhằm đối phó với cuộc phản công đặc biệt do Việt Nam Cộng Hòa chủ trương với sự tham gia đắc lực của Huê Kỳ. Cuối năm 1964 và đầu năm 1965 tình hình chiến sự phát triển theo chiều hướng bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Khí thế của Việt Cộng lên khá cao và chúng quyết định muốn tung ra một nỗ lực cuối cùng để quyết định chiến trường. Nhằm mục đích giúp Việt Nam Cộng Hòa bẻ gãy mọi mưu toan tổng tấn công của địch, Huê Kỳ bắt đầu cho Thủy Quân Lục Chiến và Bộ Binh đổ bộ vào Vùng I và II chiến thuật. Bắt đầu từ năm 1966 Việt Cộng áp dụng vận động chiến ở khắp chiến trường miền Nam và cả chiến tranh qui ước ở vùng rừng núi gần ranh giới Lào Việt.

3.- Theo quan niệm chiến tranh Cách Mạng của Võ Nguyên Giáp, muốn tiến sang giai đoạn cuối là tổng công kích, cần phải hội đủ ba điều kiện : cán cân lực lượng đã nghiêng về cách mạng, tình thế thuận lợi và đối phương suy yếu. Vào cuối năm 1967, Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng Sản miền Bắc qua các báo cáo quá lạc quan của Trung Ương Cục miền Nam tin rằng cuộc đấu tranh võ trang đã đến lúc hội đủ ba điều kiện nêu trên. Do đó vào cuối tháng 1 năm 1968, lợi dụng tình trạng hưu chiến trong 3 ngày Tết,

Việt Cộng đã mở cuộc tổng công kích vào Thủ đô Saigon và hầu hết các Tỉnh, quận lỵ miền Nam. Chúng cầm chắc cái thắng trong tay nhưng chúng đã gặp phải sức phản công mãnh liệt của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Chúng không kiểm soát được một thành phố nào, và ngược lại chịu nhiều thiệt hại về người và võ khí. Tai hại hơn hết là dân chúng không tham gia vào cuộc tổng công kích, vì thế mưu toan tổng công kích và tổng khởi nghĩa đã thất bại hoàn toàn. Yếu tố ý chí của lãnh đạo tại miền Nam bị thử thách mạnh nhứt và nhà lãnh đạo đã vượt qua được nhờ dân chúng bất hợp tác với Cộng Sản (yếu tố nhơn dân).

4.- Sau các đợt tấn vào Thủ đô Saigon không kết quả, địch rút lui toàn bộ vào các căn cứ địa và cường độ cuộc chiến càng ngày càng xuống mặc dầu miền Bắc tiếp tục gia tăng nỗ lực chuyển vận người và võ khí, quân dụng vào Nam. Từ năm 1970 Việt Cộng bị đặt trong tình thế bị động. Cuộc hành quân sang Kampuchea đã đẩy cán binh Việt Cộng phiêu lưu xa hơn vào nội địa và sau ngày ông Hoàng Sihanuok bị hạ bệ, Việt Cộng đã mất hẳn hậu thuẫn đắc lực của xứ chùa Tháp. Gần đây vào những ngày đầu của tháng 2.1971, cuộc hành quân vượt biên giới sang Hạ Lào do Việt Nam Cộng Hòa điều động đã phá vỡ hầu hết hệ thống tiếp vận của Cộng Sản Bắc Việt, kiểm soát đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt đường tiếp vận của Bắc Việt cho các đơn vị Cộng Sản tại Kampuchea và Lạ Lào. Cho đến ngày 25.2.1971 Cộng Sản Bắc Việt huy động quân lực gồm 3 sư đoàn từ miền Bắc xuống Hạ Lào và một số Trung đoàn từ Kampuchea lên để chiếm lại các điểm chiến lược trong vùng Hạ Lào. Các cuộc đụng độ mạnh đã diễn ra tại các đồi 30, 31 và xung quanh thị xã Tchepone, phần thắng nghiêng về phía Việt Nam Cộng Hòa. Hiện nay, Bắc Việt đang cho di chuyển đường giây tiếp liệu qua phía cực tây thị xã Tchepone hầu có thể đủ quân dụng, võ khí, đạn dược yểm trợ cho chiến trường Kampuchea và Hạ Lào, trong mùa mưa năm nay : đây là thử thách cuối cùng về yếu tố ý chí của đôi bên, với hậu quả quan trọng nhứt là nhu cầu cải tổ lại lãnh đạo ở Hà Nội để sửa đổi lại đường lối chiến tranh và cứu vãng chế độ miền Bắc.

TIẾT III

BẢN CHẤT CUỘC CHIẾN TRANH VÀ CHIẾN LƯỢC XÂM LĂNG CỦA CỘNG SẢN BẮC VIỆT

MỤC I

BẢN CHẤT CUỘC CHIẾN TRANH

Trong những năm đầu của chiến cuộc, gốc rễ của Cộng Sản là cơ sở hạ từng chánh trị nằm vùng, tổ chức ăn sâu vào quần chúng nông thôn từ lúc kháng chiến chống Pháp cho đến nay. Sức mạnh chánh trị của Cộng Sản là các cơ sở hạ từng này. Lực lượng phụ là các đơn vị du kích hoạt động trong sự yểm trợ của cơ sở hạ từng và đồng thời, du kích cũng hỗ trợ cho cuộc bành trướng cơ sở hạ từng lần lần ở mọi nơi. Mục đích chánh của Cộng sản là đánh phá, gây rối loạn khắp nơi để hỗ trợ cho mục tiêu chánh trị : cướp chánh quyền.

Đảng Cộng Sản đã bỏ ra trên 20 năm để tổ chức cơ sở hạ từng, hoàn tất giai đoạn đầu của chiến lược thôn tính miền Nam. Cơ sở hạ từng là nguồn cung cấp nhơn, tài, vật lực cho các đơn vị du kích và chánh qui, đồng thời kiểm soát và trù định mọi kế hoạch quân sự cho du kích quân. Cơ sở được tổ chức thành Ủy ban Chỉ đạo cấp xã, quận, tỉnh, khu và trên hết là ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhơn Dân Cách Mạng (chi nhánh của Đảng Cộng Sản Bắc Việt). Sơ đồ tổ chức ở trang bên giúp ta thấy rõ hai hệ thống chỉ huy khác biệt của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Bộ Tư Lệnh Quân Lực Giải Phóng. Cả hai hệ thống đều bị kiểm soát bởi đảng ở mọi cấp. Ban Chấp Hành Trung ương

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CỘNG SẢN TẠI MIỀN NAM

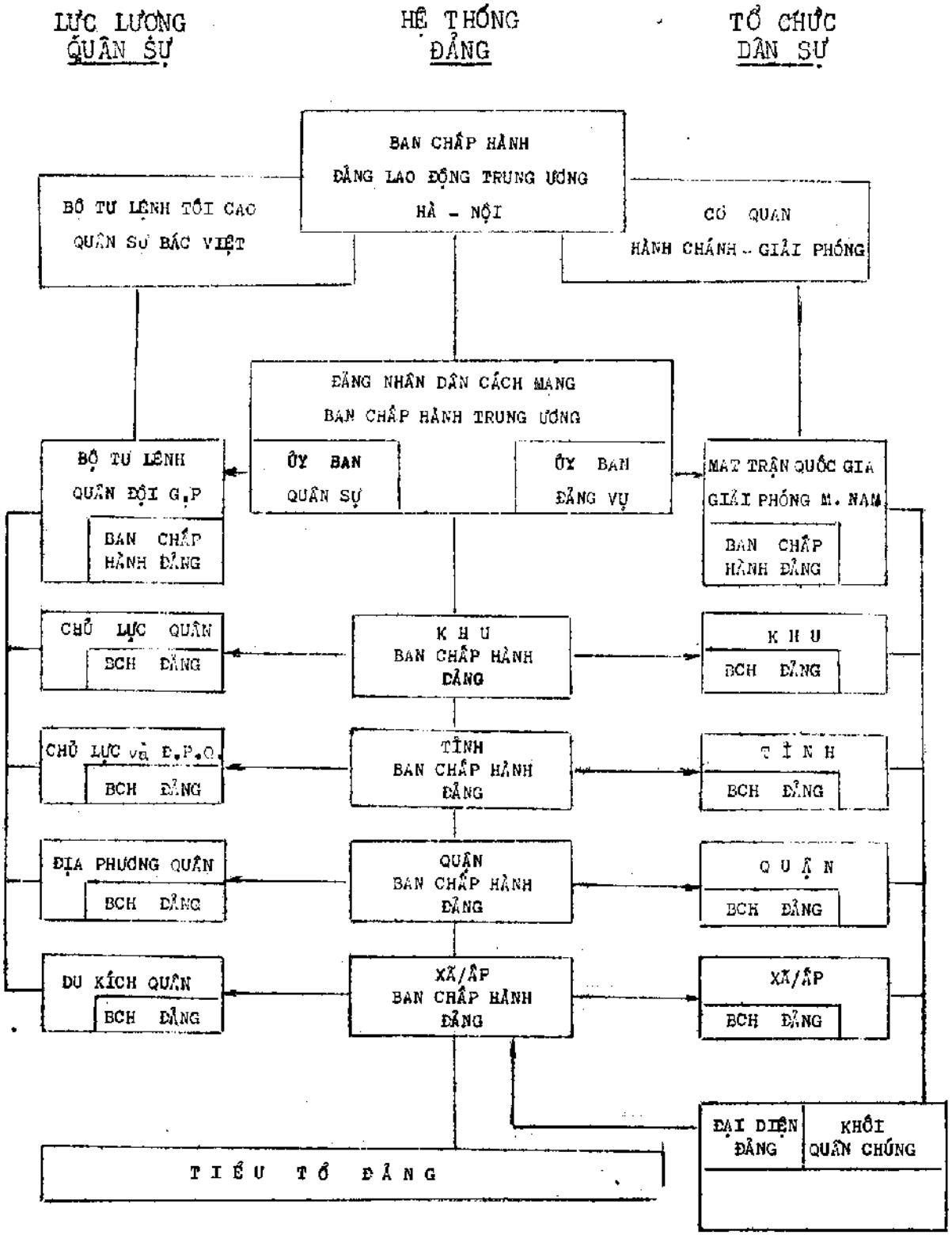

đảng Nhơn dân Cách mạng là cơ quan chỉ huy cả hai hệ thống. Thành phần cán bộ các cấp trong tổ chức và cán bộ nòng cốt chỉ huy du kích được chọn trong số các đảng viên Cộng Sản gốc người miền Nam, hoặc nằm vùng, hoặc hồi kết. Quân số du kích được chiêu mộ ngay trong quần chúng nông thôn, phần lớn là thành phần bất mãn với chánh quyền. Từ năm 1963 trở đi, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thiếu cán bộ, nguyên do là cơ sở bành trướng quá mau và một số lớn cán bộ bị giết, bị bắt và tự ý chiêu hồi về Chánh quyền Quốc gia khiến Bắc Việt phải cho cán binh Cộng Sản xâm nhập vào miền Nam để điền khuyết.

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là công cụ của chánh quyền Cộng Sản Bắc Việt được tổ chức dưới chiêu bài quốc gia để tạo chính danh trên bình diện quốc nội và quốc ngoại hầu che dấu sách lược xâm lăng của miền Bắc. Cho đến năm 1968, tại Hòa đàm Ba Lê, phái đoàn Bắc Việt lên tiếng tuyên bố là không có quân chánh qui Bắc Việt tham chiến ở miền Nam. Thật ra, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chánh quyền Bắc Việt chỉ là một cơ quan duy nhứt, và cũng từ năm 1963 đến nay, chánh quyền miền Bắc không ngớt cho xâm nhập người và võ khí vào miền Nam, lãnh đạo trực tiếp cuộc chiến, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là bình phong che dấu mọi hoạt động của Cộng Sản. Bắc Việt đã khéo léo che dấu mọi hình thức xâm nhập và có thể kéo dài cuộc chiến nhờ sự viện trợ của khối Cộng Sản Quốc Tế. Chánh quyền Miền Nam nhận ngoại viện rầm rộ qua các hải cảng và phi trường, không che dấu các quan sát viên Quốc Tế, khiến Việt Nam Cộng Hòa mang nặng tính chất hiếu chiến. Cũng nhờ vào viện trợ Huê Kỳ, bản chất của cuộc chiến đã thay đổi, khiến Cộng Sản không thắng được miền Nam bằng võ lực. Cuộc diện xoay quanh việc đấu tranh chính trị mà yếu tố quyết định là tư tưởng của quần chúng miền Nam. Giờ đây, cuộc chiến tại Việt Nam Cộng Hòa là sự va chạm thật sự giữa khối Cộng Sản Quốc Tế và khối Tự Do mà sự thắng bại của hai miền Nam Bắc Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tình hình Quốc Tế trong tương lai.

MỤC II

CHIẾN LƯỢC CỦA CỘNG SẢN

Theo lý thuyết Mao Trạch Đông, mọi cuộc chiến tranh cách mạng đều phải qua ba giai đoạn chiến lược :

- Giai đoạn phòng ngự, tổ chức hạ từng cơ sở.
- Giai đoạn chiến tranh du kích để tạo thế quân bình lực lượng với chánh quyền.
- Giai đoạn tổng phản công, tiến đến cướp chánh quyền.

Nếu hội đủ yếu tố thuận lợi, tạo được chánh nghĩa được quần chúng ủng hộ và nếu chánh quyền suy nhược, cuộc cách mạng có thể thành công trong giai đoạn một hay trong phần đầu của giai đoạn hai. Nếu gặp chánh quyền mạnh hoặc chưa hội đủ yếu tố thuận lợi, quân cách mạng phải quân bình lực lượng ở giai đoạn hai rồi đẩy mạnh sang giai đoạn ba, tổng phản công (chiến trường Trung Hoa Lục Địa 1946 - 1950) hay xử dụng vận động chiến (chiến trường miền Nam Việt Nam 1965 - 1968) với quân đội chánh qui.

Cả ba giai đoạn của chiến lược phát triển tuần tự nhưng không ấn định thời gian cho mỗi giai đoạn. Giai đoạn sơ khởi, đảng Cộng Sản cần nhiều năm mới tổ chức được cơ sở bí mật khắp nơi trong nước. Tại Việt Nam, các cơ sở được tổ chức bí mật từ năm 1930, bành trướng thêm vào lúc quân Nhựt chiếm đóng Đông Dương. Các cơ sở được củng cố và phát huy mạnh trong thời kháng chiến chống Pháp và tạm im lặng trong những năm đầu sau ngày chia đôi đất nước.

Giai đoạn hai của cuộc chiến hiện bắt đầu từ 1950 đến 1964. Trong giai đoạn này Việt Cộng áp dụng

chiến lược và chiến thuật đúng theo qui tắc chiến tranh du kích núp dưới chiêu bài giải phóng. Biết khai thác các bất mãn của dân chúng đối với chánh quyền, Việt Cộng lôi cuốn được một số lớn quần chúng nông thôn và một số trí thức ở thành phố, kiểm soát được một số làng xã ở thôn quê.

* Giai đoạn ba của cuộc chiến bắt đầu từ năm 1965 cho đến hết hai năm 1968 Cộng Sản Bắc Việt và Việt Cộng đã thực sự đẩy mạnh cuộc tổng phản công vào thời gian này với mục đích chiếm đất và dành dân ở vùng nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị để tiến đến việc cướp chánh quyền bằng một vài trận then chốt đúng lúc. Đúng lúc ở đây là bốn sự kiện mà Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và chánh quyền Cộng Sản miền Bắc mong đợi :

1.- Sự phá sản về tinh thần quyết thắng của Hoa Kỳ ;

2.- Sự thất bại về chủ tâm quyết thắng của nhơn dân miền Nam ;

3.- Sự thất bại của hai chánh phủ Mỹ Việt trong việc phát huy một chiến lược hữu hiệu để đối phó với chiến tranh khuynh đảo ;

4.- Và sự thất bại của chánh quyền miền Nam trong sự ổn định chánh trị và phát triển nền hành chánh (1).

Cao điểm của giai đoạn ba là cuộc tổng công kích hồi Tết Mậu Thân và bốn sự kiện mà Cộng Sản Bắc Việt và Việt Cộng mong đợi đã lố diện vào mùa đông 1967.

---

(1) Sir Robert Thompson "No Exit from Vietnam", trang 63.

* Sau khi thất bại nặng trong cuộc tổng công kích vào năm 1968, Cộng Sản Bắc Việt và Việt Cộng đã lùi lại giai đoạn hai từ mùa thu 1968 và kéo dài cho đến ngày nay để chờ cơ hội chuyển sang giai đoạn ba, tổng phản công, đạt thắng lợi cuối cùng.

MỤC III

VẤN ĐỀ CỘNG SẢN BẮC VIỆT PHẢI GIẢI QUYẾT

Sau cái chết của Hồ Chí Minh, Bắc Việt lâm vào tình trạng khủng hoảng lãnh đạo trầm trọng. Mặc dầu họ cố che đậy những mâu thuẫn nội bộ nhưng sự thật là các phe phái cầm quyền miền Bắc khó mà tìm được một vị lãnh đạo khả dĩ có đủ uy tín để thay thế họ Hồ.

Thêm vào đó Cộng Sản Bắc Việt lại phải đương đầu với những vấn đề phức tạp liên quan đến cuộc chiến tại miền Nam vì những lý do sau đây :

1.- Căn bản chiến tranh thay đổi qua các cuộc hành quân của quân lực Việt Nam Cộng Hòa mở sang Kampuchea và Hạ Lào ; từ "chiến tranh nhơn dân" qua "chiến tranh viện trợ". Lãnh đạo không còn chủ động được, tức là Hà Nội đã đi ngược lại truyền thống cố giữ tự trị của Hồ Chí Minh khi ông ta cố đi giây để nhận viện trợ của cả Nga và Tàu mà không lệ thuộc vào hai nước đàn anh vĩ đại.

2.- Hậu quả là miền Bắc phải quan niệm lại lãnh đạo. Một miền Bắc kiệt quệ vì kinh tế, và nhân lực, chia rẽ về sự tranh chấp giữa hai phe thân Nga, thân Tàu và càng ngày càng trở nên chư hầu Trung Cộng sẽ không còn gì hấp dẫn đối với miền Nam. Lãnh đạo như vậy sẽ không đưa miền Bắc đến mục tiêu tối hậu là nuốt trọn miền Nam, thống nhứt quốc gia.

3.- Ngoại viện là mối lo hàng đầu của giới lãnh đạo miền Bắc, cho dù thân Nga hay Tàu. Vì lẽ những thiệt hại do chiến tranh tàn phá, sự kiệt quệ về nhơn lực đem đi nướng trọn tại chiến trường miền Nam, Kampuchea và Hạ Lào khiến cho miền Bắc sẽ không có đủ tài nguyên để nỗ lực tái thiết quan trọng liền sau khi ngưng chiến.

Nếu chiến tranh đã đặt ra nhu cầu viện trợ để thắng địch và nhu cầu tái thiết, viện trợ không thể không có. Không kỹ nghệ hóa được, không làm sao sản xuất đủ thực phẩm để nuôi dân nổi, chớ chưa nói đến vấn đề thôn tính miền Nam.

Vì những lý do kể trên, Cộng Sản Bắc Việt có thể :

- Hoặc đi giây trong thời chiến để mong hưởng được cả hai nguồn viện trợ Nga Tàu.
- Hoặc ngả hẳn một phe nào đủ mạnh để nhờ đó mà kết thúc chiến tranh trong thắng lợi. Nga Sô hay Trung Cộng đầu tư vào Bắc Việt đều muốn lấy lời trong cuộc chạy đua dành ảnh hưởng, dành lãnh đạo thế giới.

Giới lãnh đạo miền Bắc không phải lo ngại phản ứng của dân như ở miền Nam mà phải rất khéo léo đối ngoại giữa hai đàn anh để tranh thủ ngoại viện, điều kiện tiên quyết để đạt đến mục tiêu trường kỳ là thôn tính miền Nam Như vậy rất có thể Cộng Sản Bắc Việt sẽ tiếp tục đi giây giữa hai nước đàn anh để thủ lợi.

CHƯƠNG II

QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI VIỆT NAM

Chương một đã phân tách hiểm họa Cộng Sản tại Việt Nam và nhứt là các yếu tố căn bản của những vấn đề gây khó khăn cho nhà lãnh đạo ở Việt Nam hơn các xã hội chuyển tiếp ở Á Châu.

Trong Chương này, chúng tôi sẽ khảo sát và lượng giá quá trình lãnh-đạo chống Cộng tại Việt Nam qua ba thời kỳ :

TIẾT I.- THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA (1954-1963)

TIẾT II.- THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP (1963-1967)

TIẾT III.- THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA (1967 đến nay)

TIẾT I

THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA

MỤC I
QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO

Ông Ngô Đình Diệm nhận trách nhiệm điều khiển chánh phủ vào tháng 7.1954 trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Nhờ sự giúp đỡ của Huê Kỳ và khai thác được những mâu thuẫn của các phe phái đối lập, ông Diệm đã giải quyết được mọi cuộc tranh chấp với các giáo phái, ổn định được tình thế trong những năm 1954 và 1955. Trong lúc Cộng Sản Bắc Việt đang trông chờ sự sụp đổ của chánh quyền miền Nam, ông Diệm đã vượt qua được mọi khó khăn, đã loại được quân đội viễn chinh Pháp ra khỏi nước Việt Nam. Sự thành công của ông Diệm khuyến khích thêm sự ủng hộ của chánh giới Huê Kỳ (1).

1.- Trong lúc đó, ông Ngô Đình Nhu em ông Diệm, tổ chức Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong nhân dân và đặt cơ sở Phong Trào ở khắp nơi, từ trung ương cho đến cấp tỉnh, quận, xã. Phong trào này lấy chủ thuyết nhơn vị làm căn bản cho đường lối chỉ đạo. Để hướng dẫn công chức, ông Nhu thành lập Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia, cũng cùng một tôn chỉ như Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Cả hai tổ chức này đều do cán bộ trung kiên

(1) Robert Shaplen, "The Lost Revolution", trang 121-125.

của đảng Cần Lao Nhơn Vị, nắm quyền điều khiển ở các cấp. Đảng này nằm trong bí mật mà đảng viên là người thân tín của gia đình nhà Ngô. Trong thời kỳ này, các đảng phái quốc gia bị chánh phủ đàn áp và cấm đoán không cho hoạt động.

2.- Mối bận tâm của anh em ông Diệm là việc giải quyết chánh danh để được sự ủng hộ của Huê Kỳ và thế giới Tự do trong công cuộc chống Cộng. Để thực hiện ý định này ông Diệm đã tổ chức trưng cầu dân ý về quyết định chọn giữa ông và cựu hoàng Bảo Đại. Ông Diệm thắng cử với trên 98% số thăm, và đã tuyên bố thành lập nền Đệ Nhứt Cộng Hòa vào tháng 10.1955 và ông là vị Tổng Thống đầu tiên. Tháng 3.1956 Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến (1).

3.- Trong lúc đang củng cố quyền hành, chánh phủ đã cố gắng định cư được gần 1 triệu người từ miền Bắc di cư vào Nam. Đồng thời gần 80.000 binh sĩ Việt Minh cũng di cư ra Bắc. Họ đã để lại miền Nam trên 5.000 cán bộ và một số lớn võ khí được chôn dấu để dễ dàng phát động cuộc Tổng khởi nghĩa sau này. Ủy Hội Quốc Tế Đình Chiến (UHQT) không giúp được chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa về việc kiểm soát số người của Việt Minh di chuyển ra Bắc Việt. Các phái đoàn Ba-Lan và Ấn-Độ thiên về phía Cộng-Sản, chỉ phái đoàn Gia-Nã-Đại làm việc rất trung thực và vô tư.

4.- Sau ngày đình chiến, để tiết kiệm ngân sách, chánh phủ Ngô Đình Diệm đã giảm bớt quân số của quân lực Việt Nam Cộng Hòa từ 250 ngàn (250.000) xuống 150.000 và hướng sự huấn luyện về trận địa chiến. Các đơn vị cấp Tiểu đoàn được sắp nhập lại thành Sư đoàn Bộ binh. Cho đến cuối năm 1963 chánh phủ thành lập được 10 Sư đoàn Bộ binh, một Lữ

(1) Allen B. Cole, "Conflict of Indochina and International Repercusion : A Documentary History", tr. 121-125.

đoàn Dù, một Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến và nhiều Tiểu Đoàn Biệt Động Quân. Không quân và Hải quân cũng được bành trướng và trang bị đúng mức. Trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1956. Bắc Việt gia tăng quân đổ chánh qui từ 7 Sư đoàn lên đến 20 Sư đoàn, đồng thời cố vấn và nhơn công Trung Cộng cũng sang giúp tái thiết đường và cầu cống, đường hỏa xa tại Bắc Việt. Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa có phản kháng với Ủy Hội Quốc Tế nhưng cơ quan này làm ngơ. Hồi này, quân lực Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu tìm thấy nhiều hầm võ khí của Việt Cộng và thỉnh thoảng có giết và bắt được một số cán bộ Việt Cộng nhưng Ủy Hội Quốc Tế cho rằng bọn này là phiến loạn, không phải Cộng Sản, mặc dầu chúng gây rối, tấn công nhiều khu trù mật và Ấp dinh điền.

5.- Mặc dầu bị Việt Cộng phá hoại, chương trình định cư đã được chánh phủ Ngô Đình Diệm thi hành nhanh chóng. Phần lớn dân Bắc Việt di cư theo đạo Gia-Tô, nên chánh phủ nhận được sự trợ giúp rất nhiều của các cơ quan Công giáo Quốc tế và cả viện trợ Mỹ để thực thi chương trình này. Gần 133.000 dân di cư gốc là công kỹ nghệ gia, thợ thuyền, đã được định cư tại các thành phố lớn, 90.000 ngư dân được định cư ở các vùng duyên hải và trên 700.000 nông dân được định cư tại các vùng thôn quê miền Tây, miền Đông và vùng cao nguyên. Nơi định cư đông nhất là khu dinh điền Cái Sắn qui tụ trên 47.000 dân di cư. Họ đã nỗ lực khai thác các khu đất mầu mỡ, bỏ hoang từ hồi 1945, đào kinh dẫn nước vào ruộng và qua một năm, họ đã tự túc sanh sống được.

6.- Song song với việc định cư đồng bào tị nạn Cộng Sản chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa đã thiết lập và thi hành chương trình cải cách ruộng đất. Tại miền châu thổ sông Cửu Long, phần lớn các đất trồng trọt nằm trong tay các tá điền người Pháp và các người Việt Nam có quốc tịch Pháp. Gần một triệu tá điền nông dân thuê đất trồng trọt

và địa tô hàng năm lên đến 50 phần trăm số lúa sản xuất Tiền bạc vay mượn làm mùa được các điền chủ cho vay với lãi xuất từ 5 đến 10 phần trăm mỗi tháng. Trong những năm chống Pháp, Việt Cộng tại nông thôn đã triệt hạ một phần nào chủ điền và tự ý chia đất cho nông dân. Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa trong Sắc lệnh ban hành năm 1955, đã giảm địa tô hàng năm xuống còn từ 15 đến 25 phần trăm số thâu hoạch và giao kèo thuê ruộng đất tối thiểu phải 5 năm. Qua năm 1956, chánh phủ bắt đầu cải cách ruộng đất. Các điền chủ được giữ lại tối đa là 247 mẫu tây, phần còn lại bị truất hữu và chánh phủ bán lại cho nông dân với giá rẽ và trả tiền tạo mãi cho chánh phủ trong vòng 6 năm. Qua năm 1957, cơ quan Nông tín cuộc được thành lập để giúp vốn cho các nông ngư dân với mức lời rất hạ. Tuy nhiên chương trình cải cách ruộng đất này cũng không đạt được kết quả tốt, vì phần lớn các công chức trông nom việc cải cách lại là chủ điền hay có bà con với chủ điền nên chỉ có một số ít nông dân được hưởng chương trình này.

7.- Về hành chánh, Tổng Thống Ngô Đình Diệm áp dụng đường lối tập quyền. Điển hình là Hiến pháp năm 1956 cho phép Tổng Thống ban hành tình trạng khẩn trương, ban hành sắc luật trong lúc quốc hội không nhóm họp, và tự ứng trước phần chi tiêu của chánh phủ lối một phần tư ngân sách khi Quốc Hội chưa biểu quyết kịp ngân sách Quốc gia toàn niên (1). Hiến pháp năm 1956 không qui định việc bầu cử các chức quyền hành chánh địa phương. Chánh phủ được toàn quyền chỉ định và bổ nhậm các chức vụ Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng, Xã Trưởng. Việc này đã diệt hẳn truyền thống cai trị thôn xã, làm mất tánh cách tự do dân chủ ở nông thôn và sau này khi Việt Cộng giết chết vị Xã trưởng, dân chúng ngả về phía Cộng Sản.

(1) Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ban hành ngày 29.10.1956.

Chánh phủ Ngô Đình Diệm không ban bố tự do dân chủ rộng rãi. Núp bóng dưới chiêu bài dân chủ pháp trị, ông Diệm đã hạn chế quá nhiều quyền hạn của nhơn dân. Ông nghĩ rằng có hạn chế như thế mới chống được Cộng sản. Nhưng ông đã lầm lẫn to vì dân chúng ưa thích tự do và ghét độc tài, Cộng Sản. Nếu ông Diệm áp dụng đúng mức việc xây dựng dân chủ, chưa chắc gì Cộng sản có thể bành trướng mạnh được, Tổng Thống Ngô Đình Diệm chỉ biết có cai trị mà không biết lãnh đạo. Vì quá độc tài, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã đi sâu vào các chi tiết trên mọi lãnh vực, tiêu diệt sáng kiến của thuộc cấp. Ông vẫn áp dụng chánh sách cai trị do thực dân Pháp để lại, có cải tổ chút ít nhưng không đáng kể, xử dụng các công chức thơ lại của Pháp vào các chức vụ quan trọng, khiến cho công việc hành chánh càng ngày càng nặng nề thêm, các vụ tham nhũng vẫn xảy ra và có phần nhiều hơn dưới thời Pháp thuộc.

8.- Về phía giáo dục có nhiều tiến bộ quan trọng, cho đến năm 1962, miền Nam đã có ba viện Đại học, qui tụ hơn 15.000 sinh viên, so với 700 sinh viên cho toàn cõi Đông Dương vào năm 1939. Sĩ số học sinh Trung học tăng từ 20.000 vào năm 1954 lên đến 230.000 năm 1962 và học sinh bậc Tiểu học đã tăng từ 400.000 lên đến 1.500.000 trò. Các trường Sư phạm cũng đào tạo hàng năm một số lớn giáo sư Trung học và giáo viên Tiểu học.

9.- Chủ trương độc tài đảng trị của chế độ đã bóp chết các sinh hoạt đảng phái Quốc gia đối lập. Đảng nào không theo chánh quyền sẽ không được cấp giấy phép hoạt động và một số lớn các lãnh tụ nòng cốt của các đảng đối lập bị an trí hay thủ tiêu. Vào tháng 4.1960 nhóm Caravelle lập kiến nghị đệ đạt lên Tổng Thống Diệm yêu cầu nhiều cải cách về chánh trị và kinh tế nhưng không được cứu xét. Cuộc đảo chánh hụt ngày 11.11.1960 do Đại Tá Nguyễn Chánh Thi và một số quân nhơn, chánh khách khởi xướng, đã thức tỉnh chánh phủ và gia đình

Tổng Thống phần nào. Sau ngày đó, Tổng Thống Diệm và ông Cố vấn Nhu đã phải chấp nhận cho nhóm đối lập công khai hoạt động dưới danh hiệu Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhứt do ông Phan Huy Quát, một trong những lãnh tụ đảng Đại Việt đứng ra lãnh đạo. Mặt Trận chỉ hoạt động được ít lâu rồi lại bị giải tán vì bất đồng quan điểm với chế độ về việc cải cách sinh hoạt chánh đảng và ân xá chánh trị phạm.

Thắng lợi chánh trị theo quan điểm của chế độ là Quốc Hội được bầu lại vào năm 1959 hoàn toàn ủng hộ chánh quyền. Tổng Thống Diệm được tái đắc cử nhiệm kỳ hai vào năm 1961. Trong hai cuộc tuyển cử này, Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia đã hoạt động tích cực ủng hộ các ứng cử viên đứng về phía chánh quyền. Kết quả bầu cử không được minh bạch lắm, tuy nhiên số cử tri đi bỏ phiếu gia tăng từ 82 phần trăm năm 1959 lên đến 90 phần trăm năm 1961 mặc dầu Việt Cộng đã cố gắng phá hoại cuộc bầu cử (1).

10.- Sau ngày đình chiến, các Tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa, trong số đó có Trung Tướng Dương Văn Minh đề nghị với Tổng Thống Ngô Đình Diệm và chánh phủ, xin đặt chương trình huấn luyện môn chiến tranh chống du kích cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa nhưng Tổng Thống Ngô Đình Diệm vì bị ám ảnh bởi cuộc tiến quân của Bắc Việt qua vĩ tuyến 17 sau này và cũng vì các cố vấn Mỹ làm áp lực mạnh, đã cho trang bị quân lực theo kiểu Mỹ và áp dụng chương trình huấn luyện theo chiến tranh qui ước. Mãi về sau này khi Việt Cộng hoạt động mạnh chánh phủ mới cho phép thành lập các đơn vị Biệt Động Quân.

(1) Scigliano "South Vietnam : Nation Under Stress" p. 75 - 100.

11.- Trong lúc Cộng Sản gia tăng xâm nhập người và võ khí vào Nam và mưu đồ phá hoại càng ngày càng gia tăng, chánh phủ Ngô Đình Diệm cũng đã phản công mạnh mẽ bằng tuyên truyền, xử dụng quân lực trong các cuộc hành quân tảo thanh, tìm tiêu diệt các đơn vị Việt Cộng. Chủ nghĩa Nhơn vị được đề cao và chánh phủ dùng chủ nghĩa này để chống lại chủ thuyết Cộng Sản. Chương trình khu trù mật được bắt đầu từ năm 1959, dựa theo kinh nghiệm của Mã Lai Á, gom các gia đình sống lẻ tẻ ở các vùng mất an ninh về chung một nơi có đủ cả tiện nghi như trường học, nhà thương, điện nước v.v... và an ninh được bảo đảm hơn. Vì thiếu cán bộ có khả năng và lương tâm chức nghiệp, chương trình trình này không thành công. Chỉ có 22 khu trên 80 khu trù mật được hoàn tất vào năm 1961 khi chương trình này được chuyển sang quốc sách "Ấp chiến lược". Quốc sách mới lại càng làm khổ dân hơn nữa. Mọi công dân phải tham gia vào việc đào hào, đắp lũy, canh gát, bổ dỡ các công việc đồng áng. Các cán bộ phụ trách Ấp chiến lược, vì muốn tăng công đã thúc đẩy dân chúng làm việc ngày đêm. Để đe dọa các gia đình không sớm dọn vào Ấp chiến lược, chức quyền quân sự địa phương cho đặt các vùng oanh kích tự do phía ngoài phạm vi các ấp thiếu an ninh. Việt Cộng lợi dụng tình thế này, khai thác mạnh mối bất mãn trong lòng dân.

Sau ngày cách mạng 1.1.1963, lợi dụng lúc giao thời, Việt Cộng xúi dân phá Ấp chiến lược và di dân ra ngoài đồng trống, gây khó khăn cho các cuộc hành quân bình định về sau.

MỤC II

LƯỢNG GIÁ QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA THỜI ĐỆ NHỨT CỘNG HÒA

Vai trò lãnh đạo chống Cộng của vị Tổng Thống nền Đệ Nhứt Cộng Hòa sẽ được lượng giá qua 7 nguyên tắc lãnh đạo chống Cộng nêu ra ở phần đầu của chương dẫn nhập :

1.- Chánh phủ không có chủ trương chánh trị minh bạch. Ông Diệm áp dụng chánh sách độc đảng, đàn áp đối lập không tạo cho người dân ý thức được thế nào là tự do dân chủ. Ông đã áp dụng chánh sách độc tài, gia đình trị. Ông Diệm đã thâu hồi nền độc lập trong tay Pháp nhưng không đoàn kết được khối quần chúng đông đảo, không ổn định chánh trị vì chủ trương độc tài và cũng không ổn định được nền kinh tế mặc dầu viện trợ kinh tế Mỹ rất dồi dào.

2.- Luật pháp được áp dụng nhưng không đồng đều. Mọi người đều nhìn thấy pháp luật được áp dụng đối với khối dân chúng nghèo khổ, những kẻ cô thế, riêng đối với kẻ giàu sang và có quyền thế, pháp luật không được áp dụng. Đối với phiến loạn, pháp luật áp dụng quá lỏng lẻo và không hữu hiệu.

3.- Ông Diệm có thiết lập kế hoạch nhưng thiếu thực tế và không toàn diện. Ông chỉ chú trọng đến quân sự, kinh tế giáo dục. Về quân sự, ông chỉ thị áp dụng chương trình huấn luyện theo thể thức trận địa chiến, không theo lời đề nghị của các tướng lãnh. Về kinh tế, có phát triển một số cơ sở Kỹ nghệ, phần lớn viện trợ Mỹ được xử dụng vào việc nhập cảng hàng hóa tiêu thụ thay vì máy móc trang bị cho sản xuất.

4.- Ông Diệm làm ngược lại nguyên tắc 4, ông chỉ thị ưu tiên tiêu diệt du kích mà không chú ý đến cơ sở nằm vùng. Nếu ông sớm biết việc này, có lẽ chiến tranh sẽ không mở rộng được được vào năm 1965.

5.- Ông Diệm lập các khu trù mật và dinh điền để di dân thay vì bảo vệ dân, gây bất mãn trong dân chúng, để cho Cộng sản khai thác. Các làng xã đông dân cũng không

được bảo vệ. Kế hoạch Ấp chiến lược ban hành quá trễ khiến Việt Cộng đặt được cơ sở nội tuyến trong nhiều ấp được hoàn tất sau năm 1960.

6.- Ông Diệm được Huê Kỳ viện trợ mạnh mẽ về kinh tế và quân sự nhưng ông không tranh thủ được đúng mức về ngoại giao. Ông không tranh thủ Huê Kỳ và khối tự do giúp đỡ thông tin tuyên truyền chánh nghĩa của Việt Nam ở quốc ngoại. Về mặt ngoại giao, ông thiếu sáng suốt, đã cắt đứt liên lạc ngoại giao với Kampuchea khiến Việt Cộng xử dụng quốc gia này vào việc nuôi dưỡng quân chánh qui và chuyển vận, tồn trử võ khí đạn dược.

7.- Ông Diệm là người hiếu hậu bất nhứt, ông hô hào chống Cộng nhưng đến giữa năm 1963, ông cho phép ông Nhu bắt liên lạc với Cộng Sản Bắc Việt. Đây cũng là một trong những nguyên do đưa đến cuộc cách mạng 1.11.1963. Ông không có tài lãnh đạo, ông chỉ là một nhà cai trị mà thôi Ông không bao giờ lôi cuốn được quần chúng bởi lẽ ông áp dụng chế độ độc tài, gia đình trị và ông không bao giờ cho đối lập hoạt động. Ông là người có đạo đức nhưng ông đã dung túng cho các em ông kinh doanh trục lợi, biển thủ công quỹ. Ông hô hào cách mạng nhưng ông không bao giờ hiểu đúng nghĩa của hai chữ cách mạng. Là một nhà cai trị hơn là nhà chánh trị, ông Diệm có tinh thần trách nhiệm tin tưởng vào công việc cứu quốc của ông.Tuy nhiên ông và gia đình đều có cái nhìn thiển cận, không bao giờ chịu phục thiện. Mọi lời chỉ trích xây dựng của nhóm đối lập đều bị gán cho nhãn hiệu Cộng sản hay thực dân.

Mặc dù ông đặt mọi nỗ lực vào các việc chống Cộng nhưng không gặt hái được kết quả tốt. Cơ quan thông tin lúc nào cũng hô hào chống Cộng, trong lúc cán bộ Cộng Sản hô hào giải phóng, hứa hẹn cải tạo xã hội, không để lộ bộ mặt Cộng Sản, được một số quần chúng nông thôn nghe theo.

Ông chỉ thích nghe lời xu nịnh và tự điều khiển công cuộc chiến tranh chống Cộng, xem các Tướng lãnh như Sĩ quan tùy tùng, không bao giờ chịu để tai nghe các kế hoạch chống Cộng của các Tướng lãnh. Ông đã làm một cuộc cách mạng khi ông truất phế cựu Hoàng Bảo Đại nhưng đây chỉ là một cuộc cách mạng nửa vời. Ông đã không ý thức đúng vai trò lãnh đạo mà Quốc dân giao phó cho nên ông đã đánh mất cơ hội để trở thành nhà lãnh đạo tài ba : ông đã để cho vận hội ngàn năm một thuở (lúc 1954-1955) trôi qua. Nền Đệ Nhứt Cộng Hòa và anh em ông đã sụp đổ với cuộc cách mạng khác : cách mạng 1.11.1963.

TIẾT II

THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Thời kỳ này mở đầu bằng một cuộc cách mạng nhưng là cuộc cách mạng chưa thành (1). Sau đó, một loạt những cuộc chỉnh lý và đảo chánh liên tiếp, tạo tình trạng bất ổn định về chánh trị và nhiều lãnh vực khác. Trong thời gian này, ta có thể tạm gọi là gián đoạn về lãnh đạo.

MỤC I

QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO TRONG THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

1.- Sau ngày 1.11.1963 mọi người chờ đợi một cuộc cách mạng toàn diện về xã hội và chánh trị. Vận hội lại đến với quốc gia Việt Nam nhưng những vị Tướng lãnh cầm đầu vận mạng quốc gia lúc bấy giờ không nghĩ đến cuộc cách mạng toàn diện. Hội đồng Tướng lãnh đã không làm gì hơn là làm vài cuộc cải cách về hành chánh và xóa bỏ vài sắc luật lỗi thời hạn chế quyền tự do căn bản của Đệ Nhứt Cộng Hòa. Họ không nghĩ đến việc xây dựng một hệ thống chánh trị vững chắc cũng như không tổ chức các đoàn thể quốc gia chống Cộng và nguy hại hơn hết là các Tướng lãnh không lập chương trình quân sự khả dĩ chống chiến tranh khuynh đảo Cộng Sản (2).

---

(1) Luật sư Trần Văn Tuyên - Tập san Quốc Phòng số 6 - tháng 12.1970.trang 6-26.
(2) Joseph Buttinger "Vietnam a Political History", p. 475.

2.- Hội đồng Tướng lãnh do Trung Tướng Dương Văn Minh chủ tọa đã không ý thức được nguyện vọng của dân cũng như không ngăn chận được nạn tham nhũng càng ngày càng bành trướng. Ngoài việc không ổn định được tình hình chánh trị Hội đồng Tướng lãnh không xây dựng được dân chủ và cải tạo xã hội như đã tuyên bố sau ngày cách mạng. Sáu tuần lễ sau ngày 1.1.1963, chánh quyền cấp phái lai mới cho 63 đảng phái ; có nhiều đảng chỉ có ban chấp hành và vài đảng viên. Hội đồng Nhơn sĩ được triệu tập nhưng phần đông là các cụ già bất lực, cổ chấp, không có đại diện của nông dân và giới lao động. Quần chúng cho rằng cuộc cách mạng 1.11.1963 đã không mang lại sắc thái mới và không thỏa mãn được nguyện vọng của đại đa số.

3.- Hội đồng Tướng lãnh đã cố gắng để đạt những tiến bộ về quân sự nhưng họ quên rằng quân sự chỉ phát triển được trong một xã hội ổn định và một hoàn cảnh chánh trị thuận tiện. Sanh hoạt chánh trị trong Hội đồng Tướng lãnh rất tẻ nhạt, không có người dân nào được tham gia ý kiến; quyền hành tập trung vào 52 vị Tướng lãnh trong toàn quốc từ trung ương đến địa phương. Sau ngày chỉnh lý 31.11.64 tình hình chánh trị càng ngày càng xuống dốc. Dân chúng gần như thản nhiên với các cuộc thay đổi, đảo chánh,biểu tình, tham gia biểu tình có thù lao. Tướng Nguyễn Khánh bị nhiều đoàn thể nhứt là sinh viên, chống đối mãnh liệt. Trong suốt năm 1964 tình hình chánh trị và quân sự càng ngày càng suy đồi mặc dầu có Huê Kỳ cố gắng giúp đỡ chánh phủ. Các chánh phủ dân sự thay nhau cầm quyền nhưng cũng không ổn định tình thế quá suy nhược về chánh trị lẫn quân sự. Kết cuộc Tướng Khánh đã phải xuất ngoại lưu vong ngày 22.2.1965.

4.- Dưới thời Nội các Chiến tranh, Tướng Nguyễn Cao Kỳ đã cố gắng thi hành việc cải cách điền địa nhưng kết quả không được bao nhiêu. Công cuộc xây dựng nông thôn

giúp chánh quyền kiểm soát thêm đất dành thêm dân nhưng lại làm khổ dân không ít. Các chủ điền theo chân các đoàn xây dựng nông thôn về miền quê đòi địa tô, bắt trả địa tô các năm đã qua không thấu được vì chiến tranh, làm cho dân quê ta thán, Có nhiều nơi, dân đã nuối tiếc lại cuộc sống dưới thời Việt Cộng cầm quyền khi trước. Tuy nhiên ông Kỳ đã biết xử dụng viện trợ Mỹ để phát triển công cuộc bình định và xây dựng, tiêu diệt du kích Cộng Sản, phát triển kinh tế tiêu thụ, hữu sản hóa công nhơn nghiệp đoàn xe lam, xe tắc xi...

5.- Nhìn chung các chánh phủ nối tiếp nhau lên cầm quyền sau ngày Đệ Nhứt Cộng Hòa bị sụp đổ, đã không cải cách được xã hội cũng như không làm được gì lợi cho Quốc gia mà trái lại đã đưa quốc gia đến chỗ suy vong. Họ đã đi vào vết xe đổ của ông Diệm. Không chánh phủ nào được dân ủng hộ. Dân càng ngày càng chán nản, dân đòi bòa bình và một số trí thức muốn ngả theo chánh sách trung lập, điển hình là các đoàn thể Phật giáo miền Trung.

6.- Qua đến năm 1967 tình hình chánh trị được cải thiện nhờ có tân Hiến pháp, các cuộc bầu cử Tổng Thống và Thượng, Hạ Nghị Viện. Một vị lãnh đạo mới xuất hiện với nền Đệ Nhị Cộng Hòa : Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

MỤC II

LƯỢNG GIÁ QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Thật khó mà qui trách nhiệm lãnh đạo vào thời kỳ này. Tuy nhiên chúng tôi cũng xin lượng giá qua 7 nguyên tắc lãnh đạo để rút ưu khuyết điểm.

1.- Các chánh phủ trong thời kỳ này đều gần như độc tài không có chủ trương xây dựng các chánh đảng. Gây nên

cảnh nhơn tâm ly tán, xáo trộn mọi sinh hoạt xã hội, thuê mướn dân biểu tình, bạo động, không ổn định được chánh trị lẫn kinh tế.

2.- Luật pháp không được áp dụng. Có xử tử một gian thương, pháp trường cắt xử dụng có một lần rồi thôi. Các cuộc những lạm vẫn tiếp diễn.

3.- Các chánh phủ không có kế hoạch toàn diện. Chỉ lo chống đỡ với tình thế xã hội chánh trị lúc bấy giờ. Về quân sự, lo chống đỡ các cuộc tấn công của Việt Cộng. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa kẹt trong thế bị động.

4.- Lại phạm lỗi lầm như thời ông Diệm. Chủ trương tiêu diệt ku kích và chủ lực quân địch trước, cơ sở nằm vùng sau. Gần cuối năm 1967 mới thay đổi đường lối hành động.

5.- Chánh phủ Nguyễn Ngọc Thơ đã để cho các Ấp chiến lược bị Việt Cộng phá hoại hết gần một phần ba (trên 2.000 ấp). Kịp cho đến lúc quân lực Việt Nam Cộng Hòa đặt trọng tâm vào công cuộc bình định, cũng đã quá trễ. Việt Cộng đã tổ chức lại được cơ sở, bắt thêm lính, tuyên truyền lôi cuốn thêm được một số dân. Công cuộc bảo vệ dân bắt đầu có hiệu quả từ đầu năm 1967 trở đi với sự áp dụng quốc sách bình định xây dựng.

6.- Các chánh phủ đã tranh thủ được ngoại viện về quân sự và kinh tế nhưng không tranh thủ được về mặt ngoại giao. Chánh nghĩa quốc gia trong cuộc chiến đấu chống Cộng sản xâm lăng vẫn chưa được phát huy trên bình diện Quốc tế.

7.- Các chánh phủ đều có lập trường chống Cộng rõ rệt. Tuy nhiên không chánh phủ nào lôi cuốn được quần chúng vì lẽ không cải tạo được xã hội, không xây dựng được dân chủ và nhứt là vẫn chưa thực hiện được cuộc cách mạng toàn diện.

TIẾT III

THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA

Trong lời hiệu triệu quốc dân ngày 14.6.1965, lúc nhận lãnh chủ quyền quốc gia trong tay cố Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu, Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu nhơn danh Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã long trọng tuyên bố:

"Sẽ trao trả chánh quyền lại cho những cơ quan do toàn dân chọn lựa vào lúc an ninh trật tự được vãn hồi".

Ông đã thực hiện lời tuyên bố trên qua việc ban hành Hiến Pháp 1.4.1967 và đã tổ chức được cuộc bầu cử Tổng Thống. Ông đã ra ứng cử chức vụ Tổng Thống và được đắc cử với 35% số phiếu đi bầu. Nền Đệ Nhị Cộng Hòa được thành lập ngày 31.10.1967 cùng với ngày nhậm chức của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ. Để kiểm điểm thành quả lãnh đạo của Nền Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam, chúng tôi xin tóm lược một cách khách quan về quá trình lãnh đạo này.

MỤC I

QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA TỪ NĂM 1967 ĐẾN NAY

1.- Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam thiết lập trên căn bản Hiến Pháp 1.4.1967 là một chánh thể tự do dân chủ. Xét theo thực tế trong bốn năm qua, công dân Việt Nam chưa được hưởng đầy đủ tự do như công dân các quốc gia dân

chủ tiền tiến. Nhưng ta phải công nhận rằng hiện nay, dân chúng Việt Nam đã đạt được sự tự do hoạt động chánh trị để làm cơ sở cho thể chế dân chủ. Ngày nay, người dân được xử dụng quyền chỉ trích, chứng tỏ rằng chế độ Đệ Nhị Cộng Hòa đã có tánh cách dân chủ.

2.- Năm 1967, Việt Cộng vẫn còn nhiều đơn vị chủ lực phối hợp chặt chẽ với du kích và một hệ thống cán bộ chánh trị kiểm soát một vùng khá rộng ở nông thôn. Bắc Việt đã xử dụng lãnh thổ Lào và Kampuchea làm căn cứ an toàn để tấn công Việt Nam Cộng Hòa. Do đó, áp lực của Cộng Sản rất nặng và nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa phải để rất nhiều cố gắng vào công cuộc bình định và xây dựng Cho đến nay kết quả công cuộc bình định đã sang giai đoạn phát triển. Chánh phủ đặt nặng việc tiêu diệt hạ từng cơ sở của Cộng Sản song song với công tác bình định và đồng thời phát triển đời sống thôn ấp. Việc kiểm soát được trên 90 phần trăm dân số và đất đai là một thành công đáng kể của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

3.- Sau khi đắc cử Tổng Thống, ông Thiệu đã tích cực xúc tiến thành lập các cơ cấu Hiến định của chánh quyền Trung ương như Tối Cao Pháp Viện và Giám Sát Viện. Các cơ quan Tư vấn như Hội đồng Kinh tế, Xã hội, Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Hội đồng các Sắc tộc cũng đã được thành lập. Tại các địa phương ông đã tổ chức các cuộc bầu cử viên chức xã ấp, các Hội đồng tỉnh, thị xã và Đô thành. Việc xây dựng các cơ cấu dân tộc ở hạ từng đã được tiến hành song song với công cuộc bình định. Nói chung, nhơn dân đã bắt đầu ý thức được nhiệm vụ và bắt đầu tham dự thực sự vào việc lựa chọn những chức quyền ở xã ấp, cũng như các nghị viên Hội đồng Tỉnh, đô, thị, xã.

4.- Ông thường đề cập đến việc thượng tôn phát luật và ông đã cố gắng nhiều để chứng tỏ rằng ông khép mình vào khuôn khổ pháp lý của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Tuy nhiên

ông cũng có vi phạm Hiến pháp. Phán quyết của Tối Cao Pháp Viện về vụ dân biểu Trần Ngọc Châu và vụ thuế kiệm ước, cả hai vụ đều vi hiến, chứng tỏ nhận xét trên.

5.- Tổng Thống Thiệu đã cố gắng tận dụng mọi nỗ lực để giải quyết chiến tranh. Ông chủ trương :

1. Phá vỡ hàng ngũ quân sự và chánh trị của Cộng Sản, cắt đứt mọi khả năng xâm lăng của địch ;

2. Hội đàm với Cộng Sản để tìm giải pháp chấm dứt chiến tranh.

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân đợt 1 vào tháng 2.1968 và đợt 2 vào tháng 5.1968 đều bị quân lực Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh đẩy lui khiến cho Cộng Sản càng ngày càng yếu. Chánh phủ đã tổ chức chiến dịch Phượng Hoàng mà thành quả gặt hái được rất rõ rệt : gần 80 phần trăm cơ sở chánh trị các ấp, xã và quận bị tiêu diệt vào cuối năm 1970. An ninh đã được vãn hồi và mọi người đều cảm thấy tin tưởng hơn vào chánh quyền. Chương trình Nhơn Dân Tự Vệ được dân chúng ở thành thị cũng như thôn quê tham gia, chứng tỏ phần nào dân chúng chán ghét Cộng Sản. Cuộc hành quân sang Kampuchea đã cắt đứt và phá hủy mọi nguồn tiếp vận về võ khí và đạn dược của địch, đã giúp vào việc củng cố an ninh tại Quân Khu III và IV.

Hội Đàm Ba Lê được mở ra để tìm giải pháp cho cuộc chiến hiện tại. Lúc đầu, Huê Kỳ tự ý thương lượng với Bắc Việt về địa điểm mở hội nghị. Đến lúc đã chọn được Ba Lê làm địa điểm cho hòa hội, Huê Kỳ đề nghị Việt Nam Cộng Hòa gởi phái đoàn đến tham dự. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã từ khước và đòi hỏi Huê Kỳ phải chứng tỏ thái độ về việc bảo vệ tự do cho nhơn dân miền Nam Việt Nam. Việc mở cuộc Hội đàm Ba Lê phải hoãn lại cho đến khi ứng cử viên Cộng Hòa Richard Nixon đắc cử Tổng Thống Huê Kỳ, nhậm chức ngày 20.1.1969.

Tài lãnh đạo của Tổng Thống Nixon chứng tỏ cho thế giới thấy rằng ông ta áp dụng chánh sách cứng rắn với Cộng Sản một cách khéo léo và đã cố gắng bảo vệ quyền lợi của Việt Nam Cộng Hòa. Lịch sử sẽ ghi công cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ; nếu ông không cương quyết với chánh quyền Johnson trong năm 1968, có thể chánh phủ của Đảng Dân Chủ tại Huê Kỳ đã nhượng bộ cho Cộng Sản nhiều hơn và sẽ gây nhiều thiệt hại không lường cho Việt Nam.

6.- Từ tháng 7.1969, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đưa ra một lập trường uyển chuyển hơn : Ông đề nghị Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chấm dứt cuộc chiến và tham dự cuộc bầu cử tự do được kiểm soát bởi những Ủy ban hỗn hợp hay nếu cần có thể mời các Ủy ban Quốc Tế đến kiểm soát. Cộng Sản bác bỏ đề nghị này. Trước thái độ ngoan cố của Cộng Sản, đề nghị hợp lý của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã bộc lộ thiện chí của Việt Nam Cộng Hòa trong cố gắng chấm dứt chiến tranh bằng đường lối thương nghị. Đề nghị này cũng chứng minh rằng ông và chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng cho nhơn dân miền Nam làm trọng tài trong cuộc đấu tranh chánh trị với Cộng Sản.

Điều nầy thêm vào những thành quả của chương trình bình định, đã nâng cao uy tín của Việt Nam Cộng Hòa, đã gây được thiện cảm với nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã không khai thác đúng mức những thắng lợi trên đây.

"Các cơ quan thông tin trong Quốc nội không đủ sức tổ chức những cuộc mít tinh để giải thích cho quần chúng biết rõ thật trạng hòa đàm Ba Lê để quần chúng theo dõi và hỗ trợ lập trường đứng đắn và hợp lý của Việt Nam Cộng Hòa. Một mặt khác, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng không chấp nhận sự đối thoại với những nhơn vật trong quốc nội lên tiếng đòi hỏi hòa bình một cách khẩn thiết vì lý do nầy hay lý do khác. Ông chỉ lên tiếng mạt sát họ là Cộng

Sản hay thân Cộng. Thái độ này làm cho ông mất cảm tình của nhiều người và vô tình, đã gây thêm uy tín cho những nhóm chống đối với ông" (1).

7.- Cuối năm 1967, Việt Nam Cộng Hòa và Đồng minh đã bắt đầu giành lại quyền chủ động trên chiến trường, đặt Cộng Sản ở thế bị động. Tình trạng này đã khiến Cộng Sản quyết định đánh "xã láng" để tạo một thế mạnh làm áp lực với nhơn dân Huê Kỳ và Hòa đàm Ba Lê. Sự tính toán của Cộng Sản chỉ đúng có một phần. Biến cố Tết Mậu Thân có gây ít nhiều xúc động trong chánh giới và nhơn dân Huê Kỳ, nhưng không thấu được một nhượng bộ nào của phái đoàn Huê Kỳ tại Ba Lê.

"Về phía Việt Nam Cộng Hòa, biến cố Tết Mậu Thân tuy có gây cho ta nhiều thiệt hại về vật chất, nhưng chứng minh được tinh thần chiến đấu của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa và nhất là dân chúng các thành phố đã không theo Cộng Sản như chúng đã tin tưởng. Cuộc biến cố này đã thức tỉnh nhơn dân miền Nam Việt Nam trước mối họa Cộng Sản. Sau biến cố Tết Mậu Thân, Cộng Sản hoàn toàn kiệt quệ và toàn dân đều thấy phải đoàn kết để sanh tồn. Đó là vận hội mới cho Việt Nam Cộng Hòa. Đáng tiếc thay Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã đánh mất vận hội này" (2).

8.- Hơn ba năm cầm quyền Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã gia tăng được phần sản xuất nông nghiệp, nhờ vào an ninh đã vãn hồi. Ông cũng đã tranh thủ ngoại viện vào công tác canh tân các đường lộ huyết mạch trong nước, xây cất thêm hải cảng và phi trường, góp sức vào việc

(1) Nguyễn Ngọc Huy, Nguyệt san Cấp Tiến, số 22, tháng 10 năm 1970, trang 30.
(2) Ibid., trang 26.

phát triển hạ tầng kiến trúc của nền kinh tế Việt Nam Cộng Hòa. Về kỹ nghệ cũng có vài tiến triển quan trọng. Trong năm 1970, kỹ nghệ ráp xe hơi sản xuất được xe thông dụng và đầu năm 1971 đã sản xuất được nông cơ, nông cụ và một số lớn biến chế phẩm đáp ứng 60 phần trăm nhu cầu quốc nội. Tuy nhiên, sự thiếu tư bản đã làm chậm trễ chương trình phát triển 5 năm của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

9.- Chủ trương cải tạo xã hội của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chưa đạt được kết quả khả quan. Ông chưa chận đứng được nạn tham nhũng. Nạn hối lộ gần như công khai giữa giới xử dụng công lộ là vị đại diện dân trông nom trật tự công lộ. Dân chúng cũng phải hối lộ để xin được giấy tờ cần thiết mau chóng hơn. Người dân chỉ biết chánh quyền qua các công chức hạn thấp. Nạn hối lộ đã tạo bộ mặt xấu cho chánh quyền ở khắp nơi. Chánh phủ cũng không có chánh sách thích ứng để đối phó với nạn mãi dâm.

Ông đã ban hành luật "Người cày có ruộng" và ông xem như là một cuộc cách mạng xã hội cần thiết cho Miền Nam Việt Nam. Có lẽ ông đã thành tâm trong việc cách mạng xã hội này. Tuy nhiên phải chờ đến hết năm 1971 mới biết kết quả chắc chắn. Đến nay nhiều trở ngại trong việc thực thi chương trình "Người cày có ruộng" đã xuất hiện.

10.- Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã tìm cách ổn định nền chánh trị qua việc giúp đỡ các chánh đảng phát triển. Năm 1969 ông đứng ra làm chủ tịch một Liên minh chánh đảng: Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội. Tuy nhiên, ông không xem Mặt Trận như một liên minh rộng rãi để kết hợp tất cả đoàn thể chống Cộng ở miền Nam Việt Nam. Bởi thế các chánh đảng trong Mặt Trận lâm vào cảnh vì muốn có phương tiện hoạt động mà mất chánh nghĩa. Mặt trận tuy còn hình thức nhưng trên thực tế đã tan rã sau 6 tháng hoạt động.

MỤC II

KIỂM ĐIỂM THÀNH QUẢ LÃNH ĐẠO CỦA THỜI ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA TỪ 1967 ĐẾN NAY

1.- Cho đến nay Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã theo đuổi một chủ trương chính trị thích ứng với tình thế. Ông đã cố gắng duy trì sự tự do độc lập của quốc gia. Ông cũng đã ổn định được một phần nào tình trạng chánh trị và quân sự. Tuy nhiên có nhiều sự kiện cho thấy ông không đặt lòng tin vào các cộng sự viên của ông. Ông cũng có mời một số chuyên viên cộng tác với ông. Ông cũng mời các lãnh tụ một số chánh đảng tham gia Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội do ông tổ chức. Theo sự tiết lộ của các nhơn vật này thì trên thực tế ông không tiếp xúc thường xuyên và chặt chẽ với họ để cùng thảo luận sâu rộng các vấn đề đặt ra cho đất nước và các giải pháp cần phải áp dụng.

Ông tự quyết định mọi việc khiến các nhơn viên cao cấp trong chánh phủ lần lần chối bỏ trách nhiệm của họ. Mọi vấn đề gì cũng kéo dài ra vì các Bộ không dám tự giải quyết và phải chờ quyết định của Tổng Thống.

2.- Chánh quyền Đệ Nhị Cộng Hòa có nhiều cố gắng để áp dụng luật pháp đúng đắn. Mọi người dầu tội gì cũng được xét xử công khai và nhanh chóng. Tuy nhiên chánh quyền cũng đã vấp phải một số hành động vi hiến và tỏ ra bất lực trước nạn tham nhũng lan tràn.

3.- Chánh quyền Đệ Nhị Cộng Hòa vẫn không có kế hoạch toàn diện bao gồm mọi lãnh vực (1). Các kế hoạch rời rạc

(1) Nguyễn Ngọc Huy. Op. cit. trang 92.

về phát triển kinh tế và cải tạo xã hội đều bị giới hạn bởi hiện trạng kinh tế trong thời chiến và một guồng máy hành chánh chậm chạp, không hoàn thành được chương trình đề ra. Về quân sự chánh quyền đã có kết quả trong công cuộc bình định và phát triển cũng như phá hủy các cơ cấu tiếp vận của Cộng Sản trên đất Kampuchea năm 1970. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã được tăng cường quân số, cải tiến hiệu năng, và càng ngày càng nhận thêm trách nhiệm hành quân do Đồng minh giao lại.

4.- Chánh quyền đã dành ưu tiên vào việc diệt trừ cơ sở hạ tầng chánh trị của Cộng Sản qua chiến dịch Phượng Hoàng, do đó đã thực sự đánh trúng vào tử điểm của Cộng Sản. Việc xử dụng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân vào việc tảo thanh du kích, đã tăng cường lưu động tánh các đơn vị Chủ lực quân.

5.- Chánh quyền cố gắng bảo vệ dân qua chương trình bình định và phát triển. Nền Đệ Nhứt Cộng Hòa đã phải di dân vào Ấp chiến lược khiến dân bất mãn. Nền Đệ Nhị Cộng Hòa đã bình định luôn cả các ấp xã hiện diện, không di dân, không rào ấp mà vẫn bảo đảm được an ninh.

6.- Chánh quyền đã tỏ ra không mấy hữu hiệu trong công cuộc tranh thủ ngoại viện đứng về cả ba phương diện: ngoại giao, quân sự, kinh tế. Các khuyết điểm này đã là đề tài tranh luận sôi nổi tại diễn đàn Lưỡng Viện Quốc Hội và trên báo chí trong và ngoài nước.

7.- Sau hết Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu có lập trường chống Cộng vững chắc và rõ ràng. Các quan sát viên công nhận rằng ông có nhiều thiện chí và cố gắng phục vụ cho quyền lợi quốc gia. Là một quân nhơn chuyên nghiệp nhưng

ông lại là người có tánh nết dịu dàng hòa nhã. Tuy nhiên vì ông là một quân nhơn, với nếp sống và lề lối sanh hoạt đóng khung trong tinh thần quân nhơn từ nhiều năm khiến ông khó mà hòa hợp và lôi cuốn được quần chúng. Nếu ông dám làm cách mạng thực sự, và nếu ông tập hợp được chung quanh mình những người có khả năng thuộc các ngành hoạt động của quốc gia và hiểu rõ thật trạng của xã hội, có can đảm cho ông biết rõ sự thật cũng như dám đưa ra các sáng kiến xây dựng dầu trái với ý kiến của ông, thiết tưởng ông có thể tạo được những thành tích khác hẳn với những gì đã xảy ra trong nhiệm kỳ Tổng Thống hiện tại(1).

TỔNG HỢP

Vai trò của nhà lãnh đạo cùng với nhóm cộng sự viên rất là trọng yếu trong công cuộc chống cộng để cứu quốc và kiến quốc. Họ phải là nhóm người ưu tú (élite) mà mọi xã hội chuyển tiếp không thể không có được. Đó là những người có khả năng xuất chúng, có sức mạnh tinh thần, trí thông minh và đạo đức cao.

Nhà lãnh đạo phải biết áp dụng bảy nguyên tắc lãnh đạo chống Cộng nêu trên, và đồng thời phải có chánh sách xử dụng nhơn tài, đặt người đúng chỗ, gia tăng việc đào tạo nhơn tài, xử dụng các chuyên viên hiện có để lần hồi, ráp họ vào tiến trình canh tân xứ sở.

Việc tiếp theo của nhóm chuyên viên này là đẩy mạnh ảnh hưởng của canh tân vào đại đa số quần chúng, khiến cho không còn cách biệt quá nhiều giữa những giai từng xã hội, giữa thành thị với thôn quê.

---

(1) Nguyễn Ngọc Huy op.cit. trang 91.

Và như thế, nhà lãnh đạo sẽ thành công trong nhiệm vụ :

> "tạo một xã hội ổn định", một xã hội "không những chỉ tiến bộ về phương diện kinh tế và hành chánh mà còn phải tiến bộ về phương diện tinh thần nữa" (1).

tức là một xã hội lành mạnh đủ sức đề kháng với hiểm họa khuynh đảo của Cộng Sản.

(1) Edward Shils, Political Development in the New States, Mouton and Co. trang 86-87.

CHƯƠNG III

KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG KHẢ DỤNG

Trong công cuộc chiến đấu chống Cộng Sản, thiết nghĩ nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa sẽ có thành công nếu rút tỉa được những kinh nghiệm quý báu của các quốc gia đã từng chiến thắng Cộng Sản ngõ hầu tùy nghi áp dụng cho công cuộc chống Cộng tại Việt Nam.

Chương này gồm có :

TIẾT I.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI HY LẠP.

TIẾT II.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI MÃ LAI Á.

TIẾT III.- KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI PHI LUẬT TÂN.

TIẾT I

KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI HY-LẠP

Hy-Lạp là một quốc gia nhỏ nằm ở miền cực Nam bán đảo Ba-Nhĩ-Cán, chiếm một vị trí quan trọng tại miền Địa Trung Hải, kiểm soát eo biển Bosphore và Dardanelles. Hy Lạp đã chiến thắng Hy Cộng trong vòng 6 năm chinh chiến kể từ năm 1944 cho đến hết năm 1949. Chúng tôi sẽ lần lượt khảo sát quá trình lãnh đạo chống Cộng của Hy Lạp qua các mục sau đây :

* Bối cảnh lịch sử
* Sách lược áp dụng
* Lượng giá vai trò lãnh đạo chống Cộng

MỤC I

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Đoạn 1

PHÍA CHÁNH QUYỀN HY-LẠP

Năm 1940, sau khi Pháp đầu hàng Đức, Mussolini lợi dụng tình thế, mang quân Ý sang đánh Hy-Lạp. Quân đội Hoàng Gia Hy-Lạp cầm cự được quân Ý. Quân Đức, sau khi đánh chiếm Bảo-Gia-Lợi, mang quân sang Hy-Lạp trợ lực quân Ý. Dầu được liên quân Anh Pháp hỗ trợ, quân đội Hoàng Gia Hy-Lạp không thể chống nổi Liên quân Đức Ý. Tháng 4.1941, chánh phủ và Bộ Tư Lệnh quân đội Hy Lạp

lưu vong sang đảo Crete. Tháng 5.1942 quân Đức chiếm đảo Crete, một phần Bộ Tư Lệnh quân lực Hy Lạp bị bắt làm tù binh, một số trốn thoát, vua George II và chánh phủ Hy-Lạp di cư sang Anh Quốc. Quân đội Hy-Lạp giải giới và hoàn toàn tan rã trong nội địa Hy-Lạp, vào năm 1941 chỉ còn một số ít Hiến binh được liên quân chiếm đóng Đức Ý cho hoạt động để duy-trì trật tự.

Với sự giúp đỡ của Anh Quốc, các tướng lãnh Hy Lạp tổ chức quân đội trong vòng bí mật nhưng đa số rất yếu kém vì thiếu trang bị và huấn luyện. Một số đơn vị được Anh Quốc trực tiếp huấn luyện tại Anh và ở đảo Chypre, được trang bị võ khí tốt nhưng không thích ứng với chiến tranh du kích.

Cuối năm 1944, khi liên quân Anh-Hy đổ bộ lên đất Hy-Lạp để giải phóng đất nước, giải phóng quân Cộng Sản đã chiếm giữ được nhiều nơi liên quân Đức Ý vừa rút đi nhưng liên quân Anh-Hy chưa kịp tiếp thâu. Tình hình trở nên căn thẳng sau khi liên quân Anh-Hy tiếp thâu toàn bộ Hy-Lạp. Hai phe Quốc Cộng tranh chấp nhau dữ dội nhưng chưa đụng độ bằng võ lực. Dưới áp lực của Đồng Minh, một chánh phủ Liên hiệp được thành lập vào tháng 11.1944 do ông Panpadreon lãnh đạo. Tháng sau, ông Panpadreon yêu cầu Hy-Cộng giải tán du kích quân. Markos, vị thủ lãnh Hy-Cộng không chấp thuận, tự ý ly khai, dùng du kích quân chống lại quân chánh phủ vào tháng 12.1944.

Đoạn 2
PHÍA CỘNG SẢN HY LẠP

Đảng Cộng Sản Hy được thành lập trong thời gian từ 1920 - 1925, sau khi Nga Sô thiết lập cơ quan Cộng Sản Quốc Tế Kominterns. Sau khi thành lập, đảng Cộng Sản Hy

hoạt động công khai. Ít lâu sau, đảng bị chánh quyền Hoàng Gia cấm chỉ không cho hoạt động. Lập tức đảng Cộng Sản Hy rút vào bí mật, nỗ lực tổ chức cơ sở chánh trị và phát triển đảng trong quần chúng.

Sau khi Liên quân Đức Ý chiếm trọn lãnh thổ Hy Lạp, quân đội Hoàng gia tan rã vào năm 1941, chánh quyền Hy lưu vong hải ngoại, đảng Cộng Sản Hy đứng ra lãnh đạo kháng chiến chống quân chiếm đóng Đức Ý, thâu nạp đảng viên, tổ chức chiến khu ở các vùng rừng núi từ Pélopo-nèse phía Nam cho đến các vùng núi Grammos, Vitsi phía Bắc, tiếp giáp với các Quốc gia Albanie, Nam-Tư và Bảo Gia Lợi. Trong thời kỳ này, đảng Cộng Sản Hy do Markos lãnh đạo, khai thác triệt để chiêu bài giải phóng Quốc gia, được quần chúng nhẹ dạ ủng hộ. Đảng đã thành lập được mặt trận Liên hiệp giải phóng Quốc gia (EAM) vào đầu năm 1942 và tổ chức được quân đội giải phóng (ELAS) Thủ lãnh của mặt trận vẫn là Markos. Lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân, ông ta đã tập hợp lại được các đoàn thể nhẹ dạ vào Mặt trận, tuy nhiên ông chủ trương tiêu diệt lần lần các chiến sĩ quốc gia yêu nước song song với cuộc kháng chiến chống liên quân Đức Ý.

Kịp đến khi liên quân Đức Ý rút đi vào năm 1944, Markos chia giải phóng quân đi tiếp thâu trước nhiều nơi mà liên quân Anh-Hy chưa đến kịp. Sau đó, Markos tự ly khai và cuộc chiến bùng nổ giữa Quốc Cộng vào tháng 12 năm 1944. Quân Đội Hoàng Gia Hy nhờ sự hỗ trợ của quân lực Hoàng gia Anh phản công mạnh tại Athènes và các Đô Thị lớn. Sau hai tháng cầm cự, lãnh tụ Hy Cộng, Markos, ký hiệp ước Varkisa với chánh phủ Panpadréon vào tháng 2.1945, chịu giải tán mặt trận giải phóng Quốc gia và giải giới giải phóng quân. Họ đã giao nạp trên 40.000 võ khí hư hỏng và giải tán các cơ sở công khai của đảng. Riêng cơ sở bí mật và cán bộ trung kiên tạm rút vào bóng tối và võ khí tốt cũng được cất dấu để chờ cơ hội tổng khởi nghĩa.

Sau đó giới lãnh đạo Hy Cộng vẫn chú tâm theo dõi thời cuộc để chờ vận hội tổng khởi nghĩa. Trong thời gian này chánh quyền Hy không ổn định được tình trạng kinh tế và xã hội, các lãnh tụ phía Quốc gia lãnh đạo yếu kém, tình trạng thúi nát lại diễn ra ở thôn quê và các thị trấn nhỏ. Nhận thức như thế, Hy-Cộng gia tăng chiến dịch tuyên truyền, khai thác các mối bất mãn trong dân chúng, chiêu mộ quân, kết nạp đảng viên chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

MỤC II

CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG

Đoạn 1

PHÍA CỘNG SẢN

Đã thất bại trong cuộc tranh chấp với chánh phủ Panpadreon, Hy Cộng rút kinh nghiệm và đi ván bài mới. Chủ trương của Hy Cộng là kêu gào với khối Cộng Sản quốc tế giúp đỡ để thực thi việc sáp nhập Hy-Lạp vào Liên bang các Quốc gia Cộng Sản miền Ba Nhĩ Cán (Balkans) hay tách rời các miền Greck Macedomia Epirus và Thrace, sát nhập vào các nước Cộng Sản Albanie, Nam Tư và Bão Gia Lợi. Bị chánh quyền Hoàng gia HyLạp ngăn chặn không thực hiện được chủ trương trên, thủ lãnh Hy Cộng quyết định mở màn cuộc chiến tranh du kích. Họ bắt đầu ám sát các viên chức chánh quyền ở các xã hẻo lánh, tấn công các đồn Hiến binh cỡ bán Tiểu đội và phá hoại các trục giao thong quan trọng.

Từ năm 1942 đến năm 1944 lợi dụng chiêu bài giải phóng, Hy cộng đã có phần nào chánh nghĩa. Qua năm 1945 khi cuộc chiến bùng nổ giữa Quốc Cộng, Hy Cộng đưa chiêu

bài giải phóng quân xâm lược Anh trong quốc nội và tuyên truyền ở quốc ngoại là nhơn dân Hy Lạp chống chánh quyền Athenes độc tài, áp bức tham nhũng.

Cuộc chiến càng ngày càng leo thang và qua đầu năm 1946, Hy Cộng đã có thể áp dụng vận động chiếm cấp Đại Đội, tấn công các toán tuần tiểu của quân đội Hy-Lạp và các đồn Hiến binh cấp Đại Đội. Họ chiếm đóng các làng miền thôn quê, bắt thêm quân và lấy lương thực ở các nơi chiếm được. Các xã chiếm đóng được Hy Cộng tăng cường thành xã chiến đấu và dùng đó làm tuyến xuất phát tấn công các làng kế cận để tranh dân và tranh đất, đồng thời di tản hết dân cư cũng như thực phẩm súc vật về cơ sở chiến đấu. Chiến thuật này được diễn ra nhiều nơi ở miền rừng núi phía Bắc và một số thôn xóm miền Nam, đã gây khó khăn cho chánh quyền Hy về việc định cư dân tỵ nạn và nhứt là nạn khan hiếm thực phẩm.

Để tách rời dân chúng ra khỏi sự kiểm soát của chánh quyền, Hy Cộng phá hoại hầu hết các trục giao thông từ thành thị về thôn quê. Việc này đã làm cho chánh quyền Hy phải đóng quân rải rác nhiều nơi để giữ an ninh các trục lộ và các đô thị lớn, rơi vào tình thế bị động.

Chạm súng với quân đội Hy nhiều lần, Hy Cộng rút kinh nghiệm là không thể cắt đứt được các trục lộ quan trọng, họ bèn lui về chiến thuật giữ đất, giữ dân và đưa ra ván bài mới : thành lập chánh phủ Hy Lạp tự do, hô hào kiểm soát được một phần lớn lãnh thổ. Chánh phủ Hy Lạp tự do được thành lập tại vùng Grammos ngày 24.12.1947.

Với sự thành lập chánh phủ lâm thời, Hy Cộng đã tạo ra phần hình thức một chiến lược mới đánh thẳng vào

quân đội Hy Lạp và chánh quyền Hy. Nhưng trong nội dung vẫn là khuynh đảo : phá rối nền kinh tế, khủng bố ám sát, chĩa mũi dùi vào các cơ sở chánh quyền địa phương và các đơn vị quân đội di chuyển lẻ tẻ. Mục tiêu của Hy Cộng là phá hoại toàn diện để tạo tình trạng bất ổn, gây khó khăn cho chánh quyền Hy.

Chiến lược Hy Cộng áp dụng không rõ rệt là tấn công hay phòng ngự. Họ cố kéo dài cuộc chiến, phá hoại hết mọi hạ tầng kiến trúc kinh tế, xã hội, để đi đến giai đoạn tổng tấn công. Chiến thuật áp dụng đúng theo nguyên tắc : địch mạnh, ta lui, địch yếu, ta đánh.

Trong những năm cuối cùng của cuộc chiến. Hy Cộng đổi chiến thuật sau khi bị quân đội đánh bật ra khỏi miền Nam Hy Lạp. Họ rút toàn bộ về phía Bắc, tử thủ ở dãy núi miền Bắc ở hai cứ điểm Grammos và Vitsi, tập trung quân lại thành Lữ Đoàn, Sư Đoàn. Họ đã đẩy lui được Quân đội Hy vào năm 1948 nhưng cuối cùng vào năm 1949 bị quân đội Hy tiêu diệt toàn bộ. Một số ít trốn thoát về phía biên giới Albanie và Bảo Gia Lợi. Kết thúc chiến tranh quốc cộng trong nội địa Hy Lạp.

MỤC II

PHÍA CHÁNH QUYỀN HY-LẠP

Vào lúc Hy Cộng phát động du kích chiến (1946) quân đội Hy vừa được gia tăng quân số, thiếu huấn luyện không thích ứng với hình thái du kích chiến, mất quyền chủ động trên chiến trường. Để bảo vệ các nơi đông dân cư và các trục lộ quan trọng, quân đội Hy được phân tán ra khắp lãnh thổ, không đủ mạnh để tấn công Cộng Sản. Nạn cường hào ác bá hãy còn trong xã hội và nền kinh tế yếu kém đã gây nhiều khó khăn cho chánh quyền Hy. Pháp luật Hy dùng thời bình không được thay thế bằng các đạo

luật mới, dùng thủ tục chậm chạp để xét xử và kết án các phần tử Hy Cộng bị bắt quả tang ám sát công chức hay phá hoại cầu cống. Với chiến lược phân tán mỏng, quân đội Hy bị phá sản mặc dầu quân số đông gấp sáu lần đối thủ.

Cuối năm 1947, quân đội Hy bỏ các căn cứ nhỏ, tập trung về các căn cứ lớn và chỉ giữ trục giao thông quan trọng. Với sự giúp đỡ của các cơ quan ngoại viện Huê Kỳ (JUSMAPG) và Anh Quốc, Quân đội Hy thành lập các đơn vị Địa Phương Quân cấp Tiểu Đoàn để giữ an ninh địa phương, tạo điều kiện cho quân chánh quy có thể rãnh tay để tập trung vào nỗ lực diệt các căn cứ địa của Hy Cộng.

Tháng 3.1948, Chánh quyền Hy ban hành lịnh tổng động viên và quân sự hóa các công nhân kỹ nghệ. Vào tháng 8.1948, chánh quyền Hy ban hành lịnh thiết quân luật trên toàn quốc. Với sự gia tăng viện trợ tiếp vận của cơ quan JUSMAPG Huê Kỳ, Bộ Tổng Tham Mưu Hy ra lịnh Quân đội tổng phản công Hy Cộng, quân đội Hy thâu hoạch được chiến thắng trong đầu năm nhưng đến tháng 6.1948 lại bị Hy Cộng phản công mạnh ở miền Nam, lại phải rút đại quân từ miền Bắc về, tinh thần binh sĩ xuống dốc, chánh quyền yếu kém, mọi người đều thấy nguy cơ sắp đến.

Kịp lúc đó, Thủ Tướng Sophoulis kêu gọi Thống Chế Papagos đang nghỉ hưu trí ra đảm nhiệm chức vụ Tư Lịnh Quân Lực Hy. Sau mấy lần mặc cả và được toàn quyền hành động, Thống chế Papagos đảm nhận công tác vào tháng 10.1948. Trước Đệ Nhị Thế Chiến, Thống Chế Papagos là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Hy. Năm 1940, ông giữ chức vụ Tư Lịnh Quân Lực Hy chống lại cuộc tấn công của quân Ý. Sau đó ông bị quân Đức bắt cầm tù và ông trốn thoát được. Năm 1944 Ông được gọi lại quân ngũ nhưng ông xin về hưu. Ông được nhân dân Hy kính trọng và tôn sùng lên bậc Anh hùng dân tộc.

Lúc này chánh quyền và nhơn dân Hy Lạp mới thấy được tài lãnh đạo quân sự của Thống chế Papagos. Bắt tay vào việc, ông liền áp dụng các biện pháp cải tổ cấp thời :

1.- Tách các đơn vị có nhiều Hy Cộng trà trộn ra khỏi các Lữ đoàn, cho đồn trú các nơi riêng biệt để thanh lọc hàng ngũ.

2.- Thay thế các đơn vị trưởng kém khả năng bằng những sĩ quan trẻ có khả năng và thiện chí.

3.- Thanh lọc và loại trừ cán bộ Cộng Sản trong guồng máy Chánh quyền, sa thải các công chức tham nhũng, kém khả năng, thiếu tài đức.

4.- Tăng cường võ khí nhẹ cho Địa Phương, gia tăng quân số để đủ giữ an ninh thôn xã, các trục giao thông, lưu động hóa quân chánh qui.

Thống chế Papagos và Bộ Tham Mưu của ông nhận định rằng chiến tranh mà họ đương đầu là một thứ chiến tranh mới. Rút kinh nghiệm trong các năm đã qua, họ thấy rằng sở dĩ Cộng Sản thắng được chánh quyền Hy Lạp là vì họ được dân chúng nhẹ dạ ủng hộ qua đường lối tuyên truyền khéo léo và bịp bợm. Nhận định được yếu tố chánh, Thống chế Papagos đưa ra sách lược sau.

> "Muốn tiêu diệt Cộng Sản phải áp dụng chánh sách giáo hóa quần chúng, tranh thủ nhân tâm, diệt các mầm mống sanh ra bất mãn, đặt cơ sở tình báo trong nhơn dân, đồng thời phải cho dân quê thấy rõ và tin rằng quân đội và Địa phương quân sẽ bảo vệ liên tục làng xóm sau mỗi chiến dịch càn quét Cộng sản chớ không rút đi như trước" (1).

Tiếp theo đó, các kế hoạch mới được ông cho mang ra áp dụng :

(1) Nguyễn Kim Dũng, Chiến Tranh Cách Mạng, Tủ sách Binh thư Quân chánh, Saigon 1965, trang 219.

1.- Chánh sách giáo hóa quần chúng và chiến tranh tâm lý được phát triển tột độ, loại trừ ảnh hưởng của tuyên truyền Cộng Sản, để lòng dân hướng về Chánh quyền Quốc gia.

2.- Biện pháp cứng rắn để tiêu diệt Cán bộ Cộng Sản nằm vùng, thẳng tay trừng trị những thành phần ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản, những công chức tham nhũng thối nát, để dân tin tưởng vào chánh quyền. Đồng thời xử dụng Hồi chánh viên vào các đơn vị thám báo và xung kích đặc biệt.

3.- Gấp rút huấn luyện chiến thuật phản du kích chiến cho toàn thể quân lực. Đặc biệt chú trọng đến tổ chức tình báo nhân dân.

Sau khi hoàn tất kế hoạch trên. Thống chế Papagos và Quân đội Hy Lạp bắt đầu tấn công toàn bộ vào lực lượng Cộng Sản. Lấy tuyến xuất phát là miền Nam. Quân đội Hy Lạp mở những cuộc hành quân tảo thanh, chậm chạp tiến lên miền Bắc. Vùng tảo thanh xong được giao lại cho lực lượng Bảo An. Lực lượng này tăng triển quân số ngay tại Địa Phương. Hy Cộng bị đánh dồn ép phải tháo chạy dần về phía Bắc và cuối cùng tử thủ ở dãy núi Vitsi và Grammos và bị tiêu diệt toàn bộ vào cuối năm 1949.

MỤC III

LƯỢNG GIÁ KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG CỦA CHÁNH QUYỀN HY-LẠP

Chiến tranh Cách mạng tại Hy Lạp kết thúc với sự tan rã của đảng Cộng Sản Hy là bài học kinh nghiệm đáng giá cho các Quốc gia đang bị Cộng Sản đe dọa.

Phương pháp lượng giá 7 nguyên tắc được áp dụng để khảo sát thành quả của việc lãnh đạo chống Cộng của Chánh quyền Hy Lạp.

1.- Nhà lãnh đạo Hy Lạp có chủ trương chánh trị sáng suốt. Ông dùng thể chế đại nghị để cai trị dân, nâng đỡ các đảng phái quốc gia. Ông đã củng cố được chủ quyền quốc gia, đoàn kết được quần chúng và ổn định được nền kinh tế Quốc nội.

2.- Ông đã áp dụng luật pháp đứng đắn, các tù binh phiến loạn được xét xử công khai. Ông đã thiết quân luật và dân chúng triệt để tuân theo.

3.- Ông và vị Tổng Tư Lệnh Quân Đội : Thống chế Papagos cùng chánh phủ Hy Lạp thiết lập một kế hoạch toàn diện, nhờ đó mà đã phát triển được kinh tế, ổn định chánh trị, cải tạo xã hội và tối tân hóa Quân lực.

4.- Ông và Thống chế Papagos không đặt ưu tiên cho việc tiêu diệt cơ sở nằm vùng nhưng chủ trương tiến hành song song với việc diệt du kích.

5.- Ông đã bảo vệ các khu đông dân cư ngay từ lúc đầu và về sau vì thiếu quân số chỉ giữ các khu đông dân cư, có tính cách chiến lược và phản công nhanh chóng để dành lại quyền kiểm soát lãnh thổ, tổ chức Bảo An quân để giữ làng và tiêu diệt cơ sở Cộng Sản nằm vùng. Tổ chức Bảo An đã hoạt động hữu hiệu trong suốt thời gian quân đội Hy Lạp phản công Cộng Sản (1948-1949).

6.- Nhà lãnh đạo đã biết tranh thủ Ngoại Viện. Về ngoại giao ông đã nhờ Huê Kỳ và các quốc gia tự do ủng hộ để có chánh nghĩa. Về quân sự ông xử dụng viện trợ

quân sự để trang bị quân đội, bành trướng quân số đủ mọi ngành để phản công Cộng Sản. Về kinh tế ông cũng đã xử dụng viện trợ để tái thiết hệ thống giao thông hạ từng cơ sở kinh tế và phát triển kỹ nghệ nhẹ, ổn định nền kinh tế quốc nội.

7.- Nhà lãnh đạo có lập trường chống Cộng rõ rệt. Ông đã tập trung mọi nỗ lực để chống Cộng và đã lôi cuốn được quần chúng đứng về phía Chánh Phủ. Ông đã biết chọn mặt gởi vàng: Thống chế Papagos. Thống chế Papagos, một sĩ quan có tài lãnh đạo, và có đủ tài đức. Thống chế Papagos đã tối tân hóa quân đội, cải cách xã hội đương thời, diệt mầm móng tạo ra bất mãn trong dân chúng, áp dụng luật lệ nghiêm minh, biết khai thác vận hội đúng tầm mức. Việc làm đầu tiên của Thống Chế Papagos là xin chánh phủ cho được toàn quyền hành động (1).

Ông đã cho thay thế các cấp chỉ huy thiếu tài đức bằng những sĩ quan có khả năng do chính ông và Bộ Tham Mưu lựa chọn. Ông đã tái lập tinh thần kỷ luật trong quân đội, phát huy chánh nghĩa, tổ chức học tập để binh sĩ hiểu được sứ mạng của họ và mục tiêu của quốc gia. Ông đã không tăng thêm quân số Chủ lực quân mà chỉ sắp lại cho hợp với chiến lược mới; chống khuynh đảo. Ông đã thủ vai trò lãnh đạo quân sự trong công cuộc chống Cộng tại Hy Lạp một cách hoàn hảo.

(1) Lt. Colonel T.N. GREEN "THE GUERILLA and HOW TO FIGHT HIM". Trang 97.

TIẾT II

KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI MÃ-LAI

Chánh quyền Mã Lai với sự trợ giúp của Quân Lực Hoàng Gia Anh Quốc đã chiến thắng được cuộc chiến tranh du kích do Cộng Sản Mã Lai phát động từ tháng 6.1948 đến tháng 7.1960, phần khảo sát quá trình lãnh đạo chống Cộng tại Mã Lai gồm có :

* Bối cảnh lịch sử
* Chiến lược áp dụng
* Lượng giá vai trò lãnh đạo chống Cộng.

MỤC I

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Đoạn 1

PHÍA CỘNG SẢN MÃ LAI

Phong trào Cộng Sản khởi sự tại Mã Lai từ năm 1924, khi các đảng viên Cộng Sản Trung Hoa đến Mã Lai để kết nạp đảng viên hải ngoại. Nhóm Cộng Sản tại Mã Lai từ năm 1924 trở đi, đã tổ chức được các cơ sở kinh tài ngay tại Tân Gia Ba và các thành phố lớn để quyên góp tiền bạc cho đảng Cộng Sản Trung Hoa. Đồng thời đảng Cộng Sản Mã Lai kết nạp thêm đảng viên, phần lớn là người Mã gốc Hoa, đặt cơ sở bí mật ở nhiều nơi trong nước.

Trong thời Nhựt chiếm đóng, đảng Cộng Sản Mã Lai núp dưới chiêu bài cứu quốc, đã lập nên nhiều đơn vị chống Nhựt, được đồng minh Anh Mỹ trang bị võ khí và giúp huấn luyện một số cán bộ chỉ huy đơn vị. Sau ngày Nhựt đầu hàng, đảng Cộng Sản Mã có trên 37.000 đảng viên, một số lớn hoạt động tại Tân Gia Ba. Tổng Bí Thư đảng lúc bấy giờ là Loi Tak, sinh trưởng tại Mã Lai nhưng đã sang Trung Quốc và được đảng Cộng Sản Trung Hoa huấn luyện.

Tháng chạp năm 1945, đảng Cộng Sản Mã Lai chính thức giải tán, giao nạp võ khí cho chánh quyền thuộc địa Anh, nhưng trên thực tế, họ đã chôn dấu các võ khí tốt và đưa vào mật khu các cán binh nòng cốt và tài giỏi. Trong những năm 1946 - 1947, vì có cuộc tranh chấp về quyền hành trong nội bộ đảng nên chưa phát động cuộc chiến được. Tháng 3.1947, Loi Tak bị đảng nghi ngờ đi nước đôi, đã bỏ trốn mang theo toàn thể ngân quỹ của đảng. Chin Peng được đảng bầu lên thay thế Loi Tak. Bắt tay vào việc, Chin Peng cải tổ guồng máy chỉ đạo đảng, lập Ban chấp hành Trung ương gồm 12 Ủy viên, Chin Peng giữ chức vụ Tổng Bí Thơ.

Sau ngày cải tổ đảng, Chin Peng sắp xếp lại các đơn vị du kích, trang bị võ khí mới, huấn luyện và nhồi sọ tư tưởng giải phóng vào tất cả du kích quân. Được Đại Biểu Cộng Sản Nga ủng hộ sau cuộc họp tháng 2.1948 tại Calcutta, Chin Peng mở đầu cuộc chiến bằng một loạt các vụ khủng bố, ám sát các viên chức trong chánh quyền. Ngày 16.6.1948, chánh quyền Mã Lai ban hành sắc luật tình trạng khẩn cấp và cuộc chiến giữa hai bên Quốc Cộng nổ bùng.

Đảng Mã Cộng đã tổ chức, huấn luyện và trang bị được hơn 10.000 du kích quân. Đa số là người Mã gốc Hoa,

một số ít gốc Mã Lai và Ấn Độ. Hệ thống chỉ đạo đi theo chiều dọc. Dưới ban chấp hành Trung ương có hai Ban chấp hành Khu : Bắc và Nam. Dưới cấp Khu có các Ban Chấp Hành cho từng Tiểu Bang Ban Chấp Hành Tiểu Bang là cơ sở chỉ đạo căn bản cho mọi hoạt động của đảng Cộng Sản và các đơn vị du kích Mã Cộng. Số cảm tình viên và dự bị đảng viên Cộng Sản Mã Lai đến hơn 500.000 người vào năm 1948.

Đoạn 2

PHÍA CHÁNH QUYỀN ANH MÃ

Chánh quyền căn bản của Mã Lai lúc bấy giờ là cấp Tiểu bang. Tại mỗi Tiểu bang có vị Tiểu Vương Mã Lai, các viên chức cai trị người bổn xứ và các cố vấn hành chánh và quân sự người Anh. Người Mã Lai được tự trị về hành chánh nhưng mọi quyền hành chánh đều tập trung về Trung ương do vị Cao Ủy Anh tại Kuala-Lampur đảm nhiệm.

Thoạt tiên, trách nhiệm chống phiến loạn do cảnh sát Mã Lai đảm nhiệm. Cảnh sát gồm có 10.000 cảnh sát viên gốc Mã Lai, Mã gốc Hoa và Mã gốc Ấn, được chỉ huy bởi các Sĩ quan và Hạ sĩ quan người Anh. Cảnh sát lúc bấy giờ chưa được huấn luyện và trang bị để dẹp phiến loạn. Tuy nhiên, họ đã được trang bị và gấp rút huấn luyện trong thời gian ngắn và bắt đầu tỏ ra hữu hiệu từ cuối năm 1948.

Quân đội Mã lúc bấy giờ gồm có vài Trung Đoàn Gurkha do các Sĩ quan Anh chỉ huy, cũng không được huấn luyện và trang bị chống chiến tranh khuynh đảo. Anh Quốc đã kịp thời gởi quân tác chiến từ Anh và Úc sang để chống ngay các đơn vị du kích Mã Cộng. Trong lúc đó, các Sĩ quan Anh lo huấn luyện và trang bị các đơn vị tân lập Mã và bành trướng quân số ngành Cảnh Sát Mã Lai.

Mã Cộng áp dụng chiến thuật du kích của Mao, gây nhiều thiệt hại cho các binh đoàn Anh và Mã trong lúc đầu. Qua cuộc chiến, ba yếu tố chánh xuất hiện rõ rệt :

1.- Cuộc chiến tranh sẽ kéo dài và con đường đi đến chiến thắng sẽ gặp nhiều trở ngại và không phải dễ.

2.- Không thể chiến thắng được nếu thiếu tin tức tình báo chánh xác.

3.- Yếu tố quan trọng nhứt là không thể chiến thắng bằng quân sự mà là nỗ lực toàn diện của guồng máy chánh quyền qua các lãnh vực Chánh trị, Kinh tế, Xã hội, Giáo dục, và sự tham gia của toàn thể mọi công dân yêu nước.

Trung Tướng Huân Tước Gerald Templer khi được bổ nhiệm vào chức vụ Cao ủy Anh tại Mã Lai Á đã tuyên bố như sau tại Luân Đôn :

"Tôi xin mọi người hiểu cho rằng tại Mã Lai, chúng ta đang dự một cuộc chiến tranh toàn diện với Mã Cộng. Chúng ta không những chống Mã cộng về quân sự mà lại còn phải chống Mã Cộng về chánh trị xã hội và cả kinh tế".

Cố vấn Huân Tước Henrey Gurney, vị cao Ủy Anh tiền nhiệm tại Mã Lai bị Mã cộng phục kích giết chết vào tháng 10.1951 cũng tuyên bố khi còn sanh thời :

"Đây là một cuộc chiến không giới tuyến, kẻ nào được lòng dân kẻ ấy thắng" (1).

---

(1) Lt. Colonel Rowland S.N. Mans, MBE "Winning in the Jungle MALAYA" Edited by Lt . Colonel TN Greane "The Guerilla and How to fight him", trang 120.

MỤC II

CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG

Đoạn 1

PHÍA CHÁNH QUYỀN ANH MÃ

Năm 1950, Trung Tướng Huân tước Harold Briggs được chỉ định giữ chức vụ Tư Lệnh Hành Quân tại Mã Lai. Ông quan sát trận địa, tìm hiểu địch tình và đã hoạch định sách lược 3 điểm.

1.- Gom dân chúng sống lẻ tẻ vào một nơi để tiện việc bảo vệ và kiểm soát kể cả việc di chuyển những nhóm dân bị tình nghi có cảm tình với Cộng Sản.

2.- Song song với công cuộc bình định phát triển, gia tăng quân số cảnh sát viên và địa phương quân.

3.- Thiết lập hệ thống chỉ huy hỗn hợp chung về Hành chánh, Cảnh sát, Quân lực để phối hợp chánh sách chung về các hoạt động tiêu trừ Cộng Sản.

Kế hoạch gom dân đã di chuyển trên nửa triệu người. Mã Cộng cực lực chống đối bằng các cuộc đột kích vào các trung tâm định cư, và tuyên truyền xúi dục dân chúng biểu tình phản đối. Mặc dầu có nhiều nhóm dân phần đông là Mã gốc Hoa phản đối, chánh quyền Mã vẫn quyết liệt thi hành chương trình di dân lập ấp, tổ chức Địa phương quân để giữ ấp, đặt cảnh sát vào trong ấp để thanh lọc dân chúng. Kế hoạch này thành công mỹ mãn, dân chúng và Cộng Sản được tách rời ra. Cộng Sản đã phải về gần với thôn ấp mới để lấy lương thực, làm mồi cho các cuộc phục kích của Quân đội và Cảnh sát Dã Chiến Mã Lai.

Trung Tướng Briggs tổ chức tại mỗi quận một Ủy Ban hành quân hỗn hợp, Chủ tịch là vị Quận Trưởng Mã Lai. Ủy viên gồm có vị cố vấn trưởng người Anh, vị Trưởng Chi Cảnh Sát, vị chỉ huy Địa Phương Quân, viên chức Trưởng Chi Thông Tin và ba vị đại diện dân : một người Âu, một người Mã Lai và một người Mã gốc Hoa. Dưới Ủy Ban Hành quân hỗn hợp có Tiểu Ban Hành Quân. Ủy Ban chỉ họp mỗi tuần một lần, riêng Tiểu Ban Hành quân làm việc thường trực. Tại mỗi Tiểu Bang thành lập Ủy Ban Hành quân với vị Tiểu Vương làm chủ tịch và các viên chức cấp Tiểu Bang giữ các chức vụ như thành phần cấp Quận.

Tại cấp Trung ương, thành lập Hội đồng Chiến tranh Liên bang với vị Cao Ủy Anh làm Chủ tịch, thành gồm có một vị Phó Chủ tịch người Mã, vị Tư lệnh Quân lực Anh, vị Chỉ huy trưởng Cảnh sát, vị Đại diện Hành chánh, vị Giám đốc cơ quan Tình báo hỗn hợp.

Cơ quan Tình báo hỗn hợp đã hoạt động hữu hiệu trong những ngày đầu. Cơ quan này làm việc chung với ngành cảnh sát. Cơ sở được tổ chức từ cấp ấp lên đến xã, quận, Tiểu bang, Liên bang. Cơ quan này thâu thập nhiều tin rất chánh xác, đã góp công đắc lực vào thành quả chống Cộng.

Địa phương quân tổ chức ngay tại thôn ấp, đã hoạt động rất hữu hiệu trong việc giữ gìn an ninh đêm cũng như ngày. Họ tổ chức các cuộc tuần tiểu và phục kích ngoài ấp với nhiệm vụ tiêu diệt các phần tử Cộng Sản lẻ tẻ, cấp báo lên khi có số đông Mã Cộng về gần ấp. Địa phương quân đã thành công trong nhiệm vụ, các đơn vị chánh quy được rãnh tay để hành quân lùng Mã Cộng.

Chiến thuật lùng và diệt địch đã được áp dụng rất hữu hiệu. Các đơn vị chánh quy được chia thành cấp

Đại Đội, hoạt động rập theo mẫu du kích. Các Trung Đội hành quân trong rừng hàng tháng trời, nhận tiếp tế bằng trực thăng, theo dõi, tìm dấu vết địch và cầm chơn địch để đại binh đến tiêu diệt địch.

Kế hoạch bình định được áp dụng với tánh cách bạch hóa từng khu theo chủ trương vết dầu loang, nối liền với khu định cư và làng xã hiện hữu. Tại các khu bạch hóa, đời sống của dân trở lại mức bình thường, tự do đi lại buôn bán, không thiết quân luật, cảnh sát vẫn tiếp tục canh chừng. Tuy nhiên kết quả cho thấy là Mã Cộng không len lỏi về được các vùng bạch hóa vì bị dân tố cáo ngay với cảnh sát. Cho đến tháng 5.1954, khi Trung Tướng Templer mãn nhiệm tại Mã Lai, ông đã bạch hóa được gần một phần ba lãnh thổ Mã, phần lớn là các vùng đông dân cư dọc theo eo biển Malacca, Trung Tướng Templer áp dụng đúng sách lược Briggs và đồng thời ông đã tranh thủ được nhân tâm tại Mã Lai, điều mà ông thường nhắc nhở các cấp thuộc quyền. Sau đó Huân tước Donald Mac Gilliwray giữ chức Cao Ủy Anh và Trung Tướng G.K. Bourne được cử vào chức vụ Tư lệnh Hành quân hỗn hợp. Hai ông này đi theo đường hướng vạch ra bởi Trung Tướng Templer và về sau, phối hợp chặt chẽ với các viên chức cao cấp người Mã, đã thành công trong việc kêu gọi Mã Cộng về qui hàng cũng như tiêu diệt toàn bộ lực lượng Mã Cộng vào năm 1960.

Đoạn 2

PHÍA MÃ CỘNG

Sau khi được Nga Sô hứa ủng hộ trong cuộc nhóm họp tại Calcuta vào tháng 2.1948, Mã Cộng quyết định tổng khởi nghĩa bằng một loạt khủng bố, bắt đầu vào tháng 8 năm 1948. Lúc bấy giờ Mã Cộng với 10.000 du kích quân và

nhiều cơ sở nằm vùng cấp xã, đã nhứt tề hoạt động gây khó khăn cho chánh quyền từ năm 1950. Khi sách lược Briggs được chánh quyền áp dụng, Mã Cộng đã kịp thời cải tổ guồng máy chỉ đạo. Họ cải danh các đơn vị chủ lực thành quân đội giải phóng chống xâm lược Anh, đặt đảng viên hướng dẫn chánh trị ở cấp Tiểu Đội, bành trướng ngành thông tin tuyên truyền ở cấp xã và quận.

Cho đến cuối năm 1950, quân đội giải phóng chống xâm lược Anh được cải danh thành quân đội Giải phóng chủng tộc Mã Lai, lực lượng này có 10 Trung đoàn đóng rải rác ở các miền rừng núi, chịu hệ thống chỉ huy của các Ban Chấp hành đảng ở mỗi Tiểu bang.

Chiến thuật Mã cộng áp dụng trong những năm đầu là phá hoại trục giao thông, cầu cống, chặt phá cây kỹ nghệ tại đồn điền người Anh, tấn công các đồn bót, phục kích các đoàn xe di chuyển lẻ tẻ.

Binh sĩ Mã Cộng được huấn luyện và học tập đúng mức. Kỷ luật thép được áp dụng, y như quân đội Cộng Sản Quốc Tế. Họ học tập 10 điều tâm niệm do cán bộ Cộng Sản hướng dẫn :

1.- Nói năng lễ độ

2.- Kính trọng tín ngưỡng

3.- Trả các vật dụng mượn

4.- Bồi thường các hư hại của dân

5.- Đối xử nhã nhặn với quần chúng.

6.- Giữ sạch sẽ doanh trại và nơi đóng quân

7.- Giữ gìn quân trang quân dụng

8.- Giữ vệ sinh thân thể hàng ngày

9.- Tránh giao du với phụ nữ

10.- Đối xử tốt với tù binh

Từ năm 1948 đến năm 1950, Mã Cộng thành công phần nào trong chiến tranh du kích, nghiêng cán cân về phía họ nhưng cũng không chiếm được thị trấn nào. Từ năm 1950 đến năm 1952, Mã Cộng quân bình lực lượng với quân lực Anh Mã ; nhưng từ năm 1952 trở đi cho đến năm 1960 là những chuỗi ngày thất bại vì sách lược Briggs đã tỏ ra hữu hiệu. Những tháng đầu của năm 1960 Mã Cộng hoàn toàn tê liệt và bộ phận đầu não Mã Cộng, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng đã phải bỏ trốn về phía Bắc vượt biên giới trốn thoát trong vùng rừng núi tại biên thùy Thái Lan, chấm dứt cuộc chiến kéo dài 12 năm. Theo các quan sát viên võ tư, Mã Cộng thất bại vì :

1.- Không thâu phục được nhân tâm, đã khủng bố dã man dân chúng.

2.- Thiếu tin tức, tình báo và thực phẩm.

3.- Không được khối Cộng Sản Quốc Tế hỗ trợ về tiếp vận.

MỤC III
LƯỢNG GIÁ LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG

1.- Chánh quyền tại Mã Lai có chủ trương chánh trị rõ rệt. Dân chúng Mã đều hiểu rằng chánh phủ Hoàng Gia Anh sẽ trao trả độc lập cho Mã Lai sau khi an ninh vãn hồi, chánh quyền Mã lúc bấy giờ cũng đã được hưởng quy chế tự trị rộng rãi, song song với công cuộc tiêu trừ Mã Cộng. Vị Cao Ủy Anh cũng đã giúp Mã Lai ổn định nền kinh tế quốc nội nhất là vùng vừa được bạch hóa.

2.- Chánh quyền Mã và Hội Đồng Chiến Tranh Trung Ương cũng đã ban hành các sắc luật theo thủ tục khẩn cấp. Các tội phạm đều được xét xử nhanh chóng, điều đáng để ý nhứt là luật lệ được áp dụng đồng đều cho mọi người, ở mọi nơi. Một ví dụ : giờ giới nghiêm ban đêm được tôn trọng, mọi phần tử dù là nhân viên chánh quyền nếu di chuyển trong giờ giới nghiêm sẽ bị đưa ra tòa án xét xử. Đây cũng là một yếu tố giúp vào việc chiến thắng Mã Cộng. Mọi công dân Mã đều tự khép mình vào kỷ luật quốc gia trong giai đoạn chiến tranh.

3.- Giới lãnh đạo chống Cộng Mã Lai đã thiết lập kế hoạch chống Cộng toàn diện. Tất cả mọi hoạt động đều được hệ thống hóa và phối hợp chặt chẽ, không có cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược như guồng máy công quyền Việt Nam Cộng Hòa vào những năm 1964 - 1965.

4.- Giới lãnh đạo chống Cộng đã đặt trúng tầm quan trọng chiến lược chống chiến tranh phiến loạn, ưu tiên một ; tiêu diệt cơ sở hạ tầng chánh trị ; ưu tiên hai : tiêu diệt đơn vị Mã Cộng.

5.- Dân chúng ở các khu đông dân cư được bảo vệ an ninh trước tiên, trong suốt thời gian chống chiến tranh du kích. Sau đó giới lãnh đạo đã di các gia đình sống rãi rác ở những vùng nguy hiểm về các thôn xóm gần nhứt hoặc tập trung định cư chung một nơi, dưới sự trông nom và bảo vệ của chánh phủ.

6.- Chánh quyền Mã đã được các nước trong Liên Hiệp Anh tận tình giúp đỡ về quân lực cũng như viện trợ kinh tế. Họ biết xử dụng ngoại viện vào các công tác tái thiết và phát triển nền kinh tế nông nghiệp, giúp dân no ấm ngay trong lúc có chiến tranh.

với các
ıh đạo
ó chủ trương
í Cộng.Giới
chống Cộng
: nhân dân
ẻ thật giới
ược nhơn
s Cộng Sản

TIẾT III

KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TẠI PHI-LUẬT-TÂN

Phi Luật Tân là một trong các quốc gia chậm tiến đã chiến thắng được Cộng Sản sau ngày thâu hồi lại chủ quyền. Việc khảo sát vai trò lãnh đạo chống Cộng tại xứ này sẽ phong phú hóa thêm phần kinh nghiệm lãnh đạo chống Cộng cho Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi sẽ lần lượt khảo sát qua tiết mục :

* Bối cảnh lịch sử
* Sách lược áp dụng
* Lượng giá vai trò lãnh đạo.

MỤC 1

BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Đoạn 1

PHÍA CHÁNH QUYỀN PHI

Người Tây Ban Nha dòm ngó Phi Luật Tân từ năm 1521 và chiếm trọn lãnh thổ đặt quyền đô hộ kể từ năm 1579 cho đến năm 1899 nhượng lại cho Huê Kỳ với giá 20 triệu Mỹ kim sau trận đánh giữa Huê Kỳ và Tây Ban Nha tại vịnh Manilla. Cũng trong năm 1899 dân chúng Phi dưới sự lãnh đạo của Emilio Aguinaldo nổi dậy chống đối quân Huê Kỳ nhưng bị đàn áp mạnh phải rút vào rừng núi và Aguinaldo bị Huê Kỳ bắt vào năm 1901. Sau thực dân Tây Ban Nha, chủ nhân ông Huê Kỳ lại diễn trò thực dân mới

với các chủ điền. Về sau Huê Kỳ liên kết với giới luật gia, Công Kỷ Thương gia tốt nghiệp tại Huê Kỳ. Chánh quyền Huê Kỳ cố thâu xếp cho nhóm người mới này kế vị lãnh đạo Phi theo kiểu Huê Kỳ.

Bộ luật 1916 (The Jones law) cho phép dân Phi bầu Thượng và Hạ Nghị Viện. Huê Kỳ cũng hẹn trao trả độc lập cho Phi vào năm 1946. Theo Hiến Pháp do Quốc Hội Phi soạn ngày 14.5.1935, Phi Luật Tân tự trị dưới quyền bảo hộ của Huê Kỳ, thành hình ngày 15.12.1935 do Manuel Quezon làm Tổng Thống. Ông này được tái đắc cử năm 1941.

Tháng 12.1941 quân Nhựt đổ bộ lên đất Phi, sau khi thất thủ Bataan và Corregidor, Tổng Thống Quezon và chánh phủ Phi lưu vong sang Huê Kỳ. Trong thời gian cầm quyền Quezon vừa là Tổng Thống bù nhìn trong tay Huê Kỳ vừa là lãnh tụ đảng duy nhứt mang danh là Đảng Quốc Gia, quy tụ những thành phần giàu có như chủ điền, bọn sét ty cho vay nặng lời v.v...

Trong thời gian Nhựt chiếm đóng Phi, Chánh phủ José Laurel thay thế Tổng Thống Quezon điều khiển nền hành chánh, bị bắt buộc phải hợp tác với Nhựt. Trong lúc nầy Cộng quân Huks bắt đầu hoạt động chống Nhựt và chánh quyền Phi. Chánh phủ José Laurel hợp tác với Nhựt tổ chức hành quân lùng và diệt Cộng quân Huks. Sau ngày Nhựt đầu hàng. Đồng minh trở lại Phi Luật Tân. Ông Manuel Rosas được bầu làm vị Tổng Thống đầu tiên của nước Cộng Hòa Phi Luật Tân. Tháng 3.1948 ông đặt đảng Cộng Sản Phi (PKM) ra ngoài vòng pháp luật (1). Tổng Thống Manuel Rosas bị bạo bệnh chết bất ngờ vào cuối năm 1948.

(1) Alvin H. Scaff. The Phillipine answer to communism, trang 29.

Tổng Thống Elpidio Quirino lên thay cố Tổng Thống Roxas, thay đổi sách lược chống Cộng. Ông chủ trương hòa giải dân tộc bằng cách thương thuyết với Phi Cộng (1). Cuộc thương thuyết bất thành, Hy Cộng rút vào mật khu, cuộc chiến lại bắt đầu. Qua đến năm 1950, Cộng quân HUK có vẽ thắng thế. Vị cứu tinh dân tộc Phi xuất hiện : Ông Ramon Magsaysay.

Đoạn 2

PHÍA CỘNG QUÂN HUK

Đảng Cộng Sản Phi được thành lập từ tháng 11.1930 do Pedis Abad Santos lãnh đạo không gặp khó khăn nào vì lúc bấy giờ Phi là thuộc địa của Huê Kỳ, mọi đảng phái chánh trị đều được tự do hoạt động. Vào năm 1935 Mỹ cho Phi được tự trị rộng rãi, tận tình giúp đỡ chánh phủ Phi.Đảng Cộng Sản không dùng được chiêu bài giải phóng để lôi cuốn dân, nên tung ra khẩu hiệu "Cải cách ruộng đất" xúi dục nông dân nổi dậy, kết nạp đảng viên và được một số lớn nông dân thuộc các tỉnh Pampaga, Isabella, Ilogan, Tarlac ở trung bộ Luzon và một số ít tỉnh miền Nam ủng hộ. Nhơn đó Cộng Sản Phi thành lập lực lượng võ trang chống chánh quyền tự trị Phi với danh hiệu Bộ Đội Nhơn Dân Giải Phóng (Hukbong Mag papalogang Bayan) gọi tắt là quân Huks.

Tháng 12.1941, quân đội Nhựt đổ bộ lên đất Phi, đánh tan lực lượng bảo hộ Huê Kỳ sau hai trận chiến đẫm máu ở Bataan và Corrigedor. Chánh phủ Quezon lưu vong sang Mỹ. Đảng Cộng Sản nhơn cơ hội này thành lập Mặt Trận Thống Nhứt, kết hợp các đảng phái quốc gia, các nghiệp đoàn

(1) José Lava "Milestone in the History of the Communist Party in the Phillipines" trang 8 - 9.

lao động và hiệp hội nông dân. Bộ đội Nhơn Dân Giải Phóng được cải danh hiệu "Bộ đội Nhơn Dân Kháng Nhựt" dưới sự chỉ huy và lãnh đạo của Louis Taruc lãnh tụ đảng Cộng Sản Phi.

Núp dưới chiêu bài kháng Nhựt, không để lộ hình tích Cộng Sản, Louis Taruc và Bộ Đội Nhơn Dân Phi được Huê Kỳ võ trang các loại võ khí nhẹ tối tân, rất kiến hiệu cho chiến tranh du kích. Song song với công cuộc kháng Nhựt, đảng Cộng Sản chủ trương tiêu diệt bí mật các lực lượng Quốc gia kháng chiến không theo đảng Cộng Sản, chiêu mộ và kết nạp đảng viên, lôi cuốn nhơn dân vào tổ chức kháng Nhựt, chia cắt ruộng đất cho dân nghèo, tuyên truyền đường lối cải tiến xã hội, ảnh hưởng lan tràn khắp nơi. Kịp đến lúc đệ nhị thế chiến sắp tàn, quân Nhựt bị thua trận khắp nơi ở Á Châu, lúc bấy giờ Louis Taruc mới để lộ bộ mặt Cộng Sản, công khai tuyên bố đảng Cộng Sản lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nhựt và về sau sẽ kháng chiến chống Huê Kỳ.

Khi quân đội Nhựt Bổn đầu hàng Đồng Minh vào tháng 8.1945, Louis Taruc đã có trong tay 80.000 quân chánh qui Huk và 50.000 quân du kích, kiểm soát được trên 30 làng và thành phố tại trung bộ Luzon. Năm 1946 Louis Taruc cho loạn quân Huk bí mật bao vây Manila, chuẩn bị tấn công cướp chánh quyền nhưng bị chánh quyền và quân đội Phi, với sự trợ giúp của Huê Kỳ phản ứng kịp thời, bắt giam một số cán bộ Cộng Sản nằm vùng, giải tán Bộ Đội Nhơn Dân Kháng Nhựt. Bị phản công bất ngờ, Louis Taruc và loạn quân Huk rút vào các vùng rừng núi, để lại một số cán bộ trí thức nằm vùng tại Manila và các đô thị lớn, lập "Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Thống Nhứt" để đấu tranh hợp pháp cho Đảng Cộng Sản. Trong lúc đó loạn quân Huk phát động chiến tranh du kích, triệt hạ các trục giao thông, tấn công phá hoại các cơ sở kỹ nghệ, khủng bố, ám ắt các chức quyền địa phương. Quân đội Phi mở các cuộc

tảo thanh càn quét và rãi quân ra giữ các trục giao thông huyết mạch nhưng vẫn không ngăn chận hữu hiệu hoạt động của loạn quân Huk. Đến năm 1950, lực lượng Huk Cộng Sản phát triển mạnh, tiến về phía Nam đảo Luzon. Thời kỳ này Cộng Sản Phi len lỏi được vào hàng ngũ chánh quyền Phi, lung lạc được một số nhơn viên trọng yếu ngã theo phe Cộng Sản.

MỤC II

CHIẾN LƯỢC ÁP DỤNG

Đoạn 1

PHÍA CỘNG SẢN PHI

Vào tháng 7.1950, tình thế rất thuận lợi cho đảng Cộng Sản, Louis Taruc và đồng bọn quyết định tổng khởi nghĩa, dẫn đầu bởi các cuộc đình công, biểu tình của công nhơn tại các đô thị, chiếm các cơ sở kỹ nghệ quan trọng. Đồng thời loạn quân Huk được chỉ thị mở cuộc Tổng công kích với lực lượng quân sự Huk hùng hậu gồm có 116.480 người trang bị võ khí tốt và nhẹ. Chánh quyền Phi gặp tình thế khó khăn, gần kề vực thẳm. May thay, ông Ramon Magsaysay được đề cử vào chức vụ Tổng Trưởng Quốc Phòng và với binh quyền trong tay, ông đã lật ngược thế cờ với một sách lược chống Cộng hữu hiệu qua tài lãnh đạo lỗi lạc của ông.

Đoạn 2

PHÍA CHÁNH QUYỀN PHI

Ông Magsaysay trước khi được chỉ định vào chức vụ Tổng Trưởng Quốc Phòng, đã nghiên cứu rất kỹ lưỡng cuộc chiến tranh Cách Mạng đang bùng nổ. Ông đã tìm ra nguyên do :

"Cộng Sản khai thác sự bất mãn trong dân chúng do bè lũ phong kiến, thực dân gây ra và muốn tận diệt loạn quân Huk, phải làm sao tranh thủ được dân, lôi kéo dân đứng về phía chánh phủ".

Tháng 9.1950, ông đệ trình Tổng Thống Quirino một sách lược chống Cộng bao gồm các kế hoạch sau đây :

- Cải tổ Quốc Phòng, thanh lọc hàng ngũ quân đội và chánh quyền.

- Đặt trọng tâm vào các công tác tuyên truyền, cải tạo xã hội.

- Giác ngộ cán bộ Cộng Sản với chương trình chiêu hồi.

Được sự chấp thuận của Tổng Thống Quirino và chánh phủ. Ông Magsaysay cấp tốc cải tổ các cơ cấu Quốc Phòng, tăng gia quân số quân chánh qui, thành lập các lực lượng địa phương để giữ an ninh thôn xã, tiêu diệt các cán bộ lẻ tẻ và du kích địa phương, lưu động hóa quân chánh qui để tấn công các căn cứ địa của Cộng quân Huk.

Song song với biện pháp quân sự để tiêu diệt Cộng quân Huk, ông Magsaysay đã tranh thủ được nhơn tâm bằng các công tác xã hội, cải tổ guồng máy chánh quyền nông thôn. Ông thường nói :

"Bao giờ dân chúng còn bất mãn và đói khổ Cộng Sản còn khai thác về quyền cớ được họ để chống chánh quyền".

Sau bao năm tận lực tảo thanh phiến loạn với sự ủng hộ của nhân dân, chánh quyền và quân đội Phi đã dẹp tan Cộng quân HUK vào năm 1954 khi lãnh tụ Phi Cộng Luis Taruc và toàn bộ tham mưu ra quy thuận chánh quyền.

MỤC III

LƯỢNG GIÁ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO

Chánh quyền và nhân dân Phi đã thắng được Cộng Sản Phi trong cuộc tranh chấp hơn 10 năm trời là nhờ ở tài lãnh đạo lỗi lạc của ông Ramon Magsaysay lúc còn là Bộ Trưởng Quốc Phòng. Ở phần lượng giá này, chúng tôi xin đem Ông Ramon Magsaysay ra để lượng giá.

1.- Chánh quyền Phi và ông Ramon Magsaysay có chủ trương chánh trị sáng suốt. Nhà lãnh đạo đã biết ổn định nền chánh trị nội bộ, chiêu hồi Phi Cộng, giúp đỡ họ định cư tập thể và lo công ăn việc làm cho tất cả mọi người đã trốt theo Hy Cộng về hồi chánh. Đồng thời nhà lãnh đạo đã thành công trong việc đoàn kết được nhơn dân và ổn định nền kinh tế.

2.- Nhà lãnh đạo đã áp dụng và tôn trọng luật pháp. Kẻ cầm súng chống chánh quyền bị xét xử theo luật lệ, với thủ tục khẩn cấp. Có thể nói nhà lãnh đạo đã thực hiện được chánh phủ mạnh trong suốt thời gian tiểu trừ Phi Cộng.

3.- Kế hoạch toàn diện đã được hoạch định. Cải tiến xã hội, diệt bất công, tham nhũng, phân chia ruộng đất cho nông dân. Tân tiến hóa quân lực cho thích hợp chiến thuật phản du kích.

4.- Nhà lãnh đạo đã tiểu trừ Cộng quân và diệt cơ sở song song với nhau. Tuy nhiên chánh quyền Phi chiến thắng được Phi Cộng nhờ ở sự hợp tác của dân trong tổ chức tình báo nhơn dân.

5.- Nhà lãnh đạo đã biết bảo vệ an ninh thôn xóm đông dân cư trong những ngày đầu của chiến cuộc. Sau đó, dân các vùng vừa được kiểm soát được bảo vệ an ninh ngay. Chương trình xây làng hồi chánh viên và bảo vệ họ cũng được xúc tiến song song với công cuộc bình định.

6.- Nhờ vào ngoại viện của Hoa Kỳ, nhà lãnh đạo Phi đã ổn định kinh tế, trang bị quân đội với võ khí mới, lưu động hóa được toàn thể quân chánh quy. Nhà lãnn đạo cũng đã xử dụng ngoại viện vao các công tác phát triển giao thông, văn hóa giáo dục, phát triển nền kinh tế phôi thai.

7.- Như đã trình bày, chánh quyền Phi thắng được Phi Cộng là do ở tài lãnh đạo của ông Ramon Magsaysay. Ông là một nhà lãnh đạo lỗi lạc, am tường được quần chúng. Lúc còn là Tổng Trưởng Quốc Phòng, ông đã nhiều lần bất đồng chánh kiến với Tổng Thống Quirino vì ông này không nghe theo kế hoạch toàn diện của ông. Trong lá thơ gởi Tổng Thống Quirino xin từ chức Tổng Trưởng Quốc Phòng, ông đã xác nhận như sau :

> "Xin Tổng Thống nhớ cho rằng không phải chỉ giết Phi Cộng Huk là đủ, trong khi chánh quyền địa phương lại tạo ra thêm mầm mống bất mãn, mà là cần phải an dân, được lòng dân, chúng ta chỉ chiến thắng được Cộng Sản khi dân đứng về phía chúng ta" (1).

Ông quả thật là nhà lãnh đạo tài đức vẹn toàn, ông là tấm gương sáng cho các nhà lãnh đạo thuộc các quốc gia chậm tiến đang khổ sở vì Cộng Sản.

---

(1) Leonard J Kenworthy Erma Ferrari. "Leaders of New Nations", trang 352.

TỔNG HỢP:-

Rút tỉa kinh nghiệm lãnh đạo chống Cộng ở các quốc gia Hy-Lạp, Mã-Lai và Phi-Luật-Tân, chúng ta đồng nhận thức rằng vai trò lãnh đạo đã thực sự rất quan trọng trong công cuộc chống Cộng, đã đưa cả ba quốc gia này đến mục tiêu mong muốn : chiến thắng Cộng Sản xâm lược.

Mặc dầu tại Hy-Lạp, Hy Cộng có phạm vài lỗi lầm về chiến thuật, chánh quyền Hy-Lạp vẫn không quân bình được với Hy Cộng trên phương diện quân sự. Cho đến cuối năm 1948, quân đội Hy mới dành lại được thế chủ động nhờ vào sự xuất hiện của một bực thiên tài lãnh đạo : Thống Chế Papagos. Được chánh phủ Hy trao cho toàn quyền hành động, Thống chế Papagos đã cấp thời cải tổ guồng máy quân sự, đẩy mạnh chương trình dân vận, giúp chánh quyền loại trừ nạn cường hào ác bá tại các địa phương. Thống chế Papagos đã thực sự gây được niềm tin đã mất trong lòng người dân Hy khiến họ cùng đứng lên về phía chánh quyền và quân đội trong công cuộc chống Cộng.

Tại Mã Lai, chánh quyền Mã Anh đã cùng phối hợp nỗ lực chung vào công cuộc chống Cộng. Điểm đáng lưu ý ở đây là pháp luật đã được thi hành đúng đắn và hữu hiệu ở mọi nơi. Nhơn dân Mã cũng được bảo vệ đúng mức tránh được mọi khủng bố của Mã Cộng. Hơn thế nữa nhà cầm quyền Anh đã long trọng tuyên bố trao trả nền độc lập hoàn toàn cho chánh quyền và nhơn dân Mã và họ đã thực sự lo trao trả độc lập cho dân Mã song song với công cuộc tiêu trừ Mã Cộng. Được toàn dân ủng hộ, chánh quyền đã chiến thắng được Mã Cộng vào năm 1960.

Tại Phi Luật Tân, vai trò lãnh đạo của ông Ramon Magsaysay nổi bật trong công cuộc chống Cộng. Ông đã đánh đúng vào tử điểm của Phi Cộng khi dẹp tan được mối bất mãn trong lòng dân. Ông đã làm cách mạng xã hội thực sự

và cũng đã cải tổ guồng máy công quyền, lôi cuốn được quần chúng Phi vào phía chánh quyền để chống Cộng. Ông Magsaysay cũng đã biểu lộ tinh thần hòa giải dân tộc qua việc thâu nhận các Phi Cộng về hồi chánh và có cả một sách lược về việc cải huấn, hướng nghệ, tập trung người hồi chánh về các khu dinh điền, giúp họ tự lực sanh sống và hữu sản hóa họ bằng một mái nhà nhỏ và hai mẫu ruộng khẩn hoang do chánh phủ cung cấp phương tiện dọn quang cho họ. Với tài lãnh đạo ấy, Ông đã hướng dẫn toàn dân, toàn quân Phi đi đến chiến thắng cuối cùng. Ngày nay, dư âm của tên tuổi ông vẫn còn trong lòng mọi người dân Phi Luật Tân.

Vai trò lãnh đạo quả thật rất quan trọng tại các quốc gia có chiến tranh Quốc Cộng. Kinh nghiệm chiến thắng Cộng Sản của ba quốc gia trên đây đáng cho các nhà lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam suy gẫm.

CHƯƠNG IV

THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG TRONG TƯƠNG LAI TẠI VIỆT NAM

Trong tương lai, vai trò của nhà lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam sẽ rất khó khăn vì phía Cộng Sản sẽ đấu tranh mạnh cả hai phương diện : quân sự và chánh trị. Với một xã hội phân hóa và một nền chánh trị chưa ổn định, nhà lãnh đạo chống Cộng sẽ khó thành công nếu ngay bây giờ không kịp thời ổn định các lãnh vực chánh trị, kinh tế, xã hội trong lúc quân đội Đồng Minh còn hiện diện tại Miền Nam và chánh quyền Mỹ đang ủng hộ chúng ta.

Trong chương này, chúng tôi sẽ lần lượt đề cập đến các đoạn sau đây :

TIẾT I.- ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

TIẾT II.- TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

TIẾT III.- VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG.

TIẾT I

ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

Nhà lãnh đạo phải là người có tài năng và đạo đức xuất chúng. Được như thế nhà lãnh đạo mới có thể tạo nổi uy tín để hướng dẫn và thuyết phục quần chúng trong công cuộc chống Cộng và cứu quốc. Trong tình thế đặc biệt của nhà lãnh đạo không thể không có những đức tánh và khả năng lãnh đạo sau đây :

MỤC I

ĐỨC TÁNH VÀ LẬP TRƯỜNG CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

Nhà lãnh đạo phải :

1.- Cường tráng về thể xác lẫn tinh thần.

2.- Thông minh sáng suốt và biết tiên liệu.

3.- Liêm khiết và trung thực.

4.- Dám hy sinh và quả cảm.

5.- Dám làm cách mạng.

6.- Thắng không kiêu, bại không nản.

7.- Có sức khích động quần chúng rất mãnh liệt (Charisma).

8.- Quyết tâm phục vụ Tổ quốc và dân tộc (Tổ quốc trên hết).

9.- Biết chiêu hiền, đải sĩ. Ghét xu nịnh, bợ đở. (Lánh xa phường tiểu nhân, xôi thịt).

10.- Biết quyền biến.

MỤC II

KHẢ NĂNG LÃNH ĐẠO

Nhà lãnh đạo phải có khả năng tổng quát, chuyên môn và quản trị.

1.- Khả năng tổng quát rất cần thiết cho nhà lãnh đạo vì phải có nhãn quang bao quát để điều động và phản ứng nhanh chóng, kịp thời ứng phó với tình thế và cũng để ấn định sách lược quốc gia.

2.- Khả năng chuyên môn cũng rất cần thiết. Nhà lãnh đạo phải có kiến thức thích nghi về chánh trị, quân sự, kinh tế, tâm lý và xã hội, để dễ dàng trong việc lấy quyết định về sự lựa chọn chánh sách hữu hiệu cho hoàn cảnh, đồng thời cũng để theo dõi sự thi hành các chánh sách đến nơi đến chốn.

3.- Khả năng quản đốc. Khoa học quản trị (management) càng ngày càng phát triển nhanh chóng. Nhà lãnh đạo cần phải am tường về quản trị để thông suốt các kỹ thuật thông dụng như thiết kế, tổ chức, phối hợp, kiểm soát, truyền đạt, rất cần thiết cho trọng trách lãnh đạo quốc gia.

TIẾT II

TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG CỦA NHÀ LÃNH ĐẠO

Tại Việt Nam Cộng Hòa nhiều nhà lãnh đạo đã hô hào cách mạng để rồi ngôn hành bất nhứt khiến cho quần chúng chán ngấy khi nghe nói đến cách mạng. Do đó chúng tôi xin đứng về phía quần chúng, để thử đề nghị một tiến trình cách mạng ôn hòa mà nhà lãnh đạo có thể xem như là một đường lối chiến thuật cấp thời cho giai đoạn này và trong tương lai gần. Cuộc cách mạng ôn hòa này sẽ đi theo con đường tu, tề, trị, bình ; qua các giai đoạn :

1.- Cách mạng bản thân,

2.- Cách mạng gia đình

3.- Cách mạng xã hội.

Cuộc cách mạng phải được nhà lãnh đạo đề xướng và xung phong trước để mọi công dân đều thực thi, dầu nhanh hay chậm.

MỤC I

CÁCH MẠNG BẢN THÂN

Dưới nhãn quang của người dân, họ có ấn tượng rằng nhà lãnh đạo sống trong cảnh vàng son, tiền rừng bạc biển, của nổi của chìm ở quốc nội, quốc ngoại. Qua các ấn tượng trên, nhà lãnh đạo khó thuyết phục quần chúng vì họ không tin vào nhà lãnh đạo, quá khứ đã chứng minh điều này. Để tạo niềm tin, nhà lãnh đạo cần phải tự

làm một cuộc cách mạng bản thân, đồng thời lôi cuốn quần chúng cùng thực thi cách mạng bản thân. Cách mạng bản thân lấy thân làm gốc, phát huy các đức tánh và gột bỏ các tánh xấu, tự làm tấm gương sáng cho nhơn dân noi theo.

MỤC II

CÁCH MẠNG GIA ĐÌNH

Để đi đến cuộc cách mạng xã hội, nhà lãnh đạo phải làm cuộc cách mạng cho gia đình mình. Trong gia đạo có êm ấm, nhà lãnh đạo mới rãnh trí lo việc nước. Ông phải phát huy cuộc sống giản dị ; từ ăn đến mặc, đến ở đi chuyển v.v... Phải cấm đoán mọi người trong thân tộc lợi dụng chức vụ của nhà lãnh đạo để kinh tài. Bài học của gia đình cố Tổng Thong họ Ngô là bài học đáng ghi nhớ.

Tại Á Châu đã có một số nhà lãnh đạo thực hiện được cuộc cách mạng gia đình nêu trên đó là : Gandhi, Nehru, Ben Gourion, Pak Chung He, Nasser, Magsaysay v.v... Những nhà lãnh đạo này đã lôi cuốn được quần chúng của họ nhờ các đức tánh tốt và nhứt là không mang tai tiếng về những sự lạm dụng địa vị của họ bởi thân nhơn.

MỤC III

CÁCH MẠNG XÃ HỘI

Từ năm 1954 đến nay, nhiều cuộc cải cách đã được nhà lãnh đạo Miền Nam thực hiện nhưng thật ra chưa đáp ứng được nguyện vọng của nhơn dân. Để đối phó với cuộc cách mạng toàn diện của phe Cộng Sản, các nhà lãnh đạo Miền Nam cần phải làm một cuộc cách mạng thực sự ngõ hầu loại trừ những bất công xã hội để có thể đoàn kết được

mọi từng lớp nhơn dân, thống nhứt ý chí và nỗ lực vào công cuộc chống Cộng. Với hiện trạng xã hội Việt Nam hiện tại, bất cứ nhà lãnh đạo nào, dầu tài giỏi đến đâu nhưng nếu không dám làm cách mạng xã hội, thì sẽ khó mà thắng được Cộng Sản Bắc Việt, nhứt là khi mà chánh phủ và nhơn dân Huê Kỳ càng ngày càng giảm lần sự yểm trợ về tinh thần và vật chất. Cuộc cách mạng xã hội nếu thực hiện đúng mức, sẽ là nền móng để đưa nhà lãnh đạo và nhơn dân miền Nam Việt Nam tiến đến cuộc cách mạng toàn diện trên ba lãnh vực : 1. Văn hóa ; 2. Xã hội ; 3. Kỹ thuật.

Vì khuôn khổ giới hạn của tập luận văn này, chúng tôi xin chỉ đề cập đến cuộc cách mạng xã hội mà thôi.

Cuộc cách mạng xã hội sẽ được thực theo hai giai đoạn :

Giai đoạn 1.-

Giải quyết nhu cầu an sinh cho quần chúng, thực thi việc hòa hợp các nhu cầu tối thiểu giữa quần chúng và giới lãnh đạo.

Giai đoạn 2.-

Quân bình tạm thời và vĩnh viễn tài sản để lấp bớt hố cách biệt giữa giới giàu và nghèo, đồng thời phát triển kinh tế Miền Nam, ưu tiên hướng về kỹ nghệ Nông Ngư nghiệp.

Đoạn 1
CÁCH MẠNG XÃ HỘI. GIAI ĐOẠN 1

1.- Giải quyết các nhu cầu an ninh và sinh sống.-

Trước tiên khai thác tình hình an ninh hiện tại, nhà lãnh đạo cần phát triển và củng cố an ninh chánh trị và an ninh pháp lý cho quảng đại quần chúng bằng cách

cố gắng thực thi dân chủ và thượng tôn luật pháp trên khắp lãnh thổ quốc gia. Do đó cần phải loại trừ nạn cường hào ác bá ; dầu có mang nhãn hiệu quốc gia, cộng sản, đảng phái hay giáo phái... thì nhà lãnh đạo cũng phải quyết tâm loại trừ.

Kế đến, nhà lãnh đạo mới tìm cách giải quyết các nhu cầu an ninh kinh tế khác như : ăn, ở, mặc, di chuyển, ưu tiên nhằm vào các thành phần đã hoặc đang tham gia vào công cuộc chiến đấu để bảo vệ quốc gia mà từ nhiều năm qua đã bị dồn vào tình trạng nghèo khổ vì nạn lạm phát phi mã.

a) An.-

Mọi nỗ lực của nhà lãnh đạo phải nhằm vào việc gia tăng sản cuất nông phẩm và thực phẩm với giá thành rất thấp để các thành phần nghèo khổ có thể sống tạm đủ trong cuộc chiến này.

b) Mặc.-

Nhà lãnh đạo chú trọng đến việc gia tăng sản xuất các loại hàng vải đại chúng, nâng đỡ kỹ nghệ dệt quốc nội nhằm vào việc hạ giá thành sản xuất để giá bán ra vừa vào túi tiền và nhu cầu của dân nghèo.

c) Ở.-

Nhà lãnh đạo phải khai thác triệt để tài nguyên sẵn có trong nước vào việc xây cất nhà cửa, bán với điều kiện dễ dàng cho quân nhơn, công chức, giới quả phụ của tử sĩ và giới lao động nghèo khó. Cần khuyến khích phát triển ngành sản xuất vật liệu kiến trúc thiết yếu như : gỗ xẻ, ván ép, gạch, ngói, xi măng, cát sống, tôn hay fibro-ciment ống nước tôn tráng kẽm, dụng cụ điện v.v... Một ví dụ : giá gỗ hiện nay tại Đô Thành Saigon là 28.000$

một thước khối trong lúc ngay tại rừng, nhà khai thác lâm sản chỉ trả cho chánh phủ các sắc thuế lâm sản không quá 2.000$. Thật ra, với lòng nhiệt thành, nhà lãnh đạo sẽ khắc phục các khó khăn, hạ giá thành mọi vật liệu kiến trúc, nâng đỡ các nhà sản xuất, hạ bớt thuế sản xuất, sẽ đi đến mục tiêu là mỗi gia đình có một mái nhà dầu rằng nóc tôn, vách gỗ, nền tráng xi măng.

d) Di chuyển.-

Di chuyển cũng là mối lo âu của giới nghèo. Nhà lãnh đạo phải hoạch định kế hoạch di chuyển đại chúng, khuyến khích và nâng đỡ giới tư nhơn khuyếch trương ngành chuyên chở công cộng trong đô, tỉnh, thị xã. Nhà lãnh đạo có thể hạ bớt mọi sắc thuế, kể cả thuế nhập nội các loại xe buýt cho ngành chuyên chở công cộng để hạ giá thành chuyên chở xuống đến mức tối đa, vừa túi tiền của giới nghèo khổ.

Nếu các nhu cầu an sinh kể trên lần lần được giải quyết, nhà lãnh đạo sẽ nêu lên những thành tích đáng kể, tăng thêm uy tín trong quốc nội cũng như quốc ngoại, niềm tin phát triển trong lòng quần chúng.

2.- Hòa hợp nhu cầu tối thiểu giữa giới lãnh đạo và nhơn dân.-

Song song với việc giải quyết nhu cầu an sinh cho nhơn dân mà trọng tâm là giới nghèo khổ, nhà lãnh đạo phải cố gắng hòa hợp về các nhu cầu tối thiểu giữa giới lãnh đạo và nhơn dân qua bốn nhu cầu : ăn, mặc, ở, di chuyển.

a) Hòa hợp về nhu cầu ăn.-

Nhà lãnh đạo cần ăn uống thật giản dị, ông phải lôi cuốn cho được cộng sự viên và gia đình họ cùng có quan niệm như ông và gia đình ông. Ông thể hiện tinh thần

tiết kiệm và ăn uống giản dị qua các buổi tiếp tân, khoản đải. Là một quốc gia có chiến tranh với nền kinh tế kiệt quệ, nhu cầu ăn uống cần giản dị để tránh tiêu thụ quá nhiều ngoại tệ mà đáng lý ra phải được đầu tư để phát triển kinh tế. Cần hạn chế nhập cảng thực phẩm và thức uống. Cố gắng phát huy tập quán ăn uống giản dị với thực phẩm và thức uống nội địa. Nhà lãnh đạo cần nêu gương. "Ăn để mà sống và sống để phục vụ quốc gia", do đó cần để cho nhơn dân hiểu rõ ràng ông cũng ăn thức ăn bình dân như họ. Ví dụ như trong quân đội Huê Kỳ hàng tướng lãnh và binh sĩ cùng dùng một thực đơn, ngoài chiến trường họ cũng dùng một thứ lương khô như nhau, không có thực phẩm khô làm riêng cho ai cả. Sự ăn uống giản dị của nhà lãnh đạo Việt Nam và nhơn dân trong thời chiến sẽ ảnh hưởng đến khía cạnh tâm lý, đưa đến sự đoàn kết về tinh thần. Nhà lãnh đạo cũng cần hạn chế việc ăn uống xa hoa ở các đô, thị, tỉnh bằng cách đánh thuế nặng vào các hiệu ăn sang trọng ; nâng đỡ tư nhơn mở càng nhiều càng tốt quán cơm xã hội, để nâng đỡ giới nghèo.

b) Hòa hợp về nhu cầu mặc.-

Nhà lãnh đạo và thiểu số cầm quyền cần mặc thật giản dị. Bộ âu phục nóng bức và mắc tiền không hợp với khí hậu nhiệt đới của Việt Nam. Hơn nữa Việt Nam cũng chưa sản xuất được loại hàng dùng để may âu phục, phải nhập cảng từ ngoài vào. Nhà lãnh đạo cần ăn mặc như thế nào để không mất quốc thể nhưng giản dị, ít tốn kém và đặc biệt nên nêu gương dùng hàng nội hóa. Nhà lãnh đạo cũng thuyết phục gia đình mình ăn mặc giản dị, cùng một tinh thần như mình. Nhà lãnh đạo cần phải thuyết phục toàn thể cộng sự viên của mình cùng ăn mặc giản dị. Nếu có thể, nên mặc đồng phục để không còn thấy phân biệt giai cấp ở khía cạnh tâm lý. Đồng phục sẽ tạo nên sức mạnh tinh thần, đoàn kết nhứt trí. Nhà lãnh đạo và các cộng sự viên trong guồng máy chánh quyền cần chứng tỏ cho nhơn dân thấy sự tiết kiệm và đồng thời dẹp tan sự so sánh về ăn mặc trong lòng nhơn dân. Quân đội sở dĩ đoàn kết và

mạnh là vì từ vị tướng chỉ huy đến anh binh sĩ, mọi người đều mặc đồng phục, sản xuất bằng một thứ vải, không hơn, không kém. Tổng Thống Jomo Kenyatta của xứ Kenya vẫn mặc quốc phục khi sang thăm Anh Quốc. Không ai dám chê bai ông mà trái lại, nhơn dân Anh Quốc dành rất nhiều cảm tình cho ông. Tại Kenya, Tổng Thống ăn mặc không hơn gì giới nông dân, vẫn cái áo safari rộng tay bằng hàng nội hóa, giản dị, để hòa mình vào dân. Công sự viên của ông cũng ăn mặc giản dị như ông. Tại Việt Nam Cộng Hòa, hòa hợp được vấn đề ăn, mặc, kể như đã đi được một bước dài trên con đường cách mạng xã hội vậy.

c) Hòa hợp nhu cầu ở.-

Nhà lãnh đạo khó mà thực hiện việc hòa hợp này tuy nhiên với lòng can đảm và ý chí cương quyết, ông có thể thực hiện được. Như chúng tôi đã trình bày, hòa hợp nhu cầu ở là một trong những việc phải làm để đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội. Thật vậy, trong những năm qua, trong lúc giới nghèo khổ còn ở chui rúc trong các căn nhà lụp xụp, tồi tàn, chánh quyền đã tốn rất nhiều tiền vào việc sửa chữa và xây cất tư dinh hay tư thất. Để đi đến việc hòa hợp nhu cầu ở, nhà lãnh đạo phải thuyết phục cộng sự viên các cấp trong chánh quyền tinh thần hòa hợp này. Cố Tổng Thống Nasser, Tổng Thống Pak Chung Hi, Tổng Thống Kenyatta vẫn ở nhà riêng. Các vị này xem dinh Tổng Thống là chỗ làm việc, chỗ tiếp tân. Một số lớn Tổng Bộ Trưởng vẫn ở nhà riêng, đến Bộ làm việc nước. Nhà lãnh đạo miền Nam Việt Nam cần quan niệm rằng ông từ trong dân mà ra. Ông được dân bầu lên để phục vụ dân, ông đảm nhận vai trò lãnh đạo là vì nghĩa vụ đối với quốc gia, đối với nhơn dân chớ không phải nhận chức vụ lãnh đạo để phô trương, để hưởng thụ. Nhà lãnh đạo cần có quan niệm trên và thuyết phục cộng sự viên cũng có một tinh thần trên. Ở Việt Nam mỗi lần thay đổi Tổng Bộ Trưởng, Tổng Giám Đốc, Tỉnh, Thị Trưởng là nhơn dân có dịp nhận thấy sự tranh dành công ốc, sửa sang công ốc để rồi vào một

ngày xấu trời lại cùng bầu đoàn thê tử rời công ốc đó vì hết nhiệm vụ. Vậy nên quan niệm một cách giản dị về chỗ ở. Nhà lãnh đạo nên nghĩ đến công ốc là trụ sở làm việc, tiếp tân, còn gia đình ở tại nhà riêng của mình để nhơn dân thấy rõ tinh thần hòa hợp. Tinh thần hòa hợp về chỗ ở sẽ đưa đến kết quả tâm lý là tạo được tinh thần đoàn kết giữa nhơn dân và chánh quyền.

d) Hòa hợp nhu cầu di chuyển.-

Hòa hợp nhu cầu di chuyển cũng ảnh hưởng mạnh đến tâm lý nhơn dân để cùng nhà lãnh đạo đi đến mục tiêu chung : cách mạng xã hội. Từ năm 1954 cho đến nay, giới nghèo khổ vẫn thấy những người tự xưng là công bộc của dân di chuyển bằng những xe du lịch lộng lẫy, quá rộng cho một người, và rất đắt tiền. Trong lúc đó, giới nghèo khổ phải chen chúc nhau hàng chục người trên một chiếc xe lam ba bánh hay chiếc xe lô cũ kỹ. Sự cách biệt quá xa về nhu cầu di chuyển tạo bất mãn trong lòng giới nghèo khổ. Muốn hoàn tất giai đoạn 1 của cuộc cách mạng xã hội nhà lãnh đạo phải tạo một tinh thần hòa hợp về di chuyển giữa giới lãnh đạo và nhơn dân.

Để thực hiện việc hòa hợp về nhu cầu di chuyển, trước hết nhà lãnh đạo phải hòa hợp với cộng sự viên của mình. Thay vì xử dụng loại xe cộ đắt tiền, và để cộng sự viên tự ý dùng công quỹ mua sắm công xa theo sở thích, tạo nên cuộc ganh đua, nhà lãnh đạo cần đặt ra tiêu chuẩn thực hiện công xa, nên chọn kiểu vừa phải, ít hao tốn về sửa chữa và tiêu thụ nhiên liệu ít. Cần thực hiện hàng loạt một kiểu, hiệu xe để dễ sửa chữa. Thực hiện thêm xe chuyên chở kiểu lớn để dùng chung khi có nhiều viên chức di chuyển, để tạo tinh thần hòa hợp trong guồng máy chánh quyền trước. Tại Đại Hàn, trước đây các Tổng Bộ Trưởng và các công chức cao cấp đều di chuyển bằng xe Jeep, đồng loạt. Họ quan niệm được rằng công xa là phương tiện di chuyển cho công vụ, không cần phải đắt tiền.

Tại các đô tỉnh thị, cần phải ưu tiên thực hiện nhu cầu hòa hợp về di chuyển. Vì chiến tranh, 60 phần trăm dân cư trú tại thành thị và chỉ có 40 phần trăm dân ở thôn quê. Việc hòa hợp nhu cầu di chuyển được thực hiện qua việc nhà lãnh đạo khuyến khích và nâng đỡ giới tư nhơn để thực hiện hệ thống chuyên chở công cộng bằng xe buýt, có tiện nghi và an toàn trên các đường phố chánh. Các đường phố phụ có thể dùng xe lam ba bánh nhưng hạn chế số hành khách phải chở mỗi chuyến để được an toàn.

Khi người dân được thoải mái trong vấn đề di chuyển, sự cách biệt giữa nhà lãnh đạo và người dân không còn nữa, tạo điều kiện để dân nhích lại gần nhà lãnh đạo, để được hướng dẫn vào công cuộc chống Cộng, cứu quốc.

Đoạn 2

CÁCH MẠNG XÃ HỘI. GIAI ĐOẠN 2

Sau khi giải quyết được các vấn đề an ninh quân sự, chính trị, pháp lý, và tạo được tinh thần hòa hợp trong bốn lãnh vực, ăn, mặc, ở và di chuyển, nhà lãnh đạo đã thực sự tạo được niềm tin trong dân chúng, đồng thời cũng thay đổi được tâm lý của những cộng sự viên trong guồng máy chính quyền. Công cuộc cách mạng xã hội qua giai đoạn 1 đã thức tỉnh hầu hết các công bộc của nhơn dân. Nhà lãnh đạo với uy tín tạo được, bắt tay vào giai đoạn 2. Giai đoạn này gồm có :

1.- Quân bình tài sản tạm thời và vĩnh viễn.

2.- Phát triển kinh tế, ưu tiên cho nền kỹ nghệ nông ngư nghiệp.

1.- <u>Quân bình tài sản</u>.-

Dầu rằng thực trạng xã hội Việt Nam không quá chênh lệch về số người giàu có và nghèo khổ, nhà lãnh đạo

vẫn phải cố gắng san bằng tạm thời và vĩnh viễn hố cách biệt. Biện pháp tạm thời áp dụng ở đô, tỉnh, thị và biện pháp vĩnh viễn áp dụng cho nông thôn.

* Biện pháp tạm thời.-

Biện pháp này gồm có việc giữ bớt khối tiền tệ trong tay số dân giàu có để đầu tư vào công cuộc phát triển kinh tế. Một cách đại cương mọi người chỉ nên giữ một số tiền tương đương với sáu tháng lợi tức thâu hoạch phần còn lại nên mua cổ phần xí nghiệp tư hay công khố phiếu có lời trong hạn kỳ tối tiểu là hai năm. Chỉ có giới công kỹ nghệ, thương gia mới giữ nhiều hơn nhưng chịu sự giám sát của chánh quyền. Thuế trực thâu được áp dụng cho mọi công dân một cách hợp lý, lũy tiến và công bằng. Khi khối tiền tệ lưu hành ít đi các cảnh xa hoa sẽ lần lượt biến dạng. Điều cần thiết là phải giữ vững giá đồng bạc để cho ai nấy an tâm tiết kiệm và đầu tư.

* Biện pháp vĩnh viễn.-

Biện pháp này áp dụng cho vùng thôn quê qua luật Người Cày có Ruộng. Luật này tuy gặp khó khăn trong những năm đầu nhưng với ý chí cương quyết nhà lãnh đạo sẽ thực hiện được. Kết quả của luật này sẽ nâng cao mực sống của toàn thể nhơn dân miền nông thôn, lấp được hố cách biệt giữa thị dân và miền thôn quê.

2.- Phát triển kinh tế.-

Với số tư bổn góp lại của toàn dân, nhà lãnh đạo và các cộng sự viên cao cấp, dùng tài ngoại giao để kêu gọi giới tư bổn quốc tế đầu tư vào việc phát triển kinh tế quốc gia. Trong giai đoạn cách mạng xã hội, nhà lãnh đạo đặt ưu tiên vào việc phát triển kinh tế nông ngư nghiệp để giải quyết nhu cầu an sinh và xây dựng nền móng cho nền kỹ nghệ cơ khí để phát triển trường kỳ sau này.

TIẾT III

VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CHỐNG CỘNG

Từ mùa thu 1968 đến nay, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cũng như Cộng Sản miền Bắc đều nhận thấy rằng họ không thể thôn tính miền Nam bằng võ lực. Họ đã thất bại rõ ràng trên chiến trường bởi ý chí kiên quyết của nhơn dân miền Nam và hỏa lực hùng hậu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh. Tuy nhiên Miền Nam và Đồng Minh hay còn nhiều sơ hở. Đó là tình trạng xã hội phân hóa của miền Nam và phong trào phản chiến tại Huê Kỳ. Biết như vậy, dường như Cộng Sản miền Bắc đang duy trì áp lực quân sự để yểm trợ cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trong giai đoạn đấu tranh quyết liệt tương lai. Bên nào tranh thủ được dân và có sức chịu đựng lâu dài, bên ấy thắng cuộc. Trước hiểm họa Cộng Sản gia tăng, trong khi sự yểm trợ của Đồng Minh giảm lần và với một nền kinh tế yếu kém, một xã hội phân hóa, vai trò của vị lãnh đạo quả thật vô cùng khó khăn.

Trong quá khứ nhiều vận hội đã đến nhưng tiếc thay các nhà lãnh đạo đã để cho vận hội qua đi. Ngày nay, vận hội lại đến với Miền Nam qua chủ trương Việt hóa chiến tranh của Tổng Thống Nixon. Thật ra, đây là một vận hội mà đồng thời cũng là hiểm họa cho miền Nam. Nếu nhà lãnh đạo khai thác đúng mức vận hội, Miền Nam sẽ vươn mãi để quân bình với miền Bắc về khía cạnh quân sự kinh tế và chánh trị với hậu thuẫn của toàn dân. Nhà lãnh đạo nên xem chương trình Việt hóa là một vận hội tốt và từ đây sẽ khó mà tìm được vận hội khác. Thời gian rất cấp bách. Với sự hiện diện của quân lực Đồng Minh và

sự yểm trợ khả dụng của chánh phủ và nhơn dân Huê Kỳ, nhà lãnh đạo chống Cộng miền Nam có thể theo đuổi cuộc cách mạng xã hội, tạo căn bản cho sự hòa hợp giữa nhơn dân và chánh quyền. Nhơn dân, một khi đã có niềm tin và thông cảm được mối bận tâm của chánh quyền, sẽ ý thức được trách nhiệm của họ đối với quốc gia.

Nhà lãnh đạo cần quan tâm đến việc ổn định chánh trị và cải tổ hành chánh. Đó là hai điểm quan trọng mà muốn thắng được Cộng Sản nhà lãnh đạo phải cương quyết thực hiện cho bằng được.

MỤC I
ỔN ĐỊNH CHÁNH TRỊ

Trên bình diện chánh trị, chúng tôi quan niệm ba lực lượng : nhơn dân, lập pháp và hành pháp. Thật ra, lập pháp đại diện cho nhơn dân nhưng trên thực tế, lập pháp không phản ảnh được hết nguyện vọng của nhơn dân. Trong mục nầy chúng tôi sẽ đề cập đến một đường lối chiến lược tối hảo mà nhà lãnh đạo có thể gia giảm tùy theo hoàn cảnh.

Trên mọi quốc gia tiền tiến, tiếng nói của các tổ chức nhơn dân thường phản ảnh trung thực nguyện vọng của họ. Thành phần đáng lưu ý là khối đảng phái đối lập thực sự với chánh quyền.

Trong hoàn cảnh hiện tại của miền Nam, chúng ta chưa thấy có một khối đối lập thực sự. Nhà lãnh đạo cần tạo điều kiện để khối đối lập thành hình. Giải pháp hay nhứt là đi đến chánh sách lưỡng đảng. Một đảng thân chánh quyền, một đảng đối lập.

Đoạn 1

THÀNH LẬP ĐẢNG CẦM QUYỀN

Với một hiện trạng đa đảng và nhiều mặt trận, đoàn thể tại miền Nam, nhà lãnh đạo thấy khó mà đi đến lưỡng đảng. Tuy nhiên với lòng nhiệt thành, uy tín tạo được qua cuộc cách mạng xã hội, nhà lãnh đạo có thể vượt qua mọi khó khan để đi đến việc thành lập lưỡng đảng.

Trong quá khứ, nhà lãnh đạo Đệ Nhứt Cộng Hòa đã thành lập chế độ độc đảng nhưng rồi phải thất bại vì đảng không phản ảnh được nguyện vọng của dân, đảng chỉ biết có chánh quyền. Nhà lãnh đạo đã trả giá quá đắt : cái chết của chính ông và một miền Nam phân hóa.

Vậy để tiến đến lưỡng đảng, nhà lãnh đạo nên tự đứng ra thành lập đảng. Với tư cách và uy tín sẵn có nhà lãnh đạo sẽ làm được. Việc lập đảng sẽ phải bỏ tất cả mọi thủ tục thông thường, hoàn toàn theo một thủ tục cách mạng. Diễn trình thành lập đảng sẽ như sau :

1.- Quảng bá việc thành lập đảng.

2.- Tập họp các nhơn sĩ, nhơn tài.

3.- Trắc nghiệm khả năng.

4.- Bầu ban chấp hành.

1.- <u>Quảng bá việc lập đảng</u>.-

Nhà lãnh đạo, sau khi soạn xong nội quy đảng, chủ trương, cương lãnh và kế hoạch lập đảng, dùng phương tiện báo chí, vô tuyến truyền thanh, truyền hình, quảng bá ý định thành lập đảng thân chánh quyền, phổ biến chủ trương và cương lãnh của đảng, kêu gọi mọi từng lớp công dân tham gia vào đảng. Nhà lãnh đạo dùng trụ sở dân sự cho tiện việc liên lạc, đồng thời dùng các vị phụ tá có

nhiệt tâm và kiên nhẫn, đứng ra trông nom việc thâu nạp đảng viên. Nhà lãnh đạo kêu gọi đến lòng yêu nước của các bậc thức giả trong nước không phân biệt giai cấp tại vùng Saigon, Chợ lớn, Gia Định để khởi đầu. Mỗi vị ghi tên gia nhập đảng phải điền vào bản tuyên thệ ly khai với đảng cũ của mình. Ngoại trừ quân nhơn, toàn thể công dân đều có thể gia nhập đảng.

2.- Tập hợp các nhơn sĩ, nhơn tài.-

Sau khi ban đại diện thâu thập được từ 100 đến 300 nhơn sĩ có thành tích hoạt động chánh trị và 1.000 đến 2.000 công dân, có thể tập hợp họ đến một địa điểm nào đó trong Đô Thành để công khai tiếp xúc qua một bài diễn văn chào mừng, trình bày chủ trương, cương lĩnh và thảo luận với cử tọa về đường lối thành lập đảng.

3.- Trắc nghiệm khả năng.-

Trong giai đoạn này, ban Đại diện vẫn tiếp tục thâu nhận đảng viên mới. Điều cần thiết là danh sách lý lịch đảng viên phải được Tổng Nha Cảnh Sát điều chuẩn an ninh. Nhà lãnh đạo và các vị phụ tá gạn lọc trong danh sách đảng viên, chọn lối 500 cử tọa và gởi thơ mời họp trong hai ngày. Trong hai ngày này, nhà Lãnh đạo đích thân thảo luận và đặt đề tài cứu quốc, kiến quốc hay chống Cộng cho mỗi đảng viên tự mình thảo ra sách lược hay đường lối hành động. Sau cuộc họp, nhà lãnh đạo và các vị phụ tá chọn những bài viết có giá trị, gạn lọc những bài kém, lập danh sách những đảng viên có khả năng và đạo đức.

4.- Bầu Ban Chấp hành.-

Với danh sách những vị có khả năng và đạo đức cách mạng, nhà lãnh đạo triệu tập một buổi hội để bầu Ban Chấp hành. Lẽ đương nhiên nhà lãnh đạo là vị Chủ Tịch Đảng. Khi bầu xong Ban Chấp hành đảng,

trụ sở đảng sẽ là tòa nhà liên lạc dân sự khi trước. Đảng sẽ được trợ cấp ngân khoản lúc đầu để hoạt động, phát hành nhựt báo và tuần báo để chỉ đạo và tiến đến việc thành lập chi bộ đảng ở mỗi tỉnh.

Đoạn 2

THÀNH LẬP ĐẢNG ĐỐI LẬP

Khi đảng chánh quyền được thành lập xong nhà lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để đảng đối lập thành hình. Mọi việc đều tùy thuộc ở lòng thành thật và tài ngoại giao của nhà lãnh đạo. Trên thực tế, khi mà đảng nắm giữ chánh quyền thành hình, đã thâu hút một số lớn đảng viên của nhiều đảng phái vào một đảng nắm giữ chánh quyền, các đảng còn lại không thể tự mình đứng ra đối lập lẻ tẻ trong thế yếu. Họ bắt buộc phải ngồi lại với nhau và với sự khuyến khích của nhà lãnh đạo tự đi đến việc thành lập đảng hoặc Mặt trận đối lập. Nhà lãnh đạo cần phải cung cấp trụ sở hoạt động, ngân khoản điều hành để đảng đối lập phát hành nhựt báo, tuần báo. Đảng đối lập hoạt động với tính cách xây dựng và hợp tác chung. Đảng đối lập cần phải đưa đề nghị, có óc sáng tạo và thực tâm hợp tác với đảng nắm giữ chánh quyền. Những câu chỉ trích ác ý, vu cáo, phá hoại đều bị cấm ngặt (1).

Đến lúc mà chế độ lưỡng đảng thành hình, hoạt động điều hòa, nhà lãnh đạo có thể bắt tay vào chương trình cải tổ guồng máy hành chánh.

---

(1) Vấn đề đối lập trong chánh thể dân chủ của Giáo sư Nguyễn Văn Bông "Nghiên cứu hành chánh" tập 7, tháng 9.1963.

MỤC II

CẢI TỔ HÀNH CHÁNH

Nhà lãnh đạo cần biết tới hiện trạng của nền hành chánh Việt Nam Cộng Hòa để cải tổ cho hữu hiệu, cho hợp với đà tiến của dân tộc và nhất là nhu cầu cuộc chiến, qua các yếu tố nhơn sự, khả năng, lề lối làm việc, cơ cấu tổ chức.

1.- Nhơn sự.-

Trước hết nhà lãnh đạo nên cho thay thế lần lần các công chức đang lưu nhiệm bằng các cán bộ trẻ, được đào tạo kỷ lưỡng và có khả năng thích ứng cũng như đạo đức cách mạng. Nhà lãnh đạo phải khích động cho toàn thể công chức hiểu rõ bổn phận và trách nhiệm đối với quốc gia. Áp dụng luật lệ về thưởng và phạt đúng mức. Sa thải những công chức kém khả năng, thiếu tác phong tham nhũng nếu đủ hồ sơ.

2.- Khả năng.-

Nhà lãnh đạo cần đặt nặng về khả năng, mỗi khi chấp thuận bổ nhậm một công chức cao cấp. Nhà lãnh đạo cũng cần thuyết phục cộng sự viên cùng một tinh thần này. Trong quá khứ, có nhiều người được bổ dụng vì màu sắc chính trị. Họ là bà con thân thích của các công chức cao cấp hay các cộng sự viên gần nhà lãnh đạo. Họ thường là những người hay sách nhiễu, đàn áp nhơn dân. Những kẻ trên đây phải được thay thế ngay.

3.- Lề lối làm việc.-

Nhà lãnh đạo cũng cần thúc đẩy công chức các cấp thay đổi lề lối làm việc. Mọi người đều phải lo "làm cho hết việc chớ không làm hết giờ". Họ phải sốt sắng giúp đỡ dân chúng, không làm khó dễ, đúng với tinh thần

"Công bộc của dân". Họ không thể viện cớ vì mưu sinh mà không thi hành đúng đắn bổn phận, vì lẽ nhà lãnh đạo đã lo xong phần an sinh cho họ rồi. Tóm lại, mọi công chức cần phải được khích động tâm lý để phục vụ đúng mức, tạo được nền hành chánh hữu hiệu.

4.- Cơ cấu tổ chức.-

Cơ cấu điều hành guồng máy hành chánh có khuynh hướng tăng gia quá mức khối lượng công việc. Nhiều sở được thành lập không phải để thỏa mãn nhu cầu của nhơn dân mà cũng để củng cố địa vị của người có công trạng đối với thượng cấp. Ta nhận thấy nhiều cơ quan hay nhân viên phụ trách cùng một số công việc.

Để sửa chữa nhà lãnh đạo cần xây dựng một cơ cấu hành chánh giản dị, hữu hiệu. Cần bỏ bớt những thủ tục hành chánh đòi hỏi nhơn dân quá nhiều giấy tờ rườm rà, bắt nhơn dân phải chờ đợi lâu lắc, gây tình trạng bất mãn.

TỔNG HỢP.-

Vai trò của nhà lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam Cộng Hòa quả thật vô cùng khó khăn và phức tạp, do sự thúc bách của tình thế. Áp lực đòi hỏi phải giải quyết chiến tranh càng ngày càng gia tăng và càng cấp bách.

Tuy nhiên, phương cách giải quyết chiến tranh là điều tối quan trọng. Lập trường của nhà lãnh đạo tối cao của Việt Nam Cộng Hòa cũng như của Quốc Hội Lưỡng Viện và nguyện vọng tha thiết nhứt của đại đa số quốc dân vẫn là : phải đẩy lui hiểm họa xâm lăng của Cộng Sản, phải kết thúc chiến tranh trong thắng lợi.

Dầu cho nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa có thiện chí và quyết tâm đến mấy đi nữa cũng chưa đủ để chiến thắng

Cộng Sản, nhứt là trước viễn ảnh các nước Đồng Minh càng ngày càng tìm cách đẩy mạnh nhịp độ giải kết ra khỏi cuộc chiến, dồn Việt Nam Cộng Hòa vào thế tự lực cánh sinh quá cấp bách.

Trong tình thế ấy, chúng tôi thiết nghĩ chỉ khi nào Miền Nam có được một vị lãnh đạo chơn chánh theo đường lối Vương Đạo, với những điều kiện, thái độ, khả năng tối cần thiết mà chúng tôi đã trình bày một cách thô thiển trong Chương IV trên đây, thì các nhu cầu cách mạng xã hội, cải tổ guồng máy công quyền, bài trừ tham nhũng, đoàn kết hàng ngũ chống Cộng, ổn định chánh trị, phát triển quốc gia v.v... mới có thể thực hiện được. Một nhà lãnh tụ tài ba như thế sẽ đóng vai trò xúc tác (Catalyseur) tối cần thiết để thống nhứt ý chí của toàn dân, toàn quân, đồng thời động viên toàn lực để đạt mục tiêu : chiến thắng Cộng Sản.

Gần đây, lời tuyên bố của một nhơn vật cao cấp trong chánh quyền đã gây sôi nổi trong dư luận quốc nội và quốc ngoại không ít :

> "Có người ví Việt Nam chúng ta như con thuyền mục nát bên trong, chỉ có nước sơn lòe loẹt bên ngoài. Người lèo lái thuyền thì bất trung, bất tín, bất nghĩa, chỉ một cơn giông bão cũng bị đắm chìm tan rã" (1).

Trong cương vị thấp thỏi của chúng tôi, chúng tôi không dám lạm bàn đến vấn đề tranh chấp lãnh đạo giữa các nhơn vật cao cấp. Điều chúng tôi muốn đề cập đến xuyên qua lời tuyên bố kể trên là thực trạng lãnh đạo của Miền Nam. Thực trạng này xấu hay tốt ; khả quan hay bi đát ; có

(1) Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ, trong diễn văn khai mạc Khóa Hội Thảo Phát Triển Xã Hội tại Trường Công Tác Xã Hội, ngày 19.4.1971. Chính Luận ngày 20.4.1971.

lợi hay nguy hại cho công cuộc chiến đấu chống Cộng v.v... thiết tưởng khỏi phải nói ra, ai nấy cũng thừa biết!

Sau hết chúng tôi cũng xin nhấn mạnh rằng có sự khác biệt về trình độ và phạm vi cùng tánh chất giữa Lãnh đạo quân sự và Lãnh đạo Quốc gia. Khỏi phải nói ai cũng thừa hiểu rằng thuật điều binh khiển tướng ngoài mặt trận khác với thuật trị quốc, bình thiên hạ! Nhiều tác giả và nhân vật lãnh đạo danh tiếng trên thế giới đã đề cập đến vấn đề này (1).

Tuy nhiên một khi nhà lãnh đạo quốc gia biết ý thức sự khác biệt giữa hai thứ lãnh đạo cũng chưa đủ, mà phải có khả năng để lãnh đạo quốc gia và kết thúc chiến tranh trong thắng lợi hoặc ít ra cũng trong thế bất phân thắng bại.

Clausewitz đã nói : "Chiến tranh thuộc lãnh vực bất trắc" (2). Trong cuộc chiến tranh Cao Ly, cuộc hành quân đổ bộ Inchon, mặc dầu đầy bất trắc nhưng đã thành công đảo lộn tình thế, nhờ sự quyết tâm (có tính cách trực giác) của Đại Tướng Mac Arthur và cũng nhờ may mắn của thủy triều thuận lợi một cách bất thường.

Tại Việt Nam, Cộng Sản đã thảm bại trong "canh bạc" Tết Mậu Thân, và sau cuộc đảo chánh lật đổ chế độ thân Cộng của Sihanuk cùng với cuộc hành quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Huê Kỳ nhằm tiêu diệt các căn cứ địa của Cộng Sản trên lãnh thổ Kampuchea.

---

(1) - André Maurois "Un Art de Vivre", Librairies Plon, 1939.
- Général de Gaulle "The Complote War memoirs". New York, Simon and Schuster - 1967.
- Sir Winston Churchill "The Second World War". New York, Golden Press. 1966.

(2) Clausewitz, "On War", book I, chapter 3. Washington SC. Combat Forces Press, 1953.

Gần đây cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại Hạ Lào cũng phát sinh khá nhiều bất trắc mà tình thế, thời tiết cùng phương tiện đã không cho phép phe bạn cũng như phe địch khắc phục nổi.

Rốt lại chỉ có "Tận nhơn lực, tri thiên mạng", với điều kiện là Miền Nam có được một vị lãnh đạo chơn chánh, không còn tái diễn những lỗi lầm trong quá khứ, trái lại "xúc tác" được sự đồng tâm nhứt trí của toàn quân, toàn dân, và chứng tỏ một cách rực rỡ tài lãnh đạo chiến tranh, trị quốc, bình thiên hạ, đem thắng lợi cuối cùng cho Miền Nam.

KẾT LUẬN

Vai trò lãnh đạo chống Cộng tại Việt Nam, đặc biệt là trong tương lai càng ngày càng trở nên cực kỳ khó khăn. Cứu cánh của vai trò lãnh đạo chống Cộng là làm thế nào để chấm dứt chiến tranh, tiêu diệt toàn bộ guồng máy Cộng Sản trong nội địa Miền Nam, để dân chúng được sống yên vui, no ấm và tiến bộ trong một quốc gia tự do và phú cường. Điều này nói lên hai đối tượng của vai trò lãnh đạo : quần chúng miền Nam, và đối phương Cộng Sản.

Quan niệm chánh thống về lãnh đạo không thể thâu hẹp vào việc nhà lãnh đạo tự mình phát họa sách lược, tự nỗ lực để cải tạo xã hội, chấm dứt chiến tranh trong lúc guồng máy chánh quyền hoàn toàn thụ động và quần chúng làm kẻ bàng quan, chờ hưởng thụ. Mối tương quan giữa giới lãnh đạo và quần chúng bắt buộc phải có tánh cách đồng tâm hợp tác. Quân, cán, chánh, là cộng sự viên của giới lãnh đạo ; quần chúng là thành phần vừa được phụng sự, vừa là nguồn tiếp lực mạnh mẽ nhứt của giới lãnh đạo.

Quá trình lãnh đạo thấp kém cộng với sự chia rẽ, tỵ hiềm giữa các nhà lãnh đạo Đệ Nhị Cộng Hòa đã khiến cho quần chúng càng ngày càng trở nên dè dặt và lãnh đạm đối với giới lãnh đạo và chế độ. Sự cách biệt quá xa về mức sống của giới lãnh đạo cùng một thiểu số đầu cơ chiến tranh và đại đa số quần chúng nghèo khó đã làm cho hố ngăn cách giữa quần chúng và chánh quyền càng ngày càng lớn rộng ra. Để đi đến mục tiêu là chiến thắng Cộng Sản, việc làm của giới lãnh đạo là phải gây lại niềm tin trong

quần chúng. Quan niệm lãnh đạo đề nghị cùng các biện pháp cách mạng ôn hòa không ngoài mục đích xây dựng một hậu phương vững chắc và gây một niềm tin mạnh mẽ trong lòng quần chúng vào ý chí quyết thắng trong cuộc chiến tranh này về quân sự cũng như chánh trị. Công cuộc hòa hợp nhu cầu an sinh giữa giới lãnh đạo và quần chúng sẽ chứng tỏ thiện chí phục vụ dân tộc hơn là cai trị dân tộc, sẽ lấp dần hố cách biệt giữa giới lãnh đạo gồm có khối quần chúng nghèo khổ, để tranh thủ sự ủng hộ chơn thành của toàn dân trong công cuộc chống Cộng.

Việc ổn định chánh trị cũng rất quan trọng. Nhiều quan sát viên ngoại quốc cho rằng Việt Nam Cộng Hòa không thể thắng được Cộng Sản trong giai đoạn đấu tranh quyết liệt sắp tới nếu tình trạng phân hóa giữa các đảng phái quốc gia vẫn kéo dài. Bài học đa đảng của Đệ Tứ Cộng Hòa Pháp cũng như bài học ổn định chánh trị của Tổng Thống Phát Chánh Hy tại Đại Hàn Dân Quốc, đáng cho giới lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa lưu tâm. Có lẽ giới lãnh đạo cũng thừa hiểu rằng chế độ lưỡng đảng rất thích hợp cho nhu cầu chánh trị miền Nam trong công cuộc chiến đấu một mất một còn với Cộng Sản. Chỉ khi nào giới lãnh đạo có được một đảng cầm quyền đầy "sanh lực" làm hậu thuẫn, thể hiện được tinh thần đoàn kết nội bộ để phục vụ quốc gia và dân tộc thì mới lôi cuốn được nhơn dân trong sứ mạng cứu quốc. Chỉ có một đảng "đối lập xây dựng" mới đủ tư cách để khuyến cáo và sửa sai chánh quyền theo tinh thần tự do dân chủ. Trong tình thế ổn định như vậy, chánh quyền và nhơn dân mới có thể dốc toàn lực để đối đầu với Cộng Sản trong cuộc đấu tranh quyết định thắng bại này.

Với nhịp độ giải kết mỗi ngày một gia tăng của quần viện thế giới tự do qua bài diễn văn ngày 7.4.1971 của Tổng Thống Richard Nixon và lời tuyên bố của Ngoại Trưởng Thái Lan tại Hội nghị cấp Bộ Trưởng của Minh Ước Liên Phòng Đông Nam Á nhóm tại Luân Đôn ngày 26.4.1971,

theo đó Thái Lan sẽ rút toàn bộ Sư Đoàn Hắc Báo ra khỏi Việt Nam trước cuối năm 1971 ; cùng những lời tuyên bố gần đây của chánh phủ Đại Hàn cho biết ý định sẽ rút bớt một Sư đoàn v.v..., mặt trận quân sự chắc chắn sẽ tạo ra nhiều khoảng trống mà đối phương có thể khai thác. Gánh nặng quân sự của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ gia tăng kinh khủng trong những tháng sắp tới vì Cộng Sản Bắc Việt, mặc dầu bị tổn thất nặng trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại Hạ Lào, vẫn tiếp tục xử dụng hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh để đưa thêm một khối lượng khổng lồ viện binh và chiến cụ vào chiến trường Miền Nam, chuẩn bị cho chiến dịch Thu Đông sắp tới.

Ngoài ra, cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam với ngót 300.000 người tham dự tại Hoa Thạnh Đốn ngày 25.4.1971 vừa qua đã chứng tỏ Phong trào phản chiến sẽ còn gây nhiều khó khăn cho Tổng Thống Huê Kỳ và chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa trong những ngày sắp tới.

Thêm vào đó, chánh trường Miền Nam sẽ sôi động từ nay cho đến khi bầu cử Tổng Thống và Hạ Nghị Viện vào ngày 3.10.1971. Người ta dự đoán rằng Cộng Sản Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sẽ gia tăng áp lực quân sự, chánh trị, ngoại giao để khai thác tình thế trong những ngày sắp tới.

Đứng trước nhu cầu cấp bách của tình thế, giới lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa cần phải hy sinh quyền lợi riêng tư, cố gắng đoàn kết nội bộ và động viên toàn thể nhơn, vật, tài lực, để dốc sức vào cuộc chiến ngõ hầu kết thúc chiến tranh trong thắng lợi.

Tuy nhiên, chỉ có một yếu tố duy nhứt khả dĩ có thể bảo đảm chiến thắng cho miền Nam : đó là <u>yếu tố lãnh đạo</u>. Thật vậy, kể từ năm 1954 đến nay, sau bao kinh nghiệm

lãnh đạo "khốc hại", thiết tưởng đã đến lúc Miền Nam Việt Nam cần đến một vị lãnh đạo chơn chánh, dám đứng ra hoàn tất một cuộc cách mạng mà đến giờ phút này vẫn còn dở dang. Luật sư Trần Văn Tuyên đã có lý khi gọi đó là "cuộc cách mạng chưa thành" (1).

Không phải ngẫu nhiên mà một bộ óc lỗi lạc của Huê Kỳ là Herman Kahn, sau khi nghiên cứu để tìm giải pháp cho cuộc chiến tại Việt Nam đã đề ra nhu cầu ưu tiên nhứt để Miền Nam chiến thắng Cộng Sản ; đó là : "lãnh đạo thích nghi" (2). Các quốc gia Đồng Minh có thể viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa nhiều điều rất cần để tiếp tục cuộc chiến tự vệ. Tuy nhiên có một điều tối quan trọng mà dầu có thừa đi nữa, họ cũng không có cách gì viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa : đó là "lãnh đạo thích nghi".

Tiến sĩ George K. Tanham và ông Dennis J. Duncanson, hai chuyên viên về chiến tranh chống khuynh đảo tại Đông Nam Á, đã đi đến nhận định sau đây :

> "Không có kết cuộc trù định sẵn cho các cuộc chiến tranh cách mạng, bằng cớ là lịch sử cận kim đã chứng minh sự sai lầm của Mao Trạch Đông trong quan niệm tất thắng của loại chiến tranh cách mạng".
>
> "Thật ra chiến tranh nổi dậy là một hình thức đấu tranh có thể phát sanh vô số vận hội mới mẽ cho cả hai phe tranh chiến.
>
> "Chỉ có tài lãnh đạo thức thời và bản năng của nhà lãnh đạo bổn xứ (3) mới có thể phát hiện những phương tiện để giải quyết các vấn đề do cuộc chiến gây nên, từng trường hợp và từng lúc một" (4).

(1) Luật sư Trần Văn Tuyên, Tập san Quốc Phòng số 5, trang 6-26.
(2) Herman Kahn, "Can We Win in Vietnam?" trang 217.
(3) Do chúng tôi gạch thêm để nhấn mạnh.
(4) "Some Dilemmas of Counterinsurgency" Foreign Affairs, October 1969, tr. 113-122.

Bài học lãnh đạo chống cộng thành công của Hy Lạp, Mã Lai và Phi Luật Tân có thể được tóm tắt trong hai chữ : lãnh đạo. Thật vậy, yếu tố đem lại chiến thắng là tài danh lãnh đạo của Tướng Papagos, của Sir Gerald Templer và của cố Tổng Thống Ramon Magsaysay.

*
* *

"Nước mất mà không biết là bất trí,
Biết mà không lo liệu là bất trung,
Lo liệu mà không liều chết là bất dũng".

KHỔNG TỬ

*
* *

"Lịch sử Việt Nam đã chứng minh một sự kiện phi thường là mặc dầu bị ngoại bang đô hộ hơn một ngàn năm, dân tộc Việt Nam vẫn không bị đồng hóa, và Việt Nam vẫn còn là một quốc gia biệt lập" (1).

Thật vậy yếu tố nổi bật nhứt của giống nòi Hồng Lạc chính là tinh thần quật khởi. Ngày nay hơn bao giờ hết, Việt Nam Cộng Hòa cần đến tinh thần ấy để chiến thắng Cộng Sản. Trong quá khứ, ách đô hộ của đế quốc phong kiến Trung Hoa dù có hà khắc và tàn bạo cũng không thể sánh kịp ách thống trị phi nhân và cực kỳ độc ác mà

(1) Joseph Buttinger, "The Smaller Dragon" trang 67-110.

tập đoàn Cộng Sản đã thiết lập trên phần nửa đất nước tại Miền Bắc kể từ 1954 cho đến nay.

Giờ đây thiết tưởng đã đến lúc mà toàn dân phải "quật khởi" để sớm giải quyết nhu cầu cấp bách nhứt của tình thế khả dĩ quyết định sự sống còn của miền Nam, đó là "Lãnh đạo thích nghi".

THƯ TỊCH

A,- S Á C H

VIỆT NGỮ.-

1.- ÂN, Trần Văn.-

"VIỆT NAM TRƯỚC VẬN HỘI MỚI"
Saigon, Đời Mới - 1970.

2.- ÂN, Trần Văn.-

"VIỆT NAM TRƯỚC DƯ LUẬN THẾ GIỚI"
Saigon, Đời Mới - 1970.

3.- CHÍ, Hoàng Văn.-

"TỪ THỰC DÂN ĐẾN CỘNG SẢN"
Saigon - Chân trời Mới - 1964.

4.- DŨNG, Nguyễn Kim.-

"CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG"
Saigon, Thái Độ - 1968.

5.- HỒNG, Nghiêm Xuân.-

"LỊCH TRÌNH DIỄN TIẾN CỦA PHONG TRÀO QUỐC GIA VIỆT NAM".
Saigon - Quan Điểm - 1958.

6.- HUY, Nguyễn Ngọc.-

"ĐỀ TÀI NGƯỜI ƯU TÚ"
Saigon - Cấp Tiến - 1959.

7.- LÂU, Nguyễn Thiện

"QUỐC SỬ TẠP LỤC
Saigon - Khai Trí - 1970.

8.- NHẬN, Đỗ Ngọc

"VẤN ĐỀ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM"
Saigon - Tác giả - 1970.

9.- NHẬT, Trần Văn

"CHIẾN THUYẾT MỚI"
Saigon - Đồng Nhan - 1968.

10.- PHONG, Tùng

"CHÍNH ĐỀ VIỆT NAM"
Saigon - Đồng Nai - 1965.

11.- TRỊ, Nguyễn Bảo

"CANH TÂN LIÊN TỤC TRONG LỊCH SỬ"
Saigon - Tổng Bộ Thông Tin Chiêu Hồi" 1966.

12.- THÊM, Đoàn

"VIỆC TỪNG NGÀY - 1945 - 1968"
Saigon - Khai Trí - 1968.

ANH NGỮ.-

1.- ARMBRUSTER, F.E. Herman. Kahn

"CAN WE WIN IN VIET NAM"
Hudson - Hudson Institute - 1968.

2.- BALLANCE, Edgar O'

"MALAYA. THE COMMUNIST INSURGENT WAR 1948-1960"
London - Faber and Faber - 1966.

3.- BARNETT A. Doak
"COMMUNIST STRTEGY IN ASIA
New York - Pracger - 1963.

4.- BAIN, Chester A.

"VIET NAM. THE ROOTS OF CONFLICT"
New Jersey - Prentice Hall - 1967.

5.- BUTTINGER, Joseph.

"VIET NAM. A POLICAL HISTORY"
New York. Frederic A. Praeger - 1968.

6.-

"THE SMALLER DRAGON"
New York. Frederic A. Prraeger - 1958.

7.- CHURCHILL, Winston, Sir

"THE SECOND WORD WAR"
New York, Golden Press. 1966.

8.- CLAUSEWITZ, Marshall
"ON WAR"
Washington DC. Combat Force Press. 1953.

9.- COLE, Allen B.

"CONFLICT OF INDOCHINA AND INTERNATIONAL
REPERCUSSION : A DOCUMENT HISTORY"
New York - Cornell Publisher - 1956.

10.- FALL, Bernard B.

"THE TWO VIETNAM"
New York. Frederic A. Pracger - 1963.

11.- FALL, Bernard B.

"VIET NAM WITNESS, 1953-1966"
New York. Frederic A. Pracger. 1966.

12.- FALL, Bernard B.

"HO CHI MINH - A PROFILE"
New York. Frederic A Pracger.

13.- GAULLE, Charles, de

"THE COMPLETE WAR MEMOIRS OF CHARLES DE GAULLE
New York, Simon and Schuster, 1967.

14.- GETTLEMAN, Marvin E.

"VIET NAM"
New York. Fawcett Word Library, 1966.

15.- GIÁP, Võ Nguyên

"PEOPLE WAR - PEOPLE ARMY"
New York. Frederic A Praeger - 1962.

16.- GREENE, T.N.

"THE GUERILLA AND HOW TO FIGHT HIM"
New York. Frederic A Praeger, 1962.

17.- HONEY, P.J.

"COMMUNISM IN NORTH VIETNAM"
Massachusetts - Massachusetts Institute,1966.

18.- KENWORTHY, Leonard S.

"LEADERS OF NEW NATIONS"
New York - Doubleday and Co. Inc - 1968.

19.- MONGOMERY, Field Marshall

"THE PATH TO LEADERSHIP"
New York - GP. Putnam's Sons, 1961.

20.- KEBSCHULL, H.G.

"POLITICS IN TRANSITIONAL SOCIETIES
New York - Appleton - Century Crafts - 1968

21.- Mc CUEN, John J.

"THE ART OF COUNTER REVOLUTIONARY WAR"
London - Faber and Faber - 1966.

22.- NEWMAN, Bernard

"BACKGROUND TO VIETNAM"
New York - The New American Library 1966.

23.- PAINE Lauran,

"VIET NAM"
New York - Roy Publishers Inc. 1966.

24.- PIKE, Douglas

"VIET CONG"
New Delhi - Atma Ram and Sons - 1966.

25.- PYE, Lucian W.

"GUERILLA COMMUNIST IN MALAYA"
New Jersey - Princeton University Press,1956

26.- PAN, Stephan.

"VIETNAM CRISIS"
New York. Twin Circle Publishing Co. 1966.

27.- RAY, Sibnarayan.

"VIETNAM, SEEN FROM EAST AND WEST"
New York. Frederic A. Praeger - 1967.

28.- SCIGLIANO, Robert.

"SOUTH VIETNAM. NATION UNDER STRESS"
Boston. Houghton Mifflin Co - 1963.

29.- SHAPLEN, Robert,

"THE LOST REVOLUTION : THE US IN VN. 1946-66"
New York Harper and Row - 1966

30.- SCAFF H. Alvin

"THE PHILLIPINES ANSWER TO COMINUNISM.
California - Stanford University Press - 1964.

31.- SHILS, Edward.

"POLITICAL DEVELOPMENT IN THE NEW STATES
New York - Mouton and Co. 1965.

32.- TAYLOR, Maxwell D.

"RESPONSIBILITY AND RESPONSE"
New York - Harper and Row - 1967.

33.- TAYLOR, Jack W.

"HOW TO SELECT AND DEVELOPP LEADERS"
New York, Mac Graw Hill - 1962.

34.- TANNANBAUM, R.

"LEADERSHIP AND ORGANISATION : A BEHAVIOR SCIENCE APPROACH".
New York - Mac Graw Hill. 1961.

35.- TEAD, Ordway

"THE ART OF LEADERSHIP"
New York Mac Graw Hill - 1935.

36.- US. ARMY AREA HANDBOOK FOR VIETNAM - DA PAM 550-40
Washington D.C. Department of the Army - 1962.

37.- US ARMY AREA HANDBOOK FOR SOUTH VIETNAM - DA PAM 550-55
Washington D.C. Department of the Army - 1967.

38. THOMPSON, Robert "DEFEATING COMMUNIST INSURGENCY"
New York, PRAEGER, 1966.

PHÁP NGỮ.-

1.- ALAIN.

"MARS OU LA GUERRE JUGÉE
Paris - Editions Gallimard - 1936.

2.- BEAL M. George.

"LES SECRETS DE LA DYNAMIQUE DES GROUPES"
Paris, Chotard et Associés, Editeurs - 1969.

3.- BODART Lucien

"LA GUERRE D'INDOCHINE : L'HUMILIATION"
Paris, Editions Gallimard - 1965.

4.- GELINIER Octave

"MORALE DE L'ENTREPRISE ET DESTIN DE LA NATION"
Paris, Librairie Plon. 1965.

5.- LACOUTURE, Jean

"LE VIETNAM ENTRE DEUX PAIX"
Paris, Editions du Seuil - 1965.

6.- LEBRET, L.J.

"PRINCIPES POUR L'ACTION"
Paris - Les Editions Ouvrières. 1959.

7.- MUS, Paul.

"VIETNAM, SOCIOLOGIE D'UNE GUERRE"
Paris, Editions du Seuil, 1952.

8.- SAINTENY, Jean.

"HISTORE D'UNE PAIX MANQUÉE
Paris, Editions Fayard, 1967.

9.- VANUXEM, General.

"ESPOIR À SAIGON"
Paris, La Table Ronde. 1967.

B.- ẤN PHẨM ĐỊNH KỲ.-

1.- NGUYỄN VĂN BÔNG

"VẤN ĐỀ ĐỐI LẬP TRONG CHÁNH THỂ DÂN CHỦ"
Nghiên Cứu Hành Chánh, Tập 7. Saigon 1963.

2.- NGUYỄN NGỌC HUY

"KIỂM ĐIỂM 3 NĂM CẦM QUYỀN"
Cấp Tiến - Số 22. Saigon Tháng 10.1970.

3.- TRẦN VĂN TUYÊN

"CUỘC CÁCH MẠNG CHƯA THÀNH CỦA CHÚNG TA"
Tập San Quốc Phòng - số 5 - Saigon Tháng 11.70

4.- GEORGE K. TANHAM - DENNIS J. DUNCANSON

"SOME DILLEMMAS OF COUNTERINSURGENCY"
Foreign Affairs - New York. October 1969.

C.- ẤN PHẨM CỦA CHÁNH PHỦ

1.- Việt Nam Cộng Hòa

"THÀNH TÍCH CHÍN NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA CHÁNH PHỦ"
Bộ Thông Tin Saigon - 1963.

2.- Việt Nam Cộng Hòa

"THÀNH TÍCH NỘI CÁC NGUYỄN VĂN LỘC"
Saigon - Bộ Thông Tin - 1968.

3.- Việt Nam Cộng Hòa

"NỘI CÁC TRẦN VĂN HƯƠNG"
Saigon - Bộ Thông Tin - 1968

4.- Việt Nam Cộng Hòa

"THÀNH TÍCH NỘI CÁC CHIẾN TRANH 1965-1967"
Saigon - Bộ Thông Tin - 1967.

5.- Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa

Saigon - 1956.

6.- Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa

Saigon - 1967.